

NGUYỄN THỤY LONG

GIỮA ĐÊM TRƯỜNG

HỒI KÝ



TIẾNG QUÊ HƯƠNG

giữa đêm trường

Nguyễn Thụy Long

giữa đêm trường

nguyễn thụy long

bìa: *họa sĩ Đinh Cường*
minh họa: *cố họa sĩ Ngọc Dũng*
nguồn: *internet*
trình bày: *Anywhere*

giữa đêm trường

hồi ký

NGUYỄN THỤY LONG

Tủ sách

Tiếng Quê Hương

in lần thứ nhất

tại Virginia 9/2000

THƯ GỬI BẠN

TỬ SÁCH TIẾNG QUÊ HƯƠNG chủ trương giới thiệu các tác phẩm phản ánh mọi nét sinh hoạt của đất nước và con người trong ý hướng thu góp, lưu giữ mọi dữ kiện, hình ảnh, cảnh ngộ cũng như tâm tư, cảm nghĩ của người dân Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử còn được nhắc nhớ mãi ở mai sau.

Tác phẩm do Tiếng Quê Hương tuyển chọn và giới thiệu thuộc mọi thể

loại: sưu tầm, khảo luận, dịch thuật, phóng sự, sáng tác văn học... , đặc biệt là tác phẩm của các tác giả đang sống dưới ách áp chế ở quê nhà và các tác giả trẻ.

Tủ Sách hy vọng mang lại đều đặn cho bạn đọc những tác phẩm giá trị, đáp ứng đúng yêu cầu tìm hiểu mọi mặt đời sống của đất nước, đồng thời mong mỗi sẽ thực sự trở thành nhịp cầu nối kết mọi người Việt Nam tha thiết với tiếng nói quê hương và vận mạng chung của dân tộc.

Để hy vọng và mong mỗi đó thành sự thực, Tủ Sách rất cần sự tiếp sức chung lo của các bạn.

Mọi hình thức tiếp sức như đặt mua

sách, cổ động bạn bè cùng mua sách, đóng góp tác phẩm, phát biểu nhận xét về công việc... ngoài ý nghĩa khích lệ còn biểu hiện một giá trị thực tế lớn lao trong nỗ lực duy trì sự hiện diện và nâng cao hiệu năng đóng góp của Tủ Sách đối với sinh hoạt cộng đồng.

Từ sự tiếp sức của các bạn, mạng lưới thân hữu của Tủ Sách sẽ có điều kiện liên tục mở rộng theo ngày tháng để mang về thêm cho tất cả chúng ta những cơ hội hiểu biết và thông cảm lẫn nhau vô cùng cần thiết.

Cụ thể trên thực tế, Tủ Sách không ký thác hoàn toàn cho hệ thống phát hành kinh doanh mà chú trọng nhiều vào mạng lưới bạn đọc trực tiếp mua sách và liên hệ với Tủ Sách theo tư cách

thân hữu cùng góp phần chia xẻ công việc: Mạng lưới thân hữu của *Tủ Sách Tiếng Quê Hương*.

Muốn trực tiếp mua sách và tham gia mạng lưới thân hữu, bạn chỉ cần gửi thư cho Tủ Sách hoặc thông báo thẳng với người thay mặt Tủ Sách ở địa phương mình – tức người đại diện chính thức của Tủ Sách tại các địa phương.

Tủ Sách sẽ thường xuyên thông báo kịp thời về các tác phẩm được tuyển chọn giới thiệu để bạn đọc luôn có một cái nhìn tổng quát về sinh hoạt sách báo Việt Ngữ hải ngoại đồng thời có đủ dữ kiện để cân nhắc, lọc lựa các tác phẩm thực sự cần thiết cho tủ sách gia đình của mình.

Tủ Sách dự tính ra mắt bạn đọc vào tháng 9. 2000 với hai tác phẩm của nhà văn Nguyễn Thụy Long: THÂN PHẬN MA TRỜI và GIỮA ĐÊM TRƯỜNG.

Từ 1978 tới 1999, trước và sau thời gian sống trong trại cải tạo, Nguyễn Thụy Long hoàn thành 4 tác phẩm: tập truyện dài CON CHÓ LU BU, tập truyện ngắn THÂN PHẬN MA TRỜI, hai tập hồi ký HỒI KÝ VIẾT TRÊN GÁC BÚT (Nhà xuất bản Văn nghệ tại California ấn hành giữa năm 1999) và GIỮA ĐÊM TRƯỜNG.

Sau 30.4.1975, các nhà văn miền Nam còn lại trong nước, trong số có Nguyễn Thụy Long, luôn là đối tượng bị theo dõi gắt gao nên việc tiếp tục viết gặp không ít khó khăn. Nhiều truyện trong THÂN PHẬN MA TRỜI của Nguyễn Thụy Long phải viết lại tới lần thứ hai, thứ ba do phải hủy bản thảo ngay khi vừa viết xong hoặc phải chôn giấu rồi bị thất lạc.

Tập truyện dài CON CHÓ LU BU được viết trong thời gian Nguyễn Thụy Long vừa ra khỏi tù và đã được may mắn gửi ra hải ngoại sớm nhất cũng không khá hơn những truyện ngắn kia, vì không có hồi âm nào cho tác giả mà bản thảo cũng mất tăm. Vì thế, Nguyễn Thụy Long bắt đầu viết lại tác phẩm này từ cuối năm 1999 và vừa hoàn tất vào cuối tháng 6. 2000 vừa qua.

Trước đó, trong những tháng giữa năm 1999, anh viết tập hồi ký GIỮA ĐÊM TRƯỜNG ghi lại cuộc sống của bản thân cùng bè bạn với những trần trở, dày vò và những nổi trôi cay cực trong thân phận kẻ bị áp chế dưới bạo quyền.

GIỮA ĐÊM TRƯỜNG và THÂN PHẬN MA TROI được chuyển ra hải ngoại tháng 12.1999 và được tác giả ủy thác cho tủ sách Tiếng Quê Hương gửi tới bạn đọc.

Khi đồng ý cho xuất bản tác phẩm của mình, các tác giả còn ở trong nước đang cộng tác với tủ sách Tiếng Quê Hương ý thức rất rõ về hậu quả khốc hại có thể xảy đến cho bản thân và gia đình.

Nhưng, tất cả, trong số có Nguyễn Thụy Long đều thấy không thể chối bỏ trách nhiệm nói lên sự thực về đất nước và đồng bào giữa cảnh đêm trường gió bão của quê hương:

“Đêm nay, ngồi ghi lại những dòng này trời vẫn còn mưa. Những con muỗi đói sợ ướt cánh ủa đầy vào phòng, vừa đục mưa vừa kiếm ăn. Chúng bu vào tôi đốt tôi tả. Tôi đập tan xác chúng, máu bắn tóe trên bàn tay. Giữa đêm trường này chỉ còn mình tôi thức, trên căn gác bút đàm mê cô quạnh... Sáu tháng nữa thì đến năm 2000, bước sang thế kỷ 21. Lâu nay tôi ít để ý đến tình hình trên hành tinh này, vì loài người đánh đấm, ăn thua đủ với nhau lòng từng xòe.

Địa cầu huyền nào. Tôi cũng có sự huyền nào của riêng tôi. Những bức

xúc có căn nguyên, những buồn vui, những hậm hực, tôi nhả ra hết, có sao nói vậy, quên luôn cả lời mẹ từng dạy “tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Tôi cóc cần rồi. Tôi sợ húp nhăm cháo Lú thì khổ. Tôi không muốn sống như cục thịt hoặc như một nắm xương khô...”

Tử sách Tiếng Quê Hương ước mong tiếng nói thiết tha thốt lên từ đáy lòng của những người gắn bó trọn đời với mọi nỗi thăng trầm cay nghiệt của quê hương sẽ không lâm cảnh ngộ của những tiếng kêu trên sa mạc.

Tử sách

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

Tủ Sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG

xin chân thành cảm tạ sự giúp đỡ

với tinh thần hào hiệp chung lo

để hình thành tủ sách này của:

– Ông Bà NGUYỄN CHI DUY

– Ông Bà PHAN VĂN CƯỜNG

– Ông Bà VŨ VĂN VỊ

– Ông ĐẶNG ĐÌNH KHIẾT

– CÔ LÊ THỊ Ý

– Một vị ẩn danh

– Ông ĐỖ VIỆT ANH

– Nhà văn NGUYỄN THỊ NGỌC
DUNG

Tủ sách
TIẾNG QUÊ DƯƠNG



1.

NHIỀU KHI TÔI NGẠC
NHIÊN KHÔNG hiểu sao
mình sống bình yên được đến ngày
hôm nay, điều này chúng tôi từng nói
với nhau, những người bạn đồng cảnh
ngộ lúc trà dư tửu hậu. Muốn tìm hiểu
phải ôn lại, nhớ lại tất cả những gì xảy
ra cho mình từ sau ngày 30-4-1975,
còn có thể trước nữa, nghĩa là trước
ngày miền Nam bại trận với quân đội
miền Bắc. Tôi không chối cãi một điều
rằng tôi là người Bắc di cư 1954. Mặc

dầu tôi không phải người di cư thực sự mà vào Nam trước di cư hai ba năm gì đó. Tôi không đổi được giọng Bắc nên nhiều anh em bạn bè người Sài Gòn gọi tôi là Bắc kỳ di cư. Bắc kỳ di cư thì đã sao? Tôi chấp nhận. Cũng là người Việt Nam cả, tôi là người Bắc chuyển vùng. Đời sống nên dễ dãi như thế dễ chịu cho mình, cho người.

Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi đã hoàn thành phần nào mộng ước của mình là được làm nhà báo nhà văn. Tôi gặt hái được ít nhiều kết quả trong nghiệp báo cũng như nghiệp văn. Tôi chỉ nói thế thôi chứ không tự đánh giá mình bao giờ. Nhưng tôi hãnh diện vì nghề mình đã đeo đuổi, đôi khi cuồng tín với nghiệp dĩ. Chúng tôi là người làm báo được hưởng quyền thứ tư. Nhưng phải đòi mới có thể có chứ

không bỗng dưng mà có được.

Tôi nhớ thuở làm báo trước năm 75. Những tờ báo đứng vững được, và đám người làm báo chúng tôi sát cánh cùng nhau để có tự do trong hành nghề không phải là dễ. Cũng rất gian nan. Những tờ báo bị tịch thu, bị đục trắng khi vừa ra khỏi nhà in. Những tờ báo bị đóng cửa rút giấy phép, ký giả bị bắt bớ, bị ám sát cũng đã có, không biết từ phía nào. Nhà báo lêu bêu từ tòa soạn này sang tòa soạn khác nhiều lắm. Có năm tôi nhảy đến ba bốn tờ báo, cũng có thể năm sáu gì đó. Nhưng vẫn vui, vẫn sống, vẫn hành nghề được.

Chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, quân nhân lên cầm quyền. Chế độ quân nhân muốn báo chí vào khuôn vào phép, không được nói lên điều dở

điều chương tiêu cực của nhà nước, đặt ra một số điều lệ bắt nhà báo phải tuân theo.

Tôi nhớ một buổi họp báo của một ông tướng cầm quyền ở phủ thủ tướng. Ông tướng họp báo nói lên điều lợi điều hại gì đó. Ra luật lệ kinh khủng lắm. Buổi họp báo chiều hôm ấy chỉ một mình ông tướng nói, chẳng một nhà báo nào đứng lên đặt câu hỏi. Rồi một nhà báo lớn tuổi, tôi nhớ là ký giả Tô Văn đứng dậy vỗ tay, lây lan sang hàng mấy chục ký giả khác cũng đứng dậy vỗ tay theo. Chấm dứt cuộc họp báo. Các nhà báo ra về trên lối đi có hai hàng lính cận vệ ghim súng. Chúng tôi coi cuộc họp báo ấy như pha, như không có, qua sự chứng kiến của những nhà báo nước ngoài. Cuộc họp báo chỉ có

thế thôi, nhưng đã nói lên thật nhiều, thực tế chẳng ký giả nào nói gì.

Tôi đã sống qua những kỷ niệm ấy, tôi trang trọng nghề nghiệp mình.

Sau năm 75, anh em đồng nghiệp của tôi xảy đàn tan ghé. Tôi còn lại trên đất nước quê hương, dù còn yêu nghề lắm nhưng không hòa nhập được. Có muốn cũng đành chịu. Lý do tại sao tôi cũng đã nói rồi nên không nói lại, tôi đành gác cây bút lên một thời gian dài, để tìm đường tự cứu sống mình và gia đình.

Đến tuổi già hết sức lao động, chòm xóm có đưa giấy mời vào hội phụ lão, từ mấy năm nay, nhưng tôi vẫn chưa tham gia, vì tôi nghĩ tôi không có thì giờ ngồi đánh cờ với các cụ, hay đi dự

những cái gọi là quan hôn tang tế gì đó trong chòm xóm. Hoặc phải viết một bài diếu văn theo đơn đặt hàng, vì tôi cũng có chút chữ nghĩa viết được ra câu ra cú, xài tạm tạm vậy. Mà đụng đến giấy bút tôi ngứa nghề kinh khủng, có lẽ cũng là cái bệnh, hoặc hình như chúng nan y.

Tôi leo lên căn gác bút ọp ẹp, xuống cấp trầm trọng của tôi múa bút vung vít, chẳng có mưu đồ gì hết. Tôi múa may một mình thật cô đơn, nhưng thật là tự do. Vũ điệu cũng có thể là múa rối mà tưởng rằng mình vũ ballet. Hiểu sao cũng được. Cũng vui được tuổi già, dù cô đơn trên căn gác bút. Đêm chán viết thì đập muỗi, ngắm sao trên trời, nghĩ ngợi vẩn vơ: thương ông bạn này vừa nằm xuống, nhớ thằng bạn kia còn phải bon chen với đời. Rồi thương

mình, thấy mình trẻ lại như hồi nào, hà tất phải ngồi đánh cờ với các vị bô lão, lẫn thẩn nói chuyện dở người. Xin lỗi hội phụ lão đã có lời mời gọi. Lạy các cụ ạ! Nhà cháu còn trẻ lắm, dù rằng có người đã hỏi ba đứa con nhỏ của tôi là chúng phải gọi tôi là ông nội hay ông ngoại? Tôi bị “sốc” là chuyện của tôi. Tôi sinh ra chúng trong cảnh nghèo khó và muộn màng, có thể thôi.

Đúng thời gian đất nước mở cửa, kinh tế thị trường thì tôi bị dời khỏi ao cá, nói đúng ra tôi bị đuổi khỏi nơi ấy. Dĩ nhiên người ta có vin vào một lý do, một cái cớ nào đó và cũng nhân tiện không trả tôi mười hai tháng tiền lương khi tôi làm nghề coi ao cá mà phường còn thiếu chịu của tôi. Tôi thấp cổ bé miệng mà miệng nhà quan thì có gang, có thép. Vợ chồng con cái lếch thếch

dời túp lều ao cá trên chiếc xe đạp thô, con chó ghẻ lẻo đẻo chạy theo.

Tôi lại hy vọng ở một cuộc đời mới, một chốn ở mới. Không lẽ trời đất bao la mà ta không có chỗ dung thân. Tôi vẫn luôn luôn nuôi một hy vọng nào đó nên mới sống dai. Kể cả những lúc thập tử nhất sinh trên giường bệnh, tôi vẫn không chán sống. Mỗi năm, giờ Giao Thừa leo lên căn gác bút, tự chúc thọ mình sống lâu trăm tuổi. Hãy cạn chén đắng, còn người ta muốn tính toán gì ở tôi thì cứ làm đi. Tôi lại nhớ đến một đoạn nhỏ trong Thánh Kinh của Chúa, cầu nguyện tại vườn Ghét-sê-ma-nê, sau buổi tiệc ly. Cũng là lời Chúa nói với Giu đa.

Ở trên căn gác bút, tôi có thì giờ nghĩ ngợi về đời sống, về tôn giáo, xã

hội, chế độ. Mặc dầu tôi không là tín đồ của một tôn giáo nào, nhưng kính trọng tất cả những thánh nhân. Trước bàn làm việc của tôi có hình của Gandhi. Những lời lẽ ấy, những tư tưởng ấy giúp cho tôi khởi sắc trở lại và tha thiết với cuộc sống, mà tôi cho là quá ngắn ngủi với một kiếp người. Tôi có thể nói thật nhiều hoặc không nói gì. Chẳng phải vì hãi sợ hay lý do gì khác. Thường thì tôi hay bông đùa với cuộc đời, vì tôi yêu đời, tha thiết với đời. Đơn giản như bốn phép tính. Cộng, trừ, nhân, chia. Một cộng một là hai, hai nhân hai là bốn, bốn chia hai được hai, hai trừ hai không được gì cả. Hết. Tức là zéro. Tôi cứ tưng tưng giữa cuộc đời, coi là nghiệt ngã thì nó nghiệt ngã, không đáng gì cả thì thôi, mặc kệ nó, không phải là chuyện cấp bách, quần

áo mặc sao cũng được, nhà cửa có chỗ chui ra chui vào, cơm nước có muối mè gạo hầm là xong. Không rượu chè, cờ bạc, hút xách. Nhu cầu cần thiết chẳng, có các con tôi, chúng cần học hành để biết lấy tí chút chữ thánh hiền là quý rồi. Tôi đã từng lao động để nuôi con, cho đến ngày không còn đẩy nổi chiếc xe bán xôi vò nữa thì mới nghỉ. Trước đây, gần hai chục năm trước, sau ngày đi học tập cải tạo về, mà trả lời với công an phường kiểu này thì mệt đó. Anh nói anh không lao động mà vẫn sống nhăn, chẳng ai tin hết. Nghiêm túc lên nào. Có làm mới có ăn, không làm mà có ăn, đích thị anh là kẻ phạm pháp, phi ăn cắp thì cũng ăn trộm, ăn cướp, nói chung là ăn ... bẩn. Kẻ ăn bám xã hội hèn hạ như loài ký sinh trùng. Phải truy nguyên tróc nã cái mà anh đang

hưởng thụ đến nơi đến chốn, có nguồn có gốc, theo lý thuyết tam đoạn luận.

Bây giờ thì dễ dãi rồi, anh có thể trả lời tiền có để tiêu, để thưởng thức một tô phở xuất xứ từ “Đô” do người thân từ nước ngoài gửi về cho, bất kể đó là người thân hay bạn bè thương tình. Anh không bị kết tội là liên lạc với người nước ngoài nữa. Chuyện đó bây giờ bị coi là chuyện chẳng hơi sức đâu. Kể từ ngày tôi phi lao động, nằm dài chờ Chúa thu hồi hộ chiếu trên giường bệnh, nếu tôi không có bạn bè giúp đỡ, lo lắng cho thì đã tận số rồi. Chưa biết lên Thiên Đàng hay xuống địa ngục.

May mà tôi cũng chưa húp lăm cháo Lú ở bến đò sông Nại Hà để quên sạch sự đời. Lấy đâu ra tư liệu để viết Hồi Ký Viết Trên Gác Bút. Thì ra tôi vẫn

còn sống, vẫn còn minh mẫn. Không như anh bạn của tôi, thi sĩ Tú Kếu, nổi tiếng một thời ở Sài Gòn trước 1975. Anh đã húp lầm cháo Lú ngay khi còn sống nhân ở thế gian. Khiến anh quên tất cả: Quên đời, quên gia đình, quên tất cả những người thân, thậm chí không biết mình là ai... Vợ anh kể rằng, anh vừa ăn cơm xong, lại đòi ăn nữa vì quên biến rằng mình vừa ăn rồi. Chứng bệnh đó, người ở thế gian, bên cõi Âu gọi là bệnh Alzheimer, tên của vị bác sĩ tìm ra chứng bệnh đó. Đi ra đường mà không ai đưa dắt là Tú Kếu đi lạc, không biết đường về tổ ấm của mình. Sống cứ ngơ ngơ ngáo ngáo chẳng ra sao hết. Anh ngồi với người thân nào đó cũng như với người xa lạ. Hệt như phim Bay xuống vùng đất lạ mà tôi mới được xem trên truyền hình. Hai người

phi công bị rơi ở một vùng đất xa lạ Úc châu. Nhiều ngày tháng lạc lõng đói khát, khổ cực, cô đơn. Cuối cùng được trở về với thế giới văn minh. Một trong hai người trở nên điên khùng, quên hết mọi sự đời, vĩnh viễn sống trong u tối, sống như một cục thịt, một nắm xương tàn đến trọn đời. Nhưng dù muốn dù không tôi cũng phải kiểm chứng lại chuyện này, tìm xem lý do nào khiến Tú Kếu lại rơi vào tình trạng ấy. Tại sao tâm hồn anh lại tê tái đến vô cảm. Thuở Tú Kếu còn tỉnh táo, anh có đưa tôi đọc tập thơ anh làm trong tù, những bài thơ cay đắng phẫn nộ, những cảnh trông thấy trong những ngày tù tội dài dằng dặc. Nhà thơ yếu đuối đó được trở về sớm hơn bản án anh phải mang, không biết do ân huệ từ đâu tới. Anh người xứ Sơn Tây, từng kể chuyện quê hương

anh cho tôi nghe, đọc thơ của Tản Đà,
Quang Dũng. Anh đọc bài thơ Quang
Dũng, Ánh mắt người Sơn Tây:

Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn

Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng

Sông Đáy chậm nguồn quanh Phủ Quốc

Sáo diều se sắt thổi đêm trăng

Bao giờ ta gặp em lần nữa

Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa

Đã hết sắc màu chinh chiến cũ

Thì có bao giờ em nhớ ta

Buồn, buồn quá đi thôi khi ngồi
trước Tú Kếu, một nhà thơ sinh ra ở đất
Sơn Tây, bây giờ có lẽ đã quên rồi. Rất
may có một đạo, sau khi ra tù, Tú Kếu

đưa vợ con về thăm quê nội, còn sót lại gì trong anh không? Hải hùng quá trước một sự trống rỗng thăm thẳm.

Đây cũng là những gì cần trả lời cho Khanh, cháu của cậu Nhiên (tên tục của Tú Kếu). Cháu viết thư về thăm hỏi cậu Nhiên, cậu Long, mơ ước một ngày về thăm quê hương được cùng cậu thăm lại xứ Sơn Tây. Cháu Khanh bé nhỏ hồi nào, thương cậu Nhiên, thương cả bạn thân của cậu Nhiên là cậu Long. Khi đó hai cậu theo đuổi nghề viết văn làm báo, nghèo lắm, và có lẽ cái nghèo, cái khốn khó ấy đeo đuổi suốt đời.

Cho đến bây giờ, sau mấy chục năm trời, sau khi Hồi Ký Viết Trên Gác Bút của tôi ra mắt độc giả ở bên ngoài quê hương, tôi nhận được thư của Khanh.

Bức thư của Khanh từ nước ngoài, xứ Texas xa xôi về được địa chỉ của tôi ở ấp Đông Ba Gia Định xưa thật khó khăn, vì Khanh chỉ nhớ mải mại đến căn nhà của tôi ở đó. Thư cũng đến nơi nhưng mất một thời gian dài, công lao của người đưa thư tìm ra. Tôi biết hoàn cảnh của Khanh ở nước ngoài. Lời tâm sự của Khanh trong thư nói đến gió mưa ở xứ người và nhớ mưa Sài Gòn. Tình cậu cháu nhưng không thể coi là lãng mạn của thời mới lớn. Khanh chưa đến tuổi về hưu, nhưng cũng có cháu nội và sắp có cháu ngoại rồi. Bây giờ thì Khanh sống cô đơn trong căn nhà ở xứ người, nhớ Sơn Tây, Sài Gòn, thèm nghe tiếng nói Việt Nam nên vẫn thường phải mở đài phát thanh Little Sài Gòn để nghe tiếng Việt. Tôi quý mến cô cháu gái như

thuở nào. Tôi ngồi vào bàn viết thư hồi âm cho Khanh. Đang viết thư thì nhận được tin Trần Lê Nguyễn mất.

Trần Lê Nguyễn là một nhà văn, đúng ra là một kịch tác gia, nổi tiếng với cuốn *Bão Thời Đại* của anh xuất bản từ năm 1956. Sau năm 1975 anh không còn cầm bút nữa, không đụng chạm gì đến chữ nghĩa, văn chương. Anh đi chạy chợ trời như những nhà văn nhà thơ hết thời khác. Nhưng tôi vẫn thấy anh luyện tiếc cái gì đó ở nghệ thuật, tìm lại những bức tranh sơn dầu, tranh lụa, tranh sơn mài của những họa sĩ quen tên xưa: Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Tạ Tỵ, Nguyễn Trung. Tôi nói với anh nếu những bức tranh này phải bán đi thì tiếc thật. Anh cười, chuyện mua bán mà. Tôi làm nghề sửa

xe đạp, thường hay sưu tầm đồ phụ tùng xe đạp cũ nổi danh một thời. Tôi thấy anh đi một chiếc xe đạp cũ đồ mi cuốc, có cái khung xe, cặp vành và cặp đèn quý giá quá. Tôi hỏi anh kiếm được ở đâu. Anh nói anh sưu tầm từng thứ một để ráp thành cái xe này. Anh nhắc tôi cố sưu tầm cho anh một cặp đèn hiệu Campagnelo của Ý, giò đĩa hiệu Stronglight, phải “din” từ con ốc, vít. Tôi hứa với anh mà tôi không làm được trọn vẹn, vì tôi đổi nghề như cóc nhảy. Một buổi chiều gần tàn, nơi chốn chợ trời tôi với Trần Lê Nguyễn vẫn ngồi say sưa “đấu” những món đồ xe đạp quý. Tôi nghe ngóng được từ người ta, bèn nói đến một cặp niềng làm bằng gỗ, dai, dẻo, cứng, nhẹ của một tay đua nổi danh thuở xa xưa, câu chuyện cứ y như chuyện “bốc phét”. Cặp niềng

đó vẫn còn lưu lạc trong dân gian mà tôi chưa tìm ra. Tôi nói với anh ở Đà Nẵng có người vẫn giữ được chiếc xe đạp của tay đua nổi tiếng trong cuộc đua Đông Dương, vượt đèo Hải Vân. Phụng Hoàng Lê Thành Các. Có một người vẫn còn giữ được đến bây giờ. Trần Lê Nguyễn thì nói với tôi về những bức tranh với nổi đam mê, trời tối lúc nào không biết. Lúc chia tay nhau anh Nguyễn còn nói: “Nếu chúng ta còn những đam mê như thế thì khó mà hòa nhập được với nền văn minh chợ trời”. Chợ trời là phải chụp giật nhau mà sống, có lời thì bán, mua rẻ bán đắt, bán đồ dỏm đồ giả, cần thì bóp cổ nó cho mình trúng mảnh. Bán mà không tiếc, coi nghệ thuật đồ quý như pha. Phải coi bức tranh sơn dầu, tranh lụa này là miếng giẻ cũ, bức sơn mài của

Nguyễn Gia Trí là một tấm ván. Nói chuyện nghệ thuật ở đây là chuyện vô ích.

Trong một lần khác gặp lại Trần Lê Nguyễn, tôi khoe tìm lại được quyển kịch Bảo Thời Đại của anh ở gánh ve chai. Anh hỏi người ta cho hay mua lại. Tôi nói mua lại. Anh lại hỏi có đắt không, bao nhiêu tiền? Tôi nói chỉ có năm đồng bạc Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Anh nói vậy thì đáng giá rồi, chỉ thế thôi, có khi hớ đấy, nếu không người ta cũng xé ra để gói xôi. Mua thế được giá cho người bán, mẹ ve chai trúng mảnh. Cả cuốn sách chỉ cân nặng lỏi hai trăm gờ ram, bán giấy vụn giá cũng chỉ vài đồng bạc một ký lô, đủ mua một gói xôi bắp ăn ấm lòng. Tôi bỗng thấy nhói lên ở trong lòng. Con người chúng tôi nếu có được đánh giá

cũng là giá “bèo” huống chi là những tác phẩm. Bức tranh sơn dầu chỉ là mảnh vải cũ, bức tranh sơn mài chỉ là tấm ván cũ. Trước đây người ta đốt đi cũng là phải.

Theo cái lý của người ta. Tôi chẳng nói đến cái lý phải quấy ấy làm chi.

Một ngày khác nữa, Trần Lê Nguyễn đến ngôi nhà cũ của tôi ở ấp Đông Ba xưa, xem xét căn nhà hoang của tôi, rồi biết tôi vẫn thất nghiệp, anh khuyên tôi nên nuôi chim cú. Tôi nói tôi chẳng có kinh nghiệm gì về chim cú hết, anh rủ tôi đến nhà anh ăn sáng, căn nhà gác chật chội ở bến Chương Dương kê đầy chuồng chim cú, đẻ trứng lia chia.

Anh mời tôi ăn bánh mì “ốp la” trứng chim cú. Tôi đếm được mỗi đĩa

trứng có sáu cái. Trong khi bà vợ anh nhặt một giỏ trứng mang xuống chợ bán mỗi ngày. Anh nói gia đình anh vẫn có thịt ăn. Anh chỉ bắt chim cút trong chuồng. Thế rồi suốt ngày hôm ấy Trần Lê Nguyễn và tôi đi lang thang, lên tận Gò Vấp, vào nhà Tô Thùy Yên để học kinh nghiệm nuôi chim cút của nhà thơ này. Một nhà thơ mới ở tù ra và được coi là hết thời, đang chờ ra đi nước ngoài theo diện HO. Cái vốn liếng tù tội của Tô Thùy Yên có lẽ dư thừa còn vốn liếng kinh nghiệm nuôi chim cút của anh thì tôi không biết có từ bao giờ. Nhưng nghe nói anh cũng dày dặn kinh nghiệm lắm. Tôi thì không theo nghề ấy, vì một lần nuôi gà bị chết toi cả bầy. Sạch luôn cả vốn liếng mà bạn bè có lòng giúp đỡ. Nói tóm lại, tôi không có tay nuôi gia cầm. Tôi vẫn

lang thang kiếm sống qua ngày, xa lánh chợ trời mà có lần tôi đã coi là chốn gió tanh mưa máu. Tôi đi bán xôi đến lúc quỵ ngã vì mất sức lao động. Một cơn tai biến mạch máu não, tí nữa thì chết, nếu không chết thì cũng bán thân bất toại, tê liệt nửa người. Tôi qua khỏi cơn bệnh như có phép lạ. Bây giờ di chứng chỉ còn nói ngọng và khó khăn khi nói. Chẳng được một câu nào gãy gọn. Còn một tay chưa tê tôi bèn viết. Kệ nó muốn ra sao cũng được.

Tôi bị tai biến mạch máu não phải nằm bệnh viện, ngoài vợ con ra tôi chỉ có bạn bè, những người bạn nghệ sĩ nghèo, góp nhặt cho tôi từng đồng để trả viện phí. Tôi mang ơn bằng hữu hoặc thân hoặc sơ. Khi đó tôi tưởng mình đi đứt rồi. Chỉ có những khuôn mặt bạn bè cúi xuống tôi. Tôi nhớ mãi những

khuôn mặt ấy, những đôi mắt ấy không bao giờ quên được. Tôi làm sao quên được chú em bạn tù Võ Bá Yên, nguyên là huynh trưởng Hướng Đạo Sinh, khi khiêng tôi vào phòng cấp cứu phải mang cầm Chứng Minh Thư Nhân Dân (căn cước) để có tiền đưa tôi qua cửa ải này. Trước khi mê man, tôi còn ghi nhận được hình ảnh ấy. Nay thì Võ Bá Yên không còn nữa, chú em ấy bị nhồi máu cơ tim cũng đã chết rồi.

Tôi đưa Yên đến phần mộ ở Bình Hưng Hòa. Tôi đã khóc. Tôi quì trong chùa cùng các sư cầu siêu cho Yên. Ôm hai đứa con nhỏ của Yên, khuyên nhủ chúng cố giúp mẹ chúng duy trì nghề bán cơm bình dân ở căn nhà cạnh chợ Cây Quéo. Bố chúng chết rồi, hàng cơm thiếu người bưng tô rửa chén, các cháu phải thay bố ngoài giờ đi học.

Khi tôi rời bệnh viện ít ngày thì vợ tôi cũng giở dạ đẻ, đứa con út tôi hiện nay. Lúc ấy tôi không có tiền. Mẹ con nó may mắn mẹ tròn con vuông và vợ tôi chịu đoạn sản để lấy tiền thưởng đóng thay viện phí. Vậy cũng xong. Chuyện cũng như người phải bán máu mình để lấy tiền mua cơm ăn. Như cây nến tự ăn mình để duy trì ngọn lửa.

Mấy năm sau, tôi nghe Trần Lê Nguyễn bị bệnh. Bệnh tai biến mạch máu não như tôi đã từng bị. Anh đau khổ hơn vì bị bán thân bất toại, nói năng ngọng nghịu. Vợ anh Nguyễn phải làm thông ngôn mỗi khi đi đâu hay có người tới thăm. Có hôm tôi với Tú Kếu đang ngồi ở quán báo của Nguyễn Kinh Châu ở đường Bà Huyện Thanh Quan thì Trần Lê Nguyễn đi xích lô đến. Anh nói chuyện với chúng

tôi mà chúng tôi chẳng nghe được câu nào. Anh bị ngọng quá sức rồi.

Một lần khác anh đi xích lô đến nhà Tú Kếu, bà vợ đi cùng, hôm ấy tôi cũng có mặt. Chị Nguyễn phải thông ngôn chúng tôi mới hiểu. Nội dung anh hỏi nhà Tú Kếu còn tranh không, nếu bán thì anh mua. Trời đất, anh vẫn còn nghĩ đến chuyện ấy, chuyện nghệ thuật mà anh đam mê từ mấy chục năm trước, thuở lêu bêu chợ trời. Buôn bán mà không bao giờ có lời, bán một tác phẩm mình mua được tiếc đứt ruột. Con người Trần Lê Nguyễn thế đó.

Hôm chợ Cầu Ông Lãnh cháy, ngay vào khu anh ở từ bao nhiêu năm trên đường bến Chương Dương, tôi lo lắng suốt một đêm. Sáng sớm tinh mơ tôi đạp xe xuống phía nhà anh, may quá

ngọn lửa không lan đến, tôi an tâm ra về.

Tin Trần Lê Nguyễn mất đột ngột đến với tôi. Khi đó là buổi chiều, sáng sớm ngày hôm sau gia đình sẽ đưa anh đến nhà thờ làm lễ rồi đưa anh lên lò thiêu Bình Hưng Hòa. Đến khi đó tôi mới biết tên thật của anh là Nguyễn Huy Tạo, sinh năm 1924, mất ngày 7-7-1999. Thế có nghĩa là anh 75 tuổi, sao mà tâm hồn anh trẻ thế.

Những người đi đưa tiễn anh lần cuối cùng hầu hết là những văn nghệ sĩ chế độ cũ. Ngoài những nhà văn nhà báo mà đếm được trên đầu ngón tay, tôi thấy còn có các họa sĩ như Cù Rừng, Hồ Thành Đức mới ở nước ngoài về thăm quê hương. Đưa đám anh đến tận lò thiêu Bình Hưng Hòa, có một người

con trai chống gậy, tôi cứ ngỡ là con trai của anh, nhưng hỏi ra thì biết cậu đó là cháu, con trai người em trai anh. Một bài điệu văn ngắn, cảm động do Hoàng Vũ Đông Sơn đọc trước quan tài, rồi cửa lò thiêu mở, quan tài anh từ từ hạ xuống. Thôi, thế là vĩnh biệt Trần Lê Nguyễn. Tiếng khóc của người thân anh òa lên. Tôi cũng không cầm nổi nước mắt. Tấm hình của anh vẫn toe toét nụ cười.

Buổi trưa về nhà anh, trên tường tôi thấy còn nhiều bức tranh nghệ thuật. Căn nhà đó ở bến Chương Dương, trước khi anh tới cư ngụ, tôi biết nhiều họa sĩ đã đến ở đó, có cả Cù Nguyễn. Năm 1963 tôi đến đó nhờ họa sĩ Nguyễn Trung vẽ cho tấm bìa tập truyện ngắn

Vác Ngà Voi, tập truyện ngắn đầu tay của tôi thuở đầu đời.

Trên đường về, buổi trưa trời ập xuống một cơn mưa. Tôi bị cảm nằm liệt mất mấy ngày. Đêm nay ngồi ghi lại những dòng này trời vẫn còn mưa. Những con muỗi đói sợ ướt cánh ùa đầy vào phòng. Vừa đụt mưa vừa kiếm ăn, chúng bu vào đốt tôi tới tấp. Tôi đập tan xác chúng, máu tóe trên bàn tay.

Trong đêm trường này chỉ mình tôi còn thức, trên căn gác bút đàm mê cô quạnh.

2.

CHỈ CÒN SÁU THÁNG NỮA THÌ ĐẾN NĂM 2000, bước sang thế kỷ 21. Sự cố máy tính Y2K của thế giới hình như đã khắc phục được. Tôi nghe phát thanh truyền hình nói thế. Lâu nay tôi ít để ý đến tình hình trên hành tinh này, vì loài người đánh đấm, ăn thua đủ với nhau lòng tung xoe. Địa cầu huyền ảo. Tôi cũng có sự huyền ảo của riêng tôi. Những bức xúc có căn nguyên, những buồn vui,

những hậm hực, tôi nhả ra hết, có sao nói vậy, quên luôn cả lời mẹ từng dạy: “Tránh voi chẳng xấu mặt nào” hoặc “Một điều nhịn là chín điều lành”. Tôi cóc cần rồi, tôi có thể “khùng – điên – ba trợn”. Tôi sợ húp nhầm cháo lú thì khổ. Tôi không muốn sống như cục thịt hoặc như một nắm xương khô. Tôi tự vả vào miệng mình, tự bôi xấu mình, nhiech móc cái thân phận bất hạnh của mình thôi. Chẳng thèm đụng chạm đến ai. Than thân chúng tôi (kể cả bạn bè):

Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ

Bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh

Những câu thơ này của ai, thi sĩ nào thuở có trào lưu lãng mạn, chán đời hồi đầu thế kỷ 20 trên đất nước Việt Nam, tôi nhớ tác giả là Vũ Hoàng

Chương nhưng không dám chắc lắm. Xin lượng thứ cho tôi. Bạn bè tôi ai thấy mình không ở trong hoàn cảnh này cứ việc tự do phủ nhận. Tôi không kéo bè kết đảng hay làm tha hóa bất cứ ai.

Ngày hôm nay Sài Gòn mưa từng chập, gần như suốt ngày. Tôi nằm nhà vì cơn bệnh ập đến với tôi hơn một tuần nay. Tôi bị cao áp huyết nên máu lên xuống bất thường. Bà vợ tôi sợ nguy hiểm cho tôi, khi leo lên leo xuống trên căn gác bút, nên đề nghị tôi ở căn buồng dưới nhà, một căn phòng nhỏ có thể tránh được gió máy. Điều ấy hợp lý quá, tôi đành chấp nhận. Thôi, không ở trên căn gác bút nữa thì xuống hầm “ninh chữ” vậy. Tôi gọi chỗ làm việc mới của tôi là hầm ninh chữ, cũng là bút hiệu của bạn tôi đã chết. Thi sĩ Ninh Chữ. Rảnh thì giờ tôi dọn dẹp tí

chút. Mơ ước mở được cái cửa sổ để có lỗ thông gió, nhìn ngói mả đá xưa mấy trăm năm. Nhìn thấy những con ốc sên to bằng nắm tay trẻ con mà người ta gọi là ốc ma bám trên mả đá. Tôi không còn thấy nữa vào những ngày mưa từ mấy chục năm nay. Hình như chúng đã bị tiết chủng.

Đang ngồi buồn và suy nghĩ vẩn vơ thì nhận được tờ báo Khởi Hành của Viên Linh gửi qua đường bưu điện. Tôi đọc ngẫu nhiên. Tôi thấy sự hiện diện của một người bạn im hơi lặng tiếng suốt bao nhiêu năm trời, nay cũng có tên anh viết về những dòng sông ở Việt Nam, con sông Đáy ở Sơn Tây làm nền cho bài viết.

Người viết nói: Nhắc đến sông Đáy, nhắc đến Sơn Tây, người ta nhắc

đến thơ Quang Dũng, những bài thơ của một cuộc chiến, một cuộc chiến có tiếng hát, cuộc chiến ấy đã dứt để hôm nay là cuộc chiến khác, một cuộc chiến không có tiếng hát, không có thơ ... Tại sao lại có hai cuộc chiến khác nhau?

Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến

Hiu hắt chiều sương lạnh đất Tề...

Tôi đọc bài Tạp ghi của Ký Giả Lô Răng, Bọn tù Sơn La. Cảm động và buồn không chịu được. Vì tôi cũng từng là người tù, từng chứng kiến những cảnh đầy đọa như thế, từng ăn đói mặc rách, từng đi đào trộm khoai sắn, biết chia nhau với bạn tù một con rết núi nướng, mơ ước một miếng cơm cháy ăn cho thơm miệng, và điều thuốc Lào đỡ vã. Điều ấy tôi đã viết chưa nhỉ? Tôi viết

rồi. Thành nguyên một cuốn truyện dài kia. Tôi tin rằng không bị lỗi thời. Không gây hận thù để tuyên truyền cho một thời điểm hay giai đoạn nào đó. Tôi nghĩ đến cái lâu dài của con người với con người. Trong Bạn tù Sơn La, Ký giả Lô Răng có nhắc đến thượng tọa Thích Thanh Long (nguyên giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo). Cũng là một người tù. Tôi chưa từng biết vị này. Nhưng chùa mà ngài có thời gian trụ trì tôi biết, chùa Viên Giác trong ấp Đông Ba Gia Định xưa, nghĩa là rất gần với nhà tôi bây giờ. Nhắc đến nhà sư này, tôi không thể không nhớ đến bạn tôi, Lý Phật Sơn, Trần Kỳ Hùng, Trần Quang Bạch, đã khuất bóng, tôi đã viết trước đây, trong Hồi Ký Viết Trên Gác Bút. Anh đã ở trong ngôi chùa đó sau ngày 30-4-75, khi thầy trụ trì đi học

tập cải tạo ngoài Bắc Việt Nam.

Tôi với Lý Phật Sơn từng ăn chuối thay cơm ở dưới mái hiên ngôi chùa đó. Nói chuyện trời đất bông lông, nhắc lại một số bạn xưa mà tưởng chừng như không bao giờ gặp lại nữa. Nghĩ đến bạn đã khuất bóng sau khi đọc bài Bạn tù Sơn La, tôi bắt gặp cũng trong tờ báo ấy hai bài thơ, một của Thuyền Du, bài Chiêu Niệm, một của Nguyễn Quan Hà, Chiêu niệm Lý Phật Sơn. Thì ra hai vị này là bạn thân của Lý Phật Sơn tự thuở nào, còn biết cả tên tục của Lý Phật Sơn là Trần Quang Bạch. Nhân đọc hồi ký của tôi. Tôi không thể không ghi lại những câu thơ khóc bạn, lấy ra những điều tôi ghi nhận về Lý Phật Sơn:

Dưới mái rêu phong người tá túc

Hỏi người, người nhắm mắt không thừa

Hỏi thầy: thầy cái tạo ra Bắc,

Hỏi Phật: Chùa hoang phế khác xưa

(thơ Thuyền Du)

Vắt kiệt máu xương ngọn đèn sắp tắt

Nửa đốm tinh anh leo lét đợi thời

Thời chẳng chiều người,

Trời cao không mắt

Canh bạc nhân sinh người đã thua rồi.

Đã đến đã đi đã còn đã mất,

Bạch ơi Bạch ơi! Sao phận con người.

(thơ Nguyễn Quan Hà)

Khoảng gần mười năm sau 1975, tôi nghe nói nhà sư trụ trì chùa Viên Giác ở ấp Đông Ba cũng là Tuyên Ủy Phật Giáo đã học tập cải tạo được trở về. Ngài tiếp tục tu hành tại ngôi chùa, đệ tử đến thật đông, rồi ngài cũng viên tịch thời gian ngắn sau đó. Tôi thấy đám ma của ngài đi trong ấp Đông Ba (nay là phường 7 quận Phú Nhuận) ra đường lớn, đường Chi Lăng cũ (nay là đường Phan Đăng Lưu). Đông đệ tử đi đưa tiễn.

Tôi tự hỏi không biết vị sư trụ trì sau học tập cải tạo về có bị quản chế không, nghĩa là mỗi tuần, có khi hàng ngày phải dẫn xác lên phường để công an thấy mặt, nghiêm chỉnh báo cáo về mình, trong một cuốn sổ.

Với tôi đã từng phải ghi những trang nhật ký như thế, tốn khá nhiều giấy bút. Cuối tuần được ban cho quyền được Lao Động Xã Hội Chủ nghĩa như công việc quét phường, nhặt rác hoặc sai bảo linh tinh. Ấy cái tính tôi cứ nói năng lẩn thẩn. Nhưng đó là sự thật, không nói điều và cũng không có gì mờ ám.

Bây giờ mỗi buổi sáng tôi có nhiệm vụ đưa thằng con trai út đi học ở trường tiểu học Đông Ba. Lần nào cũng đi qua chùa Viên Giác, tôi dừng lại mua một cái bánh tiêu hay dầu cháo quẩy cho con, trước cổng chùa có bà bán chuối, tôi nhớ bà ta đã ngồi ở đây lâu lắm rồi. Tôi không biết bạn Lý Phật Sơn của tôi đã ăn chuối của bà lần nào chưa. Hành lang chùa trống vắng. Tôi nhớ cái giường sắt của Lý Phật Sơn kê

ở chỗ đó. Tôi và anh ta có bữa làm hết cả một nải chuối, ngồi nhìn kiếng chùa tiêu điều.

Thời gian đó cũng xa xôi rồi... Những gì tôi ghi lại đều là hồi ký. Những chuyện linh tinh trong cuộc đời mà tôi nghĩ rằng với tuổi đời tôi đủ tư cách để ghi lại. Mà sao những kỷ niệm ấy lại buồn thế. Trong năm Mậu Dần vừa qua bao nhiêu chuyện để ghi lại. Nào là tiễn bạn lên đường đi định cư ở nước ngoài, đón bạn về thăm quê hương. Tiễn bạn vĩnh viễn xa lìa trần thế, lên lò thiêu hoặc xuống mồ. Đường nào cũng xuống âm phủ.

Mỗi bước chân điều chuyển là mỗi kỷ niệm, tính ra tôi đã sống ở thành phố Sài Gòn này hơn bốn mươi năm, từ khi tôi còn là một thiếu niên, nay

đang về già. Cũng từ Sài Gòn tôi bung ra khắp các tỉnh miền Nam Việt Nam thuở viết văn làm báo.

Sau 30-4-1975 tôi quanh quẩn trong Sài Gòn, ngoại trừ một lần lưu lạc xuống Cà Mau làm cu ly, khoảng thời gian ngắn. Một lần khác ra khỏi Sài Gòn đi học tập cải tạo, tức là đi tù. Tôi học tập không tốt hơn mà hình như xấu đi nhiều. Sau một thời gian bị quản chế lại còn xấu hơn nữa. Hằng triệu điều bức xúc ở trong đầu tôi, hình như không thể nào tẩy rửa sạch được. Muôn đời tôi cũng chẳng trở thành con người mới có tư duy mới để thích nghi với cuộc sống. Tôi tự ăn mình để sống, như ngọn nến ăn sáp, tiêu hao nhiên liệu của chính mình để duy trì ngọn lửa, ánh sáng, trong cái chết dần mòn.

Tôi yêu mến Sài Gòn, yêu mến những kỷ niệm. Một ấp Đông Ba nhỏ xíu, với những kỷ niệm còn con. Yêu mến bạn bè, chẳng may bạn bè có điều gì tới đến ngay dù chỉ với tấm lòng. Còn những cái lôm côm khác bỏ tuốt, ai nói sao cũng được. Những lúc tôi thập tử nhất sinh, có bạn thì ngược lại, khi bạn gặp điều không may cũng có tôi. Không phải là sự tính toán, vì không tính toán gì tất cả.

Ngồi mãi trên gác bút hay trong hầm ninh chữ này cũng chán, tôi lang thang ra ngoài xóm, nhìn những căn nhà bị giải tỏa dưới cù lao Rạch Miễu mà chán hơn. Tôi lấy xe đạp đi xa. Tôi muốn tìm đôi vỏ xe cho chiếc xe Solex già nua của tôi, mà các cửa hàng bán vỏ xe ở Sài Gòn không còn nữa, tôi đoán

rằng ở Xóm Mới may ra còn. Xóm Mới nổi tiếng một thời sau ngày 30-4- 75 sản xuất vỏ xe các loại, kể cả nghề làm pháo lậu. Một thời sau khi đi học tập cải tạo về, vì miếng cơm manh áo tôi đã tham gia với những người anh em Xóm Mới làm nghề sản xuất vỏ xe lậu. Thời buổi đó thật khó khăn, cái gì không phải của nhà nước, quốc doanh đều bị coi là hàng lậu, nghề lậu, “chui”. Khi đó tôi còn sức khỏe, đủ sức chịu đựng gian nan vất vả, kể cả hiểm nguy để kiếm lấy miếng ăn. Tôi không giống như con mèo ướm hay con gà chết như bây giờ.

Xóm Mới qui tụ hầu hết là dân Bắc kỳ công giáo di cư nhà quê từ năm 1954, mộ đạo và người dân ấy có nét chịu thương chịu khó. Đất canh tác ít

ỏi, chỉ đủ đất trồng thuốc Lào, nên dân chúng xoay ra làm nghề buôn bán, hoặc làm công.

Hồi trước năm 1975, Xóm Mới cũng đã làm đủ ngành nghề, trong đó có nghề làm pháo, nghề mổ heo. Khi không được chính thức làm ăn nữa thì bị coi là làm pháo lậu, thịt chui. Năm nào cũng xảy ra tai nạn vì sơ xảy. Pháo phát nổ, nhà sập, người chết bị thương cũng nhiều. Nhưng rồi đâu vẫn hoàn đấy. Chẳng phải người dân Xóm Mới ngang chướng gì, hay cố tình không tuân hành luật pháp. Hay nói một cách khác là tham tiền, tham lời. Của đáng tội không phải vậy đâu. Dân Xóm Mới, dân Hồ Nai Biên Hòa hay dân Cái Sắn dưới miền Tây, không đủ tư cách và điều kiện để hội nhập với chế độ mới,

không làm chui làm lậu lấy gì mà sống. Chúa dạy phải đồ mồ hôi mới có được miếng ăn, Chúa chỉ cấm không được ăn cắp ăn trộm, gian dối hay lừa đảo thôi. Con chiên ngoan đạo là con chiên biết nghe lời dạy tốt lành của Chúa. Tôi chỉ thấy người dân Xóm Mới nhẩn nại, ngoan cường như loài kiến. Cái thân tôi từng lê lết xuống vùng ấy làm nghề ve chai nên rất rành. Từng chở keo, cao su lậu từ nhà máy vượt qua bao nhiêu trạm kiểm soát kinh tế lúc đêm khuya mưa gió để mang vào Xóm Mới nguyên vật liệu làm ra chiếc vỏ xe đạp, xe xích lô rất cần thiết lúc bấy giờ.

Thuở đó mua được một chiếc vỏ xe đạp hiệu Sao Vàng hoặc vỏ xe quốc doanh nào đó thật khó khăn, anh có năn nỉ vả bọt mép ra cũng kệ anh, nếu anh không có giấy giới thiệu, không được

“thủ trưởng” nào đó chúng nhận thì không bán. Mặt mấy đứa thương ng hiệp cứ vác lên như mặt thớt. Bực quá anh văng tục hay chửi thề, liệu cái thần hồn nhà anh.

Tôi là người có bệnh cận thị kinh niên, chẳng may vỡ mất một bên mắt kính, làm thế nào tôi cũng không thay được tròng mắt kính bề suốt nhiều năm trời. Vì tôi không là nhân viên gì hết nên không có giấy giới thiệu, chuyện đó không ai giải quyết cho. Tôi đành làm kẻ mù dờ. Nhìn đời, nhìn người mờ ảo như trong cơn mê hoặc lệch lạc ráo rọi.

Người Xóm Mới làm ra được cái vỏ xe mới tài tình chứ, đáng ra được trao huy chương vàng. Thời đó cả Xóm Mới, già trẻ, lớn bé lao vào nghề làm vỏ

xe, mỗi người làm một khâu, một công đoạn, rút ra những chỉ bố từ vỏ xe hơi phế thải, nối chỉ rồi lên bồ quay, bàn căng ghép ta-lông, dán keo mang hấp, khuôn hấp chạy điện hay chạy than. Điện thường là câu trộm, phải thú thật như thế. Bị bắt, bị phạt, bị tịch thu khuôn hấp cũng nhiều, được tha cũng không ít vì lẽ độ biết điều, biết nói câu thông cảm đậm đà, biết mời thuốc có cán, điệu đóm cẩn thận. Vỏ xe tung ra thị trường bán đắt như tôm tươi, và tất nhiên theo ngả buôn lậu bán chui rồi. Tôi thành thật khai báo rằng vào thời gian ấy tôi cũng đã theo người ta làm ăn kiếm sống cái kiểu này. Nếu không thì đã chết đói từ lâu rồi.

Một buổi trưa, khi tôi còn theo nghề mua bán ve chai, lang thang xuống tận Xóm Mới kiếm ăn, tôi rao đến rát cổ nổ

họng mà chẳng ai mang đồ ra bán. Một người đàn ông vẫy tôi vào nhà, nói:

– Chẳng mua bán gì được đâu, vô đây làm bát nước chè tươi, điều thuốc Lào cho đỡ vã đã. Biết hút thuốc Lào chứ?

– Biết, cái món này tôi hầu lắm.

Tôi làm đến ba bi thuốc Lào, say la đà, đỡ vã thật. Trong căn nhà đó tôi thấy đông người làm việc, đàn bà trẻ con ngồi kéo chỉ, nối chỉ, người khác đứng khuôn, người đàn ông khi nãy phụ trách khuôn hấp. Thì ra anh ta là chủ cơ sở. Tôi quan sát từng khâu một, tôi thấy làm ra chiếc vỏ xe chẳng mấy khó khăn.

Anh chủ cơ sở nói với tôi:

– Muốn làm không, nếu muốn thì ngồi xuống mà làm, tôi trả công cho, còn hơn đi rao ve chai. Không kiếm nổi bữa cơm chiều nay đâu, nhưng nếu anh làm từ giờ đến chiều, chắc chắn anh kiếm được ba chén cơm.

– Vậy thì được, nhưng tôi làm gì bây giờ?

– Việc đầu tiên anh ngồi tuốt chỉ từ cái vỏ xe cũ này ra, tôi tính công qua từng ký lô, coi người ta làm sao thì anh làm vậy.

– Cần làm giấy tờ thủ tục gì không?

– Khởi, tôi chẳng cần biết tên anh thì cần biết lý lịch anh làm chi. Làm đi rồi chiều lãnh lương, ngon như óc chó.

Tôi nhập nghề làm vỏ xe, chỉ làm

vỏ xe thôi chứ không biết kinh doanh. Tôi xin thề rằng tôi đã biết thêm được một nghề nữa trong hàng chục nghề tôi đeo đuổi suốt 23 năm qua, ngoài nghề cầm bút của tôi đã bị coi là lỗi thời, phế thải. Tôi quen với sinh hoạt làm vỏ xe từng ngày. Cái kính trắng tôi đeo có một tròng mắt nên được gọi là Long mù, như tên gọi trong trại học tập cải tạo của tôi.

Tính tôi ưa phiêu lưu mạo hiểm, nên đề nghị với chủ để được chở keo mướn. Việc làm đơn giản nhưng không kém phần gian nan nguy hiểm. Khâu quan trọng nhất trong nghề làm vỏ xe là cao su, mà nghề nghiệp gọi là keo.

Tôi phải lấy keo từ nhà máy cán keo ở Chợ Lớn mang về Xóm Mới. Trạm kiểm soát kinh tế giăng mắc khắp ngả

đường như thiên la địa võng. Vô ý một tẹo thôi là sa lưới, mất cả chì lẫn chài. Những cuộn keo nặng hàng tạ chất lên chiếc xe đạp thổ của tôi, tôi vừa đạp xe vừa cầu Chúa cầu Phật phù hộ độ trì cho để lọt lưới. Tôi tự tìm ra những con đường xuyên xóm, xuyên sân bay Tân Sơn Nhất, qua ngã chợ Cầu về Xóm Mới, ngã kho đạn qua An Nhơn. Thường là lúc một hai giờ đêm, trời mưa to gió lớn càng tốt, một mình tôi với chiếc xe thổ chở hàng tạ hàng lậu. Cùng với lời cầu nguyện tai qua nạn khỏi, trong túi áo tôi luôn luôn có gói thuốc lá điếu có cán, thuốc lẻ thôi, để nếu không may gặp “sự cố” thì hát bài “con cá nó sống vì nước, con sống vì các ông các bà, xin các đồng chí thông cảm cho”. Thời gian đó tôi vừa láo vừa biết nói dối như cuội.

Xóm Mới khi đó còn heo hút lắm, những trại lính của chế độ cũ chạy dài từ Ngã Năm Chuông Chó đến tận An Nhơn, những nghĩa địa hoang, ruộng vườn ngả Hạnh Thông Tây, ban đêm, nhất là những đêm mưa, ềnh ường kêu y uông sao mà buồn thế. Người ta nói rằng con đường ấy có ma. Thây kệ. Hằng đêm tôi phải đi qua những ngã đó. Những trạm kiểm soát cũng ở những góc đường đó. Tôi gần như nín thở đạp xe qua. Vậy mà cũng có lần có người xô ra chiếu đèn pin vào mặt tôi, súng chĩa vào ngực. Tôi bèn hát bài con cá, hòa điệu cùng tiếng ềnh ường, rồi rất lễ độ xin thông cảm, tôi làm mặt khổ đến thảm hại. Có lẽ tôi diễn xuất cũng tài nên các cán bộ thông cảm. Nhắc nhở tôi:

– Nay khắc phục nhé, lần sau mà tái phạm không tha đâu.

Tôi vâng dạ rồi cúi thẳng. Hy vọng rằng hơi thuốc có cán làm ấm lòng chiến sĩ. Nhưng tôi vẫn nghe lời ba người đó cãi nhau phía sau:

– Đúng thằng đó rồi, hôm trước nó chạy qua cầu có con suối đầu An Nhơn rồi biến mất chứ ma quỷ gì. Quân này láo thật.

Đúng là tôi chứ chẳng sai. Đêm hôm đó chính tôi chở keo qua chốt kiểm soát này, qua trạm được chừng chục thước, nghe tiếng hô hoán:

– Hàng lậu, hàng lậu bắt lấy nó, đứng lại không tao bắn!

Để bảo đảm nguyên vật liệu không hiểu sao tôi lại liều đến thế. Nhấn bàn đạp đạp bừa. Xe lao xuống dốc vun vút, ở một khúc quanh tôi lạng tay lái, thay vì qua cầu tôi lao ngay xuống con suối cạn, chỉ một cái ngã đau điếng người nhưng tôi cũng chui được vào gầm cầu. Rồi tôi nghe tiếng người lao nhao, đèn pin chiếu loang loáng:

– Rõ ràng nó mới ở đây mà biến đi đâu nhanh thế. Ma à?

Đèn pin chiếu xuống suối đúng ra là cống thoát nước từ khu Hoàng Mai chảy ra:

– Hay là nó rơi xuống đây?

– Rơi xuống thì gãy cổ sống sao nổi. Đấy, đồng chí thấy không, có gì đâu nào!

Đèn pin chiếu ngay sát chỗ tôi nằm cùng chiếc xe đạp, nhưng không phát hiện. Rồi toán người ấy bỏ đi. Vừa đi vừa bàn chuyện ma quỷ hiện hình rồi biến mất. Tôi là một con ma, có sao đâu.

Chuyến chở hàng lậu ấy của tôi trót lọt về đến Xóm Mới. Nhà chủ banh những cuộn keo ra, cắt cắt dán dán, vô khuôn hấp mở hàng lúc năm giờ sáng. Lái buôn vỏ xe đã trực sẵn đây nhà chờ lấy hàng. Tôi mệt quá vì mất gần một đêm không ngủ nghỉ, lại đau nhức cả một bên bả vai, vì cái ngã hồi đêm.

Tôi lão đảo ra đầu xóm ăn bát cháo lòng, đánh hết hai bát tiết canh mới thấy người khỏe ra. Tôi còn cần một ly cà phê, điều thuốc nữa mới đủ đô, phục hồi sức khỏe. Tôi có tí tiền trong

túi đủ nghỉ ngơi nguyên ngày. Chẳng làm giàu làm có gì nên tôi không tranh cướp vỏ xe đi bỏ mỗi. Dù tôi có lấy cũng được coi là ưu tiên số một. Tôi mệt mỏi quá rồi, đúng với nghĩa của nó. Tôi đạp xe ra cuối Xóm Mới, quán cà phê sát mé sông mở sớm. Ly cà phê nóng hôi hổi và thơm tho làm sao, tôi tự thưởng cho mình điều thuốc có cán thơm râu, hưởng lấy không khí trong lành buổi sớm mai. Nhìn ra mặt sông xem những thuyền câu xuôi ngược hoặc đang giăng lưới. Tôi thường nghe người ta đồn rằng, trên bến sông này nhiều thuyền câu “giả dạng thường dân” làm taxi đưa người Xóm Mới ra “cá lớn” đậu ngoài biển, hoặc ếm gà ở Cần Giờ, đủ “quân số” ra biển, bỏ quê hương mà đi, kiếm ăn xứ người, nếu may mắn thoát chết, không chui vào

bụng cá thì gửi “thùng” về cứu giúp gia đình còn kẹt lại trên quê hương.

Chính tôi cũng mang trong lòng giấc mơ đen tối ấy. Những mong mình chính là những con người đó. Được tốt lành hay bất hạnh gửi số mệnh cho ông Trời định đoạt. Những phút giây mơ mộng giúp tôi sống, dù là lây lất qua những chuyến đò hàng lậu thập tử nhất sinh như đêm qua.

Một tiếng nói sau lưng làm tôi giật mình. Tôi mới mang chứng bệnh hãi sợ này từ khi đi học tập cải tạo về:

– “Rê su ma” lạy Chúa tôi, có phải anh đấy không?....

Tôi ngẩng lên, nhân vật Đức râu, chú em ít tuổi cùng ở chung trong trại học tập với tôi. Anh ta là người ở Xóm

Mới, được ra về sau tôi một thời gian ngắn. Bây giờ anh cũng là chủ cơ sở làm vỏ xe lậu, mang tên “Sóng Thần”, tên của một tờ báo hồi chế độ cũ tôi từng cộng tác.

Đức râu cũng hầu món văn nghệ lắm, tính nết thì bộp chà bộp chộp, nhưng không phải là người xấu. Ở trong trại học tập, Đức râu từng nổi tiếng qua bài hát Nửa hồn thương đau của Phạm Đình Chương. Trong phim Chân trời tím, truyện phim của nhà văn Văn Quang. Giọng anh to, ôm ôm, đặc sệt thổ âm Xóm Mới, mang từ miền Bắc di cư vào. Anh ta hát như thế này: “Rắm mắt... cho tôi tìm một thoáng hương xưa.....”.

Thật là hết ý, nhắm mắt mà anh ta cứ hát thành rắc mắt thì có chết người

ta không chứ. Anh em cười cái rần, Đức râu cứ tiếp tục hát cho đến hết bài. Vui đáo để, ai yêu cầu hát là anh hát liền, râu ria cứ mọc ra tua tủa nên mới có tên là Đức râu. Thường mở đầu câu nói bằng câu “Rê su ma, lạy Chúa tôi”. Anh là một con chiên ngoan đạo. Tôi thường thấy anh lần chuỗi Mân Côi lầm rầm cầu nguyện, khi ngừng lao động, dù là ít phút ngắn ngủi. Năng cầu nguyện tức là tăng thêm sức mạnh. Anh nói thế và tin thế, cũng tốt thôi khi đang ở trong một hoàn cảnh nghiệt ngã. Những nhát cuốc phăng phăng trên sỏi đá, sườn đồi tóe lửa. Mảng đất sắt cũng phải bật lên thành luống.

Tôi chậm rãi nói:

– Ngồi xuống đã nào, tôi bao cậu cà phê sáng nay.

Đức râu ngồi xuống:

– “Rê su ma, lậy Chúa tôi”, anh làm gì mà có tiền, trúng mảnh nào hả?

– Chẳng mảnh mung gì hết, vẫn chở keo lậu như mọi khi thôi. Đêm qua bị bể một chuyến tí chết....

Tôi kể cho Đức râu nghe chuyện đi hàng gian nan đêm trước. Đức râu chăm chú nghe và luôn miệng “Rê su ma”. Đôi mắt của Đức râu nhìn tôi và những tiếng “Rê su ma” của anh, tôi biết anh sốt sa cho thân phận tôi lắm. Bàn tay anh đang xoa bóp nhẹ nhàng trên cái vai đau của tôi. Tôi nói:

– Tao tưởng bị gãy cổ rồi, may mà cái ngã lăn tròn, cái vai chịu đựng tất cả, nếu không chắc là đi đứt.....

– “Rê su ma” lạy Chúa tôi, em cũng đang tính nhờ anh một chuyến hàng, nhưng nghe anh nói em không dám nữa.

– Hàng cho nhà Tốt còn chuyến được chuyến không, tao sức đâu mà đưa cho mày. Mày nhờ người khác đi, cũng nhiều tay liều mạng lắm. Vở hồi này bán chạy, bọn xe thô và xích lô tín nhiệm là ăn bứt, tao không ngờ Xóm Mới lại thành công trong việc làm này...

– Anh thông thạo việc làm vở chưa?

– Tao có thể làm được từ A đến Z.

– Vậy tại sao anh không ra nghề, mình làm chủ lấy mình.

– Tao có nghĩ đến chuyện đó, nhưng không có vốn để làm ăn, vả lại

tao không có tài làm chủ, chỉ có khiếu làm cu li thôi.

– “Rê su ma” anh hận đời đen bạc nên cay đắng thế thôi. Nhưng em biết rồi, anh nguyên là một nhà văn nên anh làm thế này để lấy chất liệu trong thực tế, biết đâu một ngày nào đó em lại không được đọc truyện của anh. Trong anh còn âm ỉ một đốm lửa, chưa biết lúc nào bùng lên. Em sống bên anh trong trại học tập suốt mấy năm trời, em biết chứ!

– Thế hả, cậu có thể gia nhập ngành công an được đấy.

“Rê su ma” anh nói thế thì chết nhà em mất, anh em mình cứ thành thật với nhau, với kẻ khác thì chẳng nên, không khôn khéo sao em sống được đến ngày

hôm nay, em còn phải thay thầy em trông coi cả mấy mẫu thuốc Lào, mấy cái ao nuôi cá rô phi, rồi cái xưởng làm vỏ Sóng Thần của em nữa. Từ lâu em đã có ý định giúp anh mở một xưởng nữa lấy tên là vỏ xe Sống. Vỏ xe Sống và Sóng Thần bon bon chạy khắp các ngã đường Việt Nam.

– Con lạy bố, con sợ ở tù lắm rồi, làm ơn khê cái mồm một tí nào. Bố trẻ cứ hứng lên phát ngôn bữa bãi là khốn đó. Có mồm thì cấp có nắp thì đây.

– Xin nghe anh, nhưng cũng phải hỏi anh có ngày nào anh viết về cái Xóm Mới này không?

– Có chứ, những ngày tao chở keo lậu cho dân Xóm Mới làm vỏ xe lậu, ghi lại những chuyến chở keo lậu, gian nan

nguy hiểm không kém gì đường Trường Sơn. Tao đặt tên cho nó là đường mòn Cao Su. Cuộc chiến đấu của riêng tao, đơn độc nhưng cũng không kém vẻ hào hùng đâu.

Buổi sáng hôm ấy tôi đã hứng chí mà bốc phét như thế với Đức râu. Đã mười lăm năm qua rồi. Mười lăm năm trong 23 năm của một đời người, hôm nay tôi mới thực hiện được lời hứa ấy, khi nó đã ngấu, đã chín rục.

Cũng buổi sáng hôm ấy tôi hứng chí nói năng lung tung, hình như về một chuyến ra đi nào đó. Bây giờ tôi không còn nhớ rõ. Nhưng cuối cùng tôi vẫn còn ở lại trên quê hương.

Ái chà chà, sao buổi sáng hôm ấy tôi lại hùng biện như vậy, phải chăng vì

cái ngã đau suýt toi mạng đêm trước. Nên quên cả sợ, có những cơn bốc đồng thành bốc phét. Phải chăng tôi nhiễm bệnh khủng–điên–ba trợn.

Sài Gòn bị ảnh hưởng một cơn bão rút nên đẹp như mùa thu Hà nội. Tôi nhả nha đạp xe xuống Xóm Mới, từ đầu Nguyễn Kiệm qua sân “gôn” xưa, qua bệnh viện Cộng Hòa, đến Ngã Năm Chuồng Chó, thẳng đường xuống An Nhơn là nhập Xóm Mới. Tôi là người sống ở Sài Gòn mà ngạc nhiên vì sự thay đổi của Sài Gòn. Sự thay đổi đó mới có từ khi nền bao cấp cáo chung, bước sang đổi mới rồi kinh tế thị trường. Một sự giàu sang mà người ta nói là phồn vinh, nhưng là thứ phồn vinh gì đó. Chưa phải là một sự bình sản, chênh lệch nhau thấy rõ nhất từ xưa tới nay. Nếu có chút hiểu biết

người ta không thể vỗ tay hay hết lời ca tụng thành quả kinh tế phát triển tốt đẹp. Cứ chờ đợi rồi biết ngay thôi.

Với tôi mỗi bước chân di chuyển trong thành phố Sài Gòn xưa là mỗi kỷ niệm, dấu ấn đậm nét dĩ vãng. Thường thì không mấy tốt đẹp, bệnh viện Cộng Hòa xưa, nay là bệnh viện 175.

Buổi chiều ngày 30-4-75, tôi chứng kiến hàng hàng lớp lớp thương bệnh binh của quân đội chế độ Cộng Hòa bị lừa ra khỏi bệnh viện, thẳng mù cõng thẳng què, thẳng đổ ruột đựng trong bao ni lông ôm bên hông. Tôi không theo dõi kỹ nên không biết số phận họ ra sao, cũng không biết họ bị lừa ra khỏi bệnh viện rồi đi đâu, vì bệnh viện Cộng Hòa không còn là chỗ nằm dưỡng bệnh cho họ nữa. Nhưng

khách quan mà nói tôi thấy thê thảm quá. Một chút mùi lòng trong cái xô bồ của thời thế.

Cái xóm trước bệnh viện Cộng Hòa xưa, nay mọc lên những căn nhà khang trang buôn bán tấp nập. Trại lính kéo dài từ Ngã Năm Chuồng Chó đến An Nhơn đã bị phá đi, mọc lên một khu thương mại, cả bên ngã Hạnh Thông Tây cũng vậy.

Xóm Mới nhỏ bé cũng khác xưa nhiều lắm. Dĩ nhiên là nhà cửa mọc lên, xây cất kiểu cộ dàng hoành. Nhà thờ cũng nhiều và khang trang hơn trước. Dòng sông xưa, nay cũng có một cây cầu xi măng bắc qua, xe vận tải hạng nặng chạy được. Quán cà phê xưa, bên bờ sông tôi từng ngồi mỗi buổi sáng tinh mơ không còn nữa. Con đò dọc

trên dòng sông đã triệt tiêu luôn ý nghĩ vẩn vơ của tôi mơ ước một lần nào đó đưa mình ra cửa biển, nhưng thực tế cũng có đấy. Không riêng gì dòng sông này mà nhiều dòng sông Việt Nam khác đã chảy ra biển, cũng đã từng mang theo nhiều con người ra đi. Có những nguồn tin mất tích và cũng có tin được hồi âm. Có hợp rồi tan, tan rồi hợp như truyền thuyết Lạc Long Quân, Âu Cơ.

Suốt buổi sáng hôm ấy tôi rong chơi ở Xóm Mới. Tìm lại những kỷ niệm xưa, rất rõ nét trong tôi thời làm vỏ xe lậu, nhưng lại rất mơ hồ trong thực tế. Tôi không thể nào tìm mua được chiếc vỏ xe Solex vừa lỗi thời vừa cũ rích của tôi. Một món đồ đáng để vào viện bảo tàng. Hỏi một người làm vỏ xe cũ thì được biết khuôn hấp đó không còn nữa,

người ta đã nấu chảy nó ra làm khuôn bánh xe Honda Dream rồi. Tôi từng thấy có đám trẻ con ủa ra xem chiếc xe của tôi, đôi mắt chúng nhìn chiếc xe quái dị. Chúng có nhìn thấy chiếc xe này bao giờ đâu. Đơn giản vì đương thời của chiếc xe Solex chúng chưa ra đời. Nên chiếc xe Solex chẳng là gì cả đối với chúng. Tôi buồn cười khi nghĩ đến câu nói của anh Tây già đóng tuồng quảng cáo cho tủ lạnh Electronic trên tivi:

– Bốn mươi năm vẫn chạy tốt!

Tôi chạnh lòng nghĩ đến thân phận tôi, như thân phận một số bạn bè cầm bút của tôi thuở nào. Tưởng là chìm đắm vĩnh viễn trong quên lãng, người ta muốn thế. Có người đã nói vào mặt tôi:

– Anh đừng tưởng bánh, mười năm người ta không quên anh thì hai mươi năm.

Phải chăng tôi hai mươi ba năm mới hồi sinh, một giấc ngủ đông quá dài của loài gấu. Tôi có nghề làm vỏ xe, tôi có thể tái sinh được cái vỏ xe cũ rách của tôi, bằng cách này hay cách khác để chạy thêm được một khúc đường dài nữa. Tôi sẽ chạy suốt con đường hồi ký cho đến khi nó “xum bả chè”. Cũng trong ngày hôm ấy tôi đi qua một nhà thờ trong xóm đạo. Tôi nghe thấy bài kinh “lạy cha”:

Lạy Cha chúng con ở trên Trời

Chúng con nguyện danh cha cả sáng

Nước Cha trị đến, ý cha thể hiện

dưới Đất cũng như trên Trời.

Xin Cha cho chúng con

*lượng thực hàng ngày và tha nợ
chúng con.*

*Xin chở để chúng con sa chước cám
dỗ,*

*nhưng cứu chúng con cho khỏi sự
dữ.*

A men!

Lại là những ngày rong chơi trong thành phố Sài Gòn đang ảnh hưởng một cơn bão. Ninh Thuận, bão đánh chìm xuống, tốc nhà, người chết. Nước sông Tiền sông Hậu dâng cao. Cả một vùng rộng lớn ở Đông Nam Á bị đe dọa.

Tôi nghĩ đến tập kịch Bão Thời Đại của Trần Lê Nguyễn vừa nằm xuống, mà anh đã viết cách đây bốn mươi năm.

3.

ĐÃ TỪ LÂU RỒI, CƯ DÂN SÀI GÒN, không kể Bắc, Trung, Nam, lâu ngày bỗng nhiên gặp nhau. Thế rồi tay bắt mặt mừng, thăm hỏi nhau, cuối cùng phải có sự hỏi han về chính thân phận của nhau:

– Thế nào lâu nay ông làm gì?

Tức là một câu hỏi dành riêng cho công ăn việc làm của anh. Câu trả lời

của người hóm hỉnh, thất nghiệp kinh niên rất tiêu cực:

– Làm thính!

Chỉ một chút sững sờ, nhưng rồi sẽ hiểu ngay thôi, người bạn được trả lời bèn cười xòa, sự đời cay cú thế đó. Động từ làm thính được coi như là công việc nghề nghiệp, danh từ. Nghề gì lại là nghề làm thính. Làm thính để mà sống. Anh sống thế nào thì mặc kệ anh, sự sống quý giá như thế đấy. Ngược lại câu khẩu hiệu mà người dân Sài Gòn nào cũng được nghe từ hơn hai mươi năm trước: Lao động là vinh quang, lang thang là chết đói. Hai chữ làm thính phản bác thẳng vào câu khẩu hiệu có tính cách đe dọa kia. Như một câu gắt gỏng quen thuộc của cụ cố trong tác phẩm Số Đỏ của nhà văn Vũ

Trọng Phụng: Biết rồi khổ lắm nói mãi! Người nhận được câu trả lời thèm bực mình khi được người bạn trả lời như thế, còn lấy làm thú vị khoái trí. Hiểu hoàn cảnh bạn rất rõ, vắn vẹo bạn theo kiểu tam đoạn luận chỉ vô ích mà thôi, chỉ cần hai chữ đã nói lên tất cả, có biết bao nhiêu người làm thình mà sống mãi. Chẳng chết thẳng Tây nào sắt cả. Người kia bèn hỏi bạn:

– Còn anh?

– Cũng làm thình như anh.

– Bậy nào!

– Tôi có là nhà giáo thật, nhưng mất dạy rồi nên vô lương. Hớp không khí mà sống. Chúng ta đồng hội đồng thuyền hiểu nhau quá mà.

Hai nhà trí thức hết thời, đồng nghiệp làm thình, chơi chữ với nhau một lát rồi “giung giăng giung giẻ” dắt nhau đi. Cái lắt léo của ngôn ngữ Việt Nam nó thế đấy.

Tôi tiếc là hai chục năm qua tôi không ghi lại được biết bao nhiêu bài đồng dao, bao nhiêu là từ quái dị, bao nhiêu câu vè câu thơ, những chuyện tiểu lâm thời đại, truyền tụng trong dân gian. Đó là sở trường của người Việt Nam. Chính tôi cũng bị nhiễm những từ ấy mà không biết. Tôi từng dùng hàng ngày. Có thể đột xuất hoặc cố ý. Tôi đã từng trả lời ai đó hỏi tôi làm nghề gì. Tôi trả lời làm thình cho yên. Cho đỡ sốt ruột, đỡ phải nói quanh co mất thì giờ, sự thành thật là đáng quý: “Báo cáo anh lâu nay tôi làm thình.” Thế có phải là ngắn gọn không nào.

Con người tôi vốn dĩ đã nhiều sai trái rồi, mà càng nói thì càng sai. Tốt hơn hết dù có không cần cũng nên nói ít đi. Tôi có thú vui riêng của tôi, đời sống riêng, cứ việc từng từng giữa cuộc đời.

Tôi đang ở trong cuộc đời mà nhớ Sài Gòn da diết. Nhớ từng góc phố, từng con đường, nhớ hình bóng từng người bạn đi qua trong đời tôi. Người tình xa, người tình gần, nhớ tuốt luốt. Người còn sống và người đã chết. Dĩ nhiên phải có giới hạn với tôi, tôi không thù không ghét ai cả. Anh em như thể tay chân. Những kỷ niệm đó giúp tôi có thể viết hồi ký được. Tôi nhạy cảm nên dễ đau xót, khi nghe tin một người bạn tôi ở nơi xa nằm xuống vì chứng bệnh nan y. Mừng vui khi nghe bạn thành công, dù tôi chẳng ăn cái giải gì.

Thời tiết Sài Gòn mùa mưa mùa nắng đều gợi nhớ đến những kỷ niệm, xót xa có, mừng vui cũng có vậy. Nhiều khi tôi lẩn thẩn tự đếm xem những người bạn của mình ở Sài Gòn đã bao nhiêu người nằm xuống bao nhiêu người đã ra đi, bao nhiêu người còn phải bon chen trong đời sống. Mỗi bước chân di chuyển là mỗi kỷ niệm.

Những kỷ niệm đó trong sáng thôi, chẳng hại ai, nói chung là vô hại. Mỗi bước chân đi là gợi nhớ dĩ vãng. Bước chân càng chậm chạp càng gợi nhớ sâu đậm hơn. Tôi đã có những bước chân như thế trong hai mươi năm qua. Vâng, từng góc phố, từng con đường. Nhớ những người quen, những người bạn, những người thoát hiện và thoát biến khỏi cuộc đời, những người đi xa rồi lại trở về.

Trong ngày đưa đám Trần Lê Nguyễn, tôi gặp lại họa sĩ Hồ Thành Đức, sau đó gặp lại họa sĩ Bé Ký, vợ anh Đức. Lại có dịp đi lên trung tâm Sài Gòn nghĩ đến chị Bé Ký trên những con đường tôi đã đi qua trước đây. Con đường Tự Do xưa, đường Lê Lợi, hai con đường ở trung tâm thành phố Sài Gòn, khách nước ngoài ở nhiều. Sau những năm di cư 1954. Một hình ảnh đập vào mắt tôi nhiều nhất là hình ảnh nữ họa sĩ Bé Ký. Khi ấy chị chưa được gọi là họa sĩ mà chỉ là một thiếu nữ còn ít tuổi, sống bằng nghề bán tranh, những bức tranh “hàng chợ”, cũng vẽ trên lụa trên nhung, bằng phấn tiên hay sơn dầu, nhưng quả thật không mấy có tính cách nghệ thuật. Những đường nét vụng về của các tay thợ vẽ, vẽ cảnh chiều tà, con đò lênh đènh giữa dòng.

Mái tranh nghèo tỏa khói lam có mục
đồng cưỡi trâu trở về làng, cánh đồng
và cánh cò bay, đại khái như thế, v.v...
và v.v...

Bé Ký ngày đó còn rất trẻ, có lẽ tuổi chỉ trên dưới hai mươi, nhưng người chị nhỏ bé, tóc bỏ xõa, quần áo bà ba giản dị, tay ôm xấp tranh đi bán dạo trên những đường phố quen thuộc. Chị trông thật đơn giản, như những cô gái bán tranh, bán đồ lưu niệm khác ở Sài Gòn thuở ấy. Thu nhập kinh tế chắc cũng không nhiều. Nhưng những ghi nhận của chị trên đường phố chắc hẳn phải phong phú lắm cho sự nghiệp hội họa của chị sau này. Tôi là người yêu hội họa, đã từng mơ ước đeo đuổi hội họa, nhưng không thành công, nên không dám lạm bàn sâu. Ngắm tranh của Bé Ký chỉ biết tranh chị đẹp, đường

nét đơn sơ và rất sống động, gần gũi với những cảnh diễn ra hằng ngày trên đường phố. Một chút đời thường được ghi nhận qua hội họa, mà ai cũng nhìn ra ngay qua tranh của chị.

Tôi chưa từng biết tên thật của chị, cho đến bây giờ cũng vậy. Tôi chỉ biết họa sĩ Bé Ký chính là cô gái bán tranh dạo trên đường phố.

Lần đầu tiên tôi xem chị triển lãm tranh ở Alliance Française. Bé Ký, nữ họa sĩ Bé Ký. Vẫn con người đơn giản như thế, có hơn chút xiu chắng là chiếc áo dài Việt Nam, một chút phấn thoa mặt, khi chị đứng ở phòng triển lãm cùng với quan khách, người xem tranh.

Báo chí khi đó nói về tài năng hội họa của chị nhiều, như một hiện tượng. Tôi chỉ nhớ được chừng đó thôi, thành ra nói về chị cũng thật đơn giản. Tôi không thể có cái sâu sắc của người trong nghề hay chú tâm theo dõi, nghiên cứu.

Một thời gian sau, tôi nghe tin chị Bé Ký và họa sĩ Hồ Thành Đức kết hôn, tấm thiệp hồng của đôi vợ chồng ấy chỉ có tên họa sĩ này tự thành hôn với họa sĩ kia, không có tên bố mẹ, hoặc bậc bề trên nào của hai người làm chủ hôn. Thật đơn giản hơi có chút sách mé của người nghệ sĩ.

Thời tôi làm xuất bản ở Sài Gòn, đúng ra là tự in lấy sách của mình. Tôi đến nhà đôi vợ chồng Bé Ký, Hồ Thành Đức nhờ vẽ bìa.

Căn nhà đó tôi nhớ là trong con hẻm đường Trương Tấn Bửu, nhà cửa còn lụp xụp lắm. Cũng là xưởng vẽ của vợ chồng Hồ Thành Đức – Bé Ký.

Chị luôn luôn say mê với nghiệp hội họa của mình. Tôi nhớ câu chị nói:

– Tôi nhìn đâu cũng thấy những đường nét biến thành những bức tranh, miếng giẻ rách vút ở cuối nhà kia hoặc khoảng vơi quét nham nhở trên tường tôi cũng nhìn thấy có những đường nét của một bức tranh. Tôi muốn vẽ, nó có hình tượng...

Bây giờ tôi nhớ và ghi lại những lời này, tôi tin rằng mình không nhớ sai.

Sau 30-4-75, tôi gặp lại vợ chồng Hồ Thành Đức, Bé Ký. Tôi lại đến thăm vợ chồng nhà ấy, nhưng ở một căn nhà

khác trên đường Phan Thanh Giản cũ ở Đakao, nay là đường Điện Biên Phủ. Vẫn là để xem những bức họa và hỏi thăm nhau.

Khi ấy vợ chồng Hồ Thành Đức mới đi thăm miền Bắc về. Chị Bé Ký vẽ một bức tranh thật to rộng, có lẽ bức phác họa cho tranh sơn mài. Tôi nhớ nội dung bức tranh là đám cưới ở thôn quê Việt Nam thuở xa xưa. Có những đứa trẻ tóc để trái đào giăng dây ngang đường cô dâu chú rể đi qua. Tinh thần phong tục rất Việt Nam, có chút phiến nhiễu đó, nhưng chẳng ai buồn lòng. Cái phiến nhiễu cần có trong tình nghĩa lứa đôi, tôi nhìn thấy nụ cười ở cô dâu chú rể và tất cả mọi người. Ngọt ngào như khi đọc một bài về phong tục Việt Nam của Toan Ánh. Vì là bức phác họa nên chưa có màu sắc. Khi có

màu sắc rồi tôi nghĩ cũng rất đơn giản như những bức tranh khác của chị đã từng sáng tác.

Nói về tranh Bé Ký, tôi hoàn toàn nói trong trí nhớ từ hơn hai mươi năm trước, thực tình cho đến nay tôi chưa được xem thêm một bức tranh nào của người họa sĩ đường phố ấy. Hai vợ chồng họa sĩ Hồ Thành Đức – Bé Ký lên đường sang Hoa Kỳ rồi.

Tôi gặp lại họ trước ngày lên đường được một buổi, không có dịp hàn huyên nhiều. Tôi chỉ biết chúc các bạn tôi thành công trong nghiệp hội họa. Khổ người mơ ước trong ngành nghề mình từng đeo đuổi mà không được thành công đấy. Sự xót xa ấy mới cay đắng làm sao. Biết nói gì đây, coi như không nói gì hết, làm thinh.

Nhưng khổ lắm, tôi làm sao làm
thinh được.

Tôi còn thấy quá nhiều, quá nhiều
kỷ niệm chưa nói tới, ở thân phận tôi,
thân phận bằng hữu ở khắp mọi nơi,
những người bạn đã nằm xuống trên
quê hương mà số phận đã an bài, ở ngay
trong thành phố này. Những người vẫn
còn sống, họ sống thế nào, ra sao? Tôi
biết khá rõ đấy, ở từng góc phố, từng
con đường. Ra khỏi nhà là gặp dĩ vãng,
gặp kỷ niệm, ai cũng vậy cả thôi, chẳng
riêng mình tôi. Chỉ khác nhau là làm
thinh và không làm thinh thôi.

Thú vui của người lớn tuổi là nhớ
lại kỷ niệm, dĩ vãng. Tôi cũng vậy và
còn bày đặt viết hồi ký, dù tôi chẳng là
cái thá gì, cũng chẳng một chút mưu
đồ gì. Chiếc xe đạp và chiếc xe solex

vẫn cứ đưa tôi đi. Tốc lực càng chậm tôi càng nhớ nhiều. Kia, tôi nhìn thấy hình ảnh đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh. Cơn khủng đien bất thường của thi sĩ Bùi Giáng trên đường phố. Những người đó đã nằm xuống rồi.

Quán rượu Mười Hai Bến Nước ở đường Trương Minh Giảng, bạn tôi, nhà văn Dương Hùng Cường ngồi ngất ngưỡng ly rượu thuốc khê khà chuyện trời đất. Anh đã “đứt bóng” trong nhà tù số 4 Phan Đăng Lưu, tức Chi Lăng xưa.

Ở góc đường Ngô Quyền, Vĩnh Viễn miệt Chợ Lớn kia, nhà văn Lê Xuyên đã ngồi bán thuốc lá lẻ suốt hai mươi năm trời. Người ta đã quên anh, nhưng cũng có người chưa quên anh.

Khi gặp anh, anh nói với tôi được một câu, nghe mà chán chường:

– Gặp cậu, tớ mới nhớ ra mình là Lê Xuyên. Nhớ anh em gọi mình là chú Tư Cầu.

Tôi đã toan ngừng viết hồi ký sau hai tập hồi ký đã viết rồi. Nhưng tôi như cái xe bị đứt thắng cứ tuồn tuột trôi đi, lại đang đổ dốc, con dốc dài...

Ngày mai tôi đi xe đò lên Bảo Lộc, thăm bạn thi sĩ Tú Kếu. Tôi ngồi trước người bạn bị bệnh quên, bệnh Alzheimer, đến độ không còn nhớ mình là ai. Nhưng có điều duy nhất anh không quên anh là thi sĩ. Theo như chị Phượng, vợ anh, nói lại như thế.

Đó là điều mừng, tôi phải tới thăm anh xem thực hư ra sao. Buổi tiếp xúc

này tôi phải để ngấu trong tôi, lên men
rồi tôi mới viết được.

4.

CON ĐƯỜNG CHI LĂNG XƯA, nay là đường Phan Đăng Lưu, phía trước Lăng Ông Bà Chiểu, có tòa Bố của tỉnh Gia Định, thời chế độ Cộng Hòa thành tòa tỉnh trưởng. Bên cạnh tòa tỉnh trưởng có trại giam, sau này cũng vẫn là trại giam, có bí số bao nhiêu đó, tôi quên mất rồi. Tôi chỉ nhớ gọi là số 4 Phan Đăng Lưu, hầu hết văn nghệ sĩ của chế độ cũ sau ngày 30-4-75 bị giam ở đó, trước khi bị đưa đi học

tập cải tạo ở các vùng xa xôi. Tôi từng biết nơi đó, từng lêu bêu từ nhà giam này tới nhà giam khác trước khi tới trại giam Z30A, thuộc miền đông, dưới chân núi Chứa Chan mà ở đó có “Đất đá ong khô nhiều ngấn lệ”.

Bây giờ khi đi qua con đường Chi Lăng xưa hằng ngày tôi không thể không nhớ nhung, những kỷ niệm và những bằng hữu tôi. Trên con đường Chi Lăng có con đường chạy xuyên ngang ra Suối Đen ấp Đông Ba gọi là đường Nguyễn Huệ, nay là đường Thích Quảng Đức. Con đường Thái Lập Thành, nay là đường Phan Xích Long, hồi xưa có quán Ốc, chuyên nấu cơm lá sen của tài tử điện ảnh Văn Giai, quán cơm của anh bị trúng pháo kích ngày 29-4-75 gia đình anh bị mạng vong gần hết. Tôi đã đứng với anh trên đồng

tro tàn, anh ngẩn ngơ như người mê sáng.

Phía đầu đường Nguyễn Huệ Chi Lăng, các bạn bè tôi từng thuê nhà ở đó, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Viên Linh, Nguyễn Khắc Nhân, cả họa sĩ Phạm Hoán. Tôi nhớ tựa đề một bài thơ của Trần Dạ Từ nói lên sự khổ cực của anh em bạn bè “Chi Lăng! Chi Lăng! Tiếng ai hò reo.?” Nếu tôi nhớ không lầm đó là tên bản hùng ca của Lưu Hữu Phước.

Căn nhà tôi ở trọ cũng gần với nhà thuê của Trần Dạ Từ – Nhã Ca. Thuở mới vào đời chúng tôi nghèo khổ lắm. Tôi là chú lính đất làm việc ở phi trường Tân Sơn Nhất, các bạn tôi đeo đuổi nghề báo nghề văn, nhưng cũng bữa đói bữa no, hoặc phải kiêm luôn nghề kèm trẻ tư gia để kiếm ăn. Sự thật

là như thế. Nhưng vẫn ngoan cố coi mình là văn sĩ, thi sĩ. Tôi thì mới mơ thành văn sĩ.

Thời gian ấy cũng xa xôi lắm rồi, để chừng phải 40 năm trước.

Một buổi chiều trời sẩm tối tôi đi dạo dưới hàng cây sao bên lề đường Chi Lăng, bỗng gặp Viên Linh đi lang thang một mình. Tôi hỏi:

– Sao cậu không ở nhà?

– Nhà bé bằng cái lỗ mũi đông đảo bạn bè quá. Thôi mày cũng đừng sang bây giờ, đi với tao ra cà phê Bằng.

Cà phê Bằng ở khu nhà mười căn bên cạnh cư xá Chu Mạnh Trinh, đầu ngã tư Phú Nhuận. Trong khu cư xá đó, nhiều văn nghệ sĩ đã có danh cư ngụ.

Cà phê Bằng có căn nhà dưới và trên lầu.

Tôi thích ngồi trên lầu nhìn ra cái cửa sổ rộng, nhìn cái cột điện có những ống sứ mắc dây chằng chịt. Không biết sao tôi lại nghĩ cái cột điện ấy trông thật cô đơn. Những chiều mưa, dây điện đọng nước vồng xuống nhỏ từng giọt, những dòng nước khác tiếp tục chạy đến làm thành những giọt khác, những giọt liên tiếp nhau nối thành chuỗi...

Buổi tối hôm ấy, Viên Linh vừa uống cà phê vừa đọc thơ anh mới làm cho tôi nghe, những bài thơ đã đăng báo, anh có vẻ tâm đắc, mấy câu thơ, mà tôi cũng thuộc đến bây giờ:

Sáng ở đầu sông nhớ núi.

Đêm về trong núi nhớ sông

Có tin về hôm giáp Tết

Số nó bây giờ long đong

Đồng thời anh nói với tôi về đức Zehova và chuyện thánh thần trong thánh kinh Cựu Ước. Quyển thánh kinh Cựu Ước đó tôi thấy trong căn nhà thuê ở đường Nguyễn Huệ, không biết do ai mang về. Trước lối đi vào căn nhà đó có bụi tre gai, những cơn điên loạn của Nhã, cô ta lao đầu vào đó. Trên lối cửa vào phòng có ai đó để hàng chữ “L'enfer des hommes”.

Con đường Chi Lăng ở tỉnh Gia Định xưa ngắn ngủi, có thể coi bắt đầu từ tòa tỉnh trưởng Gia Định chạy dài đến ngã tư Phú Nhuận là dứt. Con đường giữa dành cho xe hơi, hai bên có đường phụ dành cho xe đạp. Trên

hai con đường phụ đó trồng cột điện và hàng cây sao rợp bóng mát.

Ấp Đông Ba, Đông Nhì là những xóm ngoại thành, cây cối la đà. Những căn nhà tranh vách đất, những ngôi chùa ẩn mình dưới rặng tre xanh. Những ngọn điện vào được những căn nhà trong xóm đó còn rất hiếm hoi. Đường đất như những lối mòn trong xóm làng. Cái ồn ào của phố thị chỉ huyên náo ngoài lộ chính.

Tôi sống ở đó hơn nửa đời người, có ngắt quãng một vài điểm thời gian, nhưng cuối cùng tôi lại về đây. Đối khác nhiều rồi đó, nhà cửa mọc san sát làm mất đi nhiều cảnh xưa cũ. Nhưng tôi vẫn còn nhớ như in. Khó mà quên được, vì có những kỷ niệm đậm nét trong cuộc đời. Tôi ghi nhận, quan sát,

đôi khi cũng có chút hư cấu để viết lên khá nhiều tác phẩm, truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết. Kể cả những kỷ niệm với bạn bè, vì rằng căn nhà tôi mua hồi ấy qui tụ khá đông bằng hữu văn nghệ.

Cũng từ căn nhà ở ấp Đông Ba xưa, tôi làm nên tác phẩm rồi chính thức bước vào nghề viết văn làm báo. Thành ra những kỷ niệm tội nghiệp cứ luôn trùng điệp trong tôi. Tôi nhàn nhã quá trong những đêm trường thao thức trên căn gác bút, những kỷ niệm đến với tôi bất cứ lúc nào. Tiếng ếch ương kêu y ương ở ao hồ nào đó còn sót lại trong xóm tôi, thường thì gây ra những kỷ niệm buồn.

Bây giờ tháng Bảy mưa ngâu, những cơn mưa đêm chợt đến chợt đi, tôi nghe

tiếng ếch ương kêu ở một vũng nước nào đó bên vườn chùa trong đêm.

Tháng này là tháng xá tội vong nhân. Nhiều nhà sửa soạn cúng cô hồn, những quán cơm chay bên đường Nguyễn Văn Đậu (Ngô Tùng Châu cũ) bắt đầu đông khách.

Những tay nghề bẫy chim đem bán làm chim phóng sinh ở cổng lăng Ông Bà Chiểu hoạt động mạnh. Khách thập phương giàu lòng nhân ái bỏ tiền ra mua bẫy chim tội nghiệp ấy thả bay lên trời xanh để rồi chúng lại bị bắt trở lại ở mẻ lưới khác. Lại được bẫy bán ở cổng lăng, cổng chùa. Người ta vê mãi mà vẫn không tròn quả phúc. Nếu có người nào đó đánh dấu vào chân những con chim chim mình phóng sinh sẽ thấy rằng chúng trở lại lồng của người bán

chim để được bán nữa. Vẫn có người mua để phóng sinh cầu phước, tỏ với Trời Phật lòng nhân đức của loài người.

Buổi chiều hôm nay đứng trên gác bút, tôi chứng kiến chú tiểu trong chùa chạy ra xua đuổi lũ chim tham ăn, đập vào màng lưới rộng trải trên mặt đất. Chú tiểu bị bọn côn đồ bắt chim đánh cho một trận nhừ tử. Tệ hại hơn nữa chú bị chúng nhét thịt chim nướng vào miệng khiến chú phạm giới. Bọn côn đồ bắt chim say rượu cười hộc lên như một bầy linh cẩu. Chú tiểu vừa chạy vừa khóc, chùi miệng nhổ phì phì.

Một cảnh như thế mà cười được đấy. Sư cụ trụ trì chấp tay niệm câu “mô phật”.

– Hôm nay không trúng mảnh mà vui!

Tôi chứng kiến cảnh tượng đó, thấy mình hết ý. Nhưng sao đêm nay vẫn cứ suy nghĩ vẩn vơ. Bao nhiêu là điều, bao nhiêu là chuyện để nói để viết. Tiếng ếch ương kêu vũng nước vườn chùa buồn bã thế vẫn không đưa nổi tôi vào giấc ngủ.

5.

VẪN LÀ NHỮNG NGƯỜI
QUEN BIẾT NÀM XUỐNG.

Tôi biết tin thi sĩ Bùi Giáng mất qua một mẫu tin ngắn trên báo. Dù là tin ngắn mà khá cảm động.

Bài báo nói sơ qua thân thế của Bùi Giáng, ông thọ 73 tuổi, tuổi Đinh Dân. Người Sài Gòn ai cũng biết ông: Ông điên, cái điên của ông có nhiều dạng, như thật, như giả, như cuồng chữ. Như

tác giả bài báo đã nói. Ai cũng nói thế, chung chung là ông điên. Ông điên một mình, chẳng hại đến ai cả. Vì ông có thời gian để điên, để rong chơi với cái điên, cái tâm thần bất ổn của mình, có lần ông đã nói với tôi như vậy.

Lần cuối cùng tôi gặp ông, không lâu lắm, thấy ông ngồi giữa đường Lê Quang Định thuộc quận Bình Thạnh (tỉnh Gia Định xưa). Phía trước ngõ vào chùa Già Lam, áng chừng ông tạm trú nơi đó.

Ông vốn là người từ xưa đến giờ chưa biết đến tờ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân là gì. Ông là người vô sản chân chính, chẳng thèm bon chen với đời. Điều không ai có thể chối cãi được, ông là người trí thức, trí thức hơn nhiều người trí thức khác, ông là

người bằng cấp đầy mình cũng được, không cũng chẳng sao. Ông đã từng dạy học, giáo sư Việt văn, cấp trung học và dạy cả đại học. Đại học Vạn Hạnh, thuở thầy Thích Minh Châu làm viện trưởng. Viết sách, dịch thuật làm thơ.

Thuở đó đã lâu lắm rồi, hồi năm 1952 ở Sài Gòn, tôi là học sinh trung học trường Kiến Thiết. Tôi là học trò của thầy Bùi Giáng. Giờ Việt văn, thầy thân nhiên đọc thơ tình, thơ của thầy. Bài thơ nào đó ca tụng người vợ đã mất của thầy rồi thầy bỏ lên núi ít năm, núi gì đó ở Quảng Nam, quê hương của thầy.

Khi đó cuối cuộc chiến Việt Pháp, Việt Nam giành Độc Lập. Tình hình thành phố Sài Gòn sôi động, học sinh các trường đều tham gia, biểu tình, phá

rối. Nhiều thế lực chính trị lợi dụng lòng nhiệt tình của tầng lớp trẻ.

Có phá rối, chắc chắn là chính quyền cai trị thuở đó phải đàn áp. Sân trường Kiến Thiết hỗn loạn vì cả trung đội công an xung phong, đội mũ bê rê xanh, Bình Xuyên, của tướng Bảy Viễn xông vào đàn áp. Các lớp học không thể học được, thầy giáo và học sinh nào không tham dự thì đứng trên hành lang nhìn xuống. Máu tôi cũng sôi lên, tôi đứng cạnh thầy Bùi Giáng. Tôi hỏi thầy:

– Thầy nghĩ sao về bọn công an đàn áp học sinh?

Thầy Bùi Giáng cười, đôi mắt hấp háy sau cặp kính trắng:

– Em muốn tôi cho em một lời khuyên phải làm gì hả?

– Dạ thưa thầy, đúng vậy.

Thầy lại cười, nụ cười dễ chịu và lần này tôi nhìn thấy rõ hơn trên trán thầy có một vết sẹo nhỏ, tóc cắt ca rê, rất ngắn:

– Vậy thì thầy chẳng có lời khuyên nào cả, vì thầy đứng ngoài những chuyện này, thầy dạy học, làm thơ và rong chơi bất cứ trong hoàn cảnh nào.

Đúng thế, thuở đó tại trường Kiến Thiết không thiếu gì các thầy đứng lên làm chính trị, không phe này cũng phái kia, nhân danh lòng yêu nước. Học sinh là đối tượng chính của các thầy dùng làm công cụ củng cố cho phe nhóm của mình. Truyền đơn chuyên tay nhau rồi học sinh đi thả, đi dán trên tường đường phố. Học sinh bị bắt bớ,

bị đánh học xì dầu, rồi bị bỏ tù. Bạn tôi, Trịnh Nhiên bị bắt bỏ tù trong tòa Bồ Gia Định, nằm đếm lịch tới mùa hè nhìn hoa phượng nở đỏ rực ngoài song cửa tù mà buồn.

Tôi nhớ mãi nụ cười hiền lành của thầy, đôi mắt kính trắng, vết sẹo trên trán và mái tóc cắt ngắn.

Năm 1954. Hiệp định Genève, đất nước chia đôi, cuộc di cư ào ạt. Một số bạn bè tôi ở miền Nam tập kết ra Bắc học và làm cách mạng. Tôi ở lại Sài Gòn và tiếp tục thấy thầy Bùi Giáng cho đến tận những ngày cuối cùng của đời thầy. Thấy và nghe nhiều về thầy và chứng điên loạn của thầy. Tôi chẳng biết nói thế nào về thầy cho đúng, mấy ai đã đủ tư cách nói về thi sĩ “điên” Bùi Giáng.

Nay thì trên đường phố Sài Gòn đã vắng bóng lang thang của thi sĩ điên Bùi Giáng. Có phải là một mất mát không, ở một thành phố tự hào có lịch sử 300 năm? Thi sĩ Bùi Giáng cũng là nhân vật của Sài Gòn đó, nói theo lối nói chuyện của cố học giả Vương Hồng Sển.

o O o

Một buổi chiều mùa thu ở Sài Gòn, trời cũng khá đẹp, mặc dầu báo đài có thông báo cơn áp thấp nhiệt đới, như mọi năm. Rồi tai ương đổ xuống. Nắng vàng ánh bạc trên kinh Nhiêu Lộc ở những căn nhà bị giải tỏa nham nhở hai bên bờ. Tôi qua cầu Công Lý xưa, đến chùa Vĩnh Nghiêm, xác của thi sĩ Bùi Giáng quàn ở Vãng Sinh Đường hay nhà Vĩnh Biệt cũng vậy. Ngay trên

cửa vào treo một tấm “băng thờ rôn” màu đỏ khá lớn, chữ sơn trắng: Lễ truy điệu thi sĩ Bùi Giáng.

Tôi vào nhà rạp. Quan tài thi sĩ Bùi Giáng khá đẹp, các sư đang tụng kinh. Khách khứa đến khá đông nhưng tôi thấy lạ hoắc, hoặc tôi kém cỏi ít giao tiếp nên không biết đến các vị ấy, những thi văn nghệ sĩ đương thời, những sao bắc đẩu núi thái sơn, họ lia chia ghi ghi chép chép vào sổ lưu niệm. Tôi thấy cả những bài thơ khóc Bùi Giáng. Tôi tự thấy mình chẳng là cái thá gì mà bon chen ghi sổ. Kìa có hai vị đang ca tụng nhau lời lời châu ngọc. Tôi có điều suy nghĩ về chuyện này, về cả con người của Bùi Giáng. Tấm hình thi sĩ phóng thật to, có nét tiên phong đạo cốt lắm, nhưng gây guộc hom hem. Thơ ông để bên dưới:

Hỏi rằng người ở quê đâu

Thưa rằng người ở rất lâu quê nhà

Bên trong, chỗ để quan tài, nơi các nhà sư đang tụng niệm, tôi thấy có người mặc quần áo tang, nhưng tôi không rõ là bà con thế nào với thi sĩ Bùi Giáng.

Bên ngoài, tít tận trên cao có hàng chữ đề lớn, viết tháu, kiểu thư họa: “Chúng tôi đã bỏ quên anh”.

Một thông báo khác bên cạnh nhắc nhở những người anh em văn nghệ tối hôm ấy đến họp mặt, thơ văn tự do không giới hạn. Tôi dắt xe đạp ra khỏi Vãng Sinh Đường chùa Vĩnh Nghiêm. Tôi quên cả cầm nhang cho ông, tôi cảm thấy lạc lõng. Trong cái xôn xao của buổi chiều Sài Gòn, tôi còn như

thấy bóng hình của thầy Bùi Giáng tung tung giũa đời. Trên người thầy đeo đủ thứ quái dị, nhưng mỗi thứ là một biểu tượng đấy, tôi suy ra thế.

Người ta nói thầy Bùi Giáng điên, thời thượng thì người ta nói thầy bị bệnh tâm thần, khi điên khi tỉnh, khi thật khi giả. Người bình dân khố rách áo ôm, có dịp gần gũi thầy thì bảo rằng thầy “khùng–điên–ba trợn”. Có người nói thầy có bệnh cuồng.

Tôi đi theo dòng người, miên man nghĩ về thầy... Ngày mai người ta mang xác thầy đi chôn ở Gò Dưa Thủ Đức. Tôi không biết vị Mạnh Thường Quân nào bỏ tiền ra làm đám ma cho thầy. Thời buổi này chết cũng mắc mớ lắm. Hai mươi triệu đồng Việt Nam cho một đám ma là chuyện thường. Tôi nghĩ

hoài về câu thương tiếc chúng tôi đã bỏ quên anh. Ai nói câu đó thế?

o O o

Nói về những cơn điên loạn của thầy Bùi Giáng thì nhiều lắm. Tôi nghe kể lại về thầy cũng có mà chứng kiến cũng có. Tất cả đều trở thành giai thoại. Có thật và có giả, hay người đời thêm mắm thêm muối ra cũng nên. Nhưng chẳng có giai thoại nào có hại cho thanh danh tư cách của thầy, một người điên hòa nhập với đời sống mà lại là đứng ngoài cuộc đời, sống với đời mà không dính dáng gì cả, bao nhiêu năm qua rồi mà như kẻ bàng quan. Ông thi sĩ điên chứ không phải thằng điên.

Không ai rõ thầy khùng điên từ bao giờ. Những dấu hiệu cho thấy nhưng đôi khi vẫn bị coi là thầy giả vờ, để thi vị hóa cuộc đời mình, mà có lời giải thích nào đâu. Ông thi sĩ Bùi Giáng vẫn rong chơi, vẫn tưng tưng giữa đời bất cứ qua chế độ nào.

Thi sĩ thì phải có cuộc đời tình ái, người ta không biết, do chính thầy “làm” ra hay thầy thấy sao nói vậy. Thuở tôi còn học thầy, tôi nghe thầy đọc bài thơ dài lê thê ca tụng người vợ thầy đã khuất bóng, khi đó thầy còn rất trẻ. Một ngày vào những năm 1963, thi sĩ Viên Linh, bạn tôi nói rằng anh mới đèo xe đạp chở thi sĩ Bùi Giáng đi thăm người tình. Cô ta là ai, Viên Linh không biết, nhưng có chở thầy đến tận nhà cô ta ở Cống Bà Xếp, đường Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng Tám). Thi sĩ

Bùi Giáng rất trang trọng trong cuộc đi thăm này. Trước khi đi, ông mặc gần một chục chiếc sơ mi chồng lên nhau, áo sạch giặt ủi đàng hoàng. Ra khỏi cửa ông lột chiếc sơ mi đầu tiên ném xuống đường, hối Viên Linh đi, rồi lần lượt ném gần hết áo, tới trước nhà người yêu ông cởi đến chiếc kế chót, còn lại chiếc chót ông mới bước vào nhà người yêu. Một lúc sau ông trở ra hí hửng. Viên Linh hỏi ông:

– Sao ông mặc nhiều áo thế rồi cứ cởi ra vứt đi vậy?

– Tau phải làm thế, đến với người yêu thì phải trong sạch từ tâm hồn đến thể xác. Những chiếc áo bận đi đường bị nhuộm bụi hồng trần, tau đến với nàng phải là chiếc áo tinh khiết nhất ... như tâm hồn tau vậy...

Nhà văn Cung Tích Biễn, người đồng hương với Bùi Giáng kể rằng: Thầy Bùi Giáng được một trường trung học ở Mỹ Tho mời dạy. Trong lớp học, thầy liên miên giảng truyện Kiều. Thầy say sưa giảng dạy, ca tụng nàng Kiều, tự cảm động về số phận nàng, thầy đau xót, thầy bật khóc tu tu trước mặt học trò, đến nỗi thầy phải ra sân trường leo lên cây ngồi khóc cho hả cơn thương xót. Rồi thầy bỏ trường đi biển. Hiệu trưởng, học trò nháo lên đi tìm thầy, họ tìm thấy thầy ở Sài Gòn. Hỏi thầy sao bỏ dạy học? Thầy trả lời rất đơn giản là thầy không dạy được vì khi giảng về nàng Kiều thầy xúc động quá, yêu nàng quá, có thể thôi.

Khoảng 1967–68, thuở thịnh thời của nhật báo Sống, do nhà văn Chu Tử làm chủ nhiệm, độc giả rất thú vị và say

mê mục Ao Thả Vịt của Chu Tử. Độc giả cười nghiêng ngửa khi ATV loan tin rằng thi sĩ Bùi Giáng yêu say đắm kỳ nữ Kim Cương. Ông yêu đến nỗi phải làm thơ gọi Kim Cương là Mẫu thân. Kỳ nữ Kim Cương cũng phải chơi với qua tình yêu mãnh liệt, kỳ quái của thi sĩ Bùi Giáng. Khối tình đó bền bỉ trong Bùi Giáng, có lẽ đến lúc ông nằm xuống. Giã từ cuộc đời rong chơi của ông.

Một thời gian sau tôi thấy thầy Bùi Giáng ở đại học Vạn Hạnh của Phật giáo. Tôi không nhớ thầy có dạy ở đó không, nhưng các thầy rất nể vì sở học của Bùi Giáng.

Thi sĩ Bùi Giáng có một phòng riêng tại viện đại học này. Thầy chuyên ăn khoai lang luộc, những củ khoai

mốc xanh mốc đỏ, và thầy có lý luận riêng khi ăn những củ khoai lên men ấy. Cái áo của thầy có rất nhiều túi, mỗi cái túi đựng một chó con, thầy chơi với chúng. Tối, nhiều khi thầy bỏ phòng trong viện đại học ra sạp chợ nằm ngủ với bầy chó con.

Thuở đó nhiều người nói thầy điên rồi, kể cả những bài thơ của thầy cũng kỳ quái, dù rất có duyên, đầy ắp chất Bùi Giáng, điên điên mà phóng khoáng. Khi đó Bùi Giáng làm rất nhiều thơ, kể cả dịch thơ của một số thi sĩ nước ngoài. Văn thì dịch Hoàng Tử Bé (Le petit prince) của Saint Exupery. Ông in nhiều tập thơ. Nghe đầu tiên tài trợ in thơ do bác sĩ Bùi Kiện Tín, vị bác sĩ nổi danh bào chế ra dầu gió Khuynh Diệp Bác Sĩ Tín bán chạy trên toàn quốc.

Ông bác sĩ này nghe đâu là anh họ của Bùi Giáng.

Sau năm 1975, Sài Gòn kẻ ở người đi, tôi là kẻ sót lại nên gặp lại thầy Bùi Giáng.

Thời gian này thầy có vẻ điên dữ. Trong khi đó, Sài Gòn sau cơn biến loạn có nhiều người điên, các dạng điên khác nhau.

Bùi Giáng cũng điên, nhưng là cái điên có phong cách riêng của thầy. Tôi muốn nói hình như cái điên của thầy vẫn là nói lên một điều gì ẩn ức. Tất cả những cơn điên của thầy đều là những biểu tượng, mang một ý nghĩa nào đó chỉ có mình thầy biết.

Dân Sài Gòn cũ ủa ra đường kiếm sống, quán cà phê, chợ trời mọc lên

khắp nơi để tự cứu mình thuở “gạo châu củi quế”. Sĩ quan, ngụy quân, ngụy quyền lên đường đi học tập cải tạo, đời sống khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần. Người ta nói con người đang sống lụi lại thời đồ đá, ăn lông ở lỗ.

Thi sĩ Bùi Giáng là dân thành phố, ông sống lang thang và có vẻ điên hơn. Tôi cũng bắt chước mọi người khác kiếm sống, mở một quán cà phê nhỏ ở lề đường, dưới một gốc cây nhìn ra hồ Con Rùa, phía trước Viện Đại Học Sài Gòn. Ở đây tôi gặp lại nhiều anh em cũ, thăm hỏi nhau, ai còn ai mất, ai đi ai ở.

Tôi hỏi về Bùi Giáng, anh em nói ông vẫn còn đó. Vẫn sống như chẳng có chuyện gì xảy ra. Ông đang ở nhờ một ngôi chùa ở đường Lạc Long Quân. Để

khỏi làm phiền đến sự cụ trụ trì về vấn đề cư trú ông ra ngoài vườn chùa đào một cái lỗ chui lọt người vào nằm. Ông nói ông đang ăn lông ở lỗ.

Không biết chuyện ấy có thật hay anh em nói chơi, nhưng tôi cứ ghi lại.

Tôi quan tâm đến thầy, tôi thấy chuyện có chất của Bùi Giáng, nên cũng không hỏi lại. Ban ngày Bùi Giáng đi lang thang, ăn mặc rách rưới, làm trò cười cho mọi người để đỡ buồn.

Một hôm ông ghé qua quán tôi, gần trần như nhộng, tóc tai bù xù. Cặp kính trắng vẫn ngạo nghễ trên mắt. Ông nói “tau” đang ăn lông ở lỗ.

Có hôm gặp ông ngoài đường, ông mặc quân phục chế độ cũ, lon lá huy chương đầy mình. Mọi người sợ hết

hồn, vì thời gian ấy các sĩ quan chế độ cũ phải lên đường đi học tập cải tạo, kẻ nào trốn cũng khó thoát khỏi “lưới tình báo nhân dân”. Kể cả những anh trước kia đeo lon giả để lòe gái hay trốn lính cũng bị tố cáo. Có anh nằm trong trại tù làm cả chục lá đơn minh oan vẫn chưa được phóng thích.

Ông thi sĩ Bùi Giáng lại đắm đầu vào chuyện oan nghiệt ấy, không hề sợ hãi, phom phom nhận mình là sĩ quan quân đội chế độ cũ, sĩ quan cao cấp kia, từng “có nợ máu với nhân dân”, bây giờ “ngã ngựa” rồi xin được đi học tập cải tạo để được trở thành người tốt đủ tư cách xây dựng đất nước đẹp bằng mười ngày xưa.

Ông lang thang khắp các chợ trời, trên người đeo lĩnh kính đủ các thứ đồ.

Có hôm ông đeo cả mấy chục cái lon đồ hộp trên người. Ông nói ông là người có nhiều “lon” nhất trên đời vậy mà ông vẫn yên ổn.

Có hôm ông vào chợ cá Trần Quốc Toản, khi ấy trở thành chợ xe đạp. Ông “thó” một cái ghi đông xe cũ rách, rồi bỏ đi, người ta la lên ông ăn cắp.

Ông trả lại liền, cầu nhàu:

– Mẹ tụi bay, bị mất tất cả mà phải cầm, tau chỉ ăn cắp cái ghi đông mà la rầm trời, có kẻ đang ăn cắp đấy... làm gì nó nào?

Ai mà chấp một người điên, khi biết người đó là thi sĩ Bùi Giáng. Hình ảnh Bùi Giáng trở thành quá quen thuộc với thị dân kể cả những người mới giữ gìn trật tự trong thành phố này.

Thời gian này, Bùi Giáng dở chứng nói bậy và nói tục kinh khủng, mà có ai làm gì đâu. Kéo dài cả chục năm hơn, Bùi Giáng vẫn sống nhăn. Ông hiện hữu trong cái bát nháo của đời sống, trong sự chuyển mình của đất nước. Nghe nói ông vẫn làm thơ, chẳng phải để đăng báo, in sách, ông cóc cần điều đó. Những bài thơ ông ghi vội trên một tờ giấy nhàu nát, hoặc một bao thuốc lá.

Uống chén rượu, ăn tô phở, ông điên, ông tỉnh, ông làm trò, chẳng một ai đụng đến ông. Tôi biết rõ một điều là ai cũng quý mến và chiều chuộng ông.

Ông vẫn chung thủy với mối tình đơn phương dành cho kỳ nữ Kim Cương như thuở nào. Có hôm ông ngất ngưỡng ngồi xe xích lô đến tận nhà

thăm nàng. Ông sơn móng chân móng tay, đánh phấn thoa son cẩn thận. Gội rửa nàng không ra, ông lấy đá chọi rằm rằm vào nhà. Nàng phải xuất hiện để ông thấy mặt và ông nói vài lời, rồi ông ra đi, chỉ có thể thôi, cũng trữ tình ra phết.

Có một thời Hãng Phim Giải Phóng ở thành phố, mời ông đóng phim, làm tài tử “xi la ma”. Báo Điện Ảnh có đăng tin và in hình ảnh ông. Tôi không biết ông đóng phim gì, nhưng ông có lãnh “cát sê” cẩn thận. Hôm ấy, ông ngồi xích lô đi từ xưởng phim đến đường Bà Huyện Thanh Quan, rải tiền đầy đường, trẻ con, người lớn chạy theo xe ông lượm tiền như một đám rước Bùi Giáng.

Bùi Giáng dừng lại sạp báo của nhà báo Nguyễn Kinh Châu hồi trước. Ông đề vói mấy câu thơ tặng bạn rồi lại ra đi phát nốt số tiền còn lại. Ông tới Hội Văn Nghệ thành phố uống bia say la đà.

Thời mở cửa, kinh tế thị trường mà sao tôi vẫn khổ quá vì vấn đề cơm áo. Gặp thầy Bùi Giáng, khi đó thầy có vẻ tỉnh táo. Tôi tâm sự với thầy về hoàn cảnh của mình, văn chương là nghề chính mà ế ẩm, bút phải gác lên mái lều, làm nghề lao động chân tay để nuôi vợ con, sức khỏe ngày một suy yếu, nghèo rớt mồng tơi. Tôi thật tình muốn điên, muốn tâm thần để kệ mẹ đời. Tôi hỏi thầy vì thầy có kinh nghiệm điên:

– Em muốn điên thầy ạ!

Thái độ vừa bình tĩnh vừa chậm rãi:

– Mà muốn điên thật hả?

– Dạ thật!

– Mà chưa đủ tư cách làm người điên vì mà mắc mứu nhiều quá. Mà không có thì giờ để điên, tau mới có thì giờ điên. Tau chửi mà là đồ ngu chứ không chửi mà là đồ điên.

Sau đó thầy Bùi Giáng “xuất chiêu” làm một loạt động tác điên, tôi thất kinh và thấy lời thầy dạy có lý quá. Nếu tôi điên thì “trật giuộc” hết trơn.

o O o

Đã nhiều năm tôi tự nguyện xa lánh các cuộc vui, tụ tập, ăn uống hay đàn ca hát xướng. Ngoài chuyện lo kiếm ăn tự nuôi sống mình và gia đình, tôi ở tịt nhà với vợ con, tôi không đi đến đâu và cũng chẳng gặp gỡ ai. Tôi sợ những chuyện thị phi nơi gió tanh mưa máu.

Phải chăng tôi tự cô lập mình? Hay hoàn cảnh bắt buộc như thế?

Tôi không dự đám tang thầy Bùi Giáng sáng ngày hôm sau, nên không biết có bao nhiêu người đưa tiễn thầy?

Người ta không bỏ quên thầy, thế là mãn nguyện lắm rồi. Câu này dành cho những người sống hơn là người chết.

Thi sĩ Bùi Giáng là một con người ngạo mạn với đời. Ông chẳng cần lưu

danh vì một câu an ủi. Một cuộc đời với hơn năm mươi tác phẩm biên khảo, dịch thuật và hơn mười tập thơ. Đó là một gia tài không nhỏ ông để lại cho đời.

6.

VIẾT HỒI KÝ, VIẾT HOAI VẼ
CHUYỆN chết chóc, sự khốn
khỏi của kiếp người, chính người viết
cũng thấy nản. Nhưng làm sao được,
vì chính những người nằm xuống đó là
chỗ thân tình của tác giả, anh em, bạn
bè, hoặc là người mà tác giả ngưỡng
mộ, một nhà văn, một nhà báo, một
thi sĩ nào đó. Tôi nghĩ cũng là chuyện
thường thôi, không oán trời oán đất
gì hết, hay đổ lỗi cho ai. Con người ta

chẳng qua có một số mạng, trời cho sướng thì được sướng, trời bắt khổ thì phải khổ mà thôi. Như một lần nhà văn Lê Xuyên nói với tôi.

Đời sống tiêu cực chẳng? Tôi không biết nữa. Nói chung chung đời sống chúng ta như bị cấy sinh tử phù, dở sống dở chết. Thôi cũng được. Người ta già mà chết, tai nạn mà chết, hoặc khổ quá mà chết thì cũng là chết vậy. Tôi không muốn nói đến chuyện chết chóc nữa. Bây giờ già rồi, có thì giờ thì dạo chơi, đi thăm bạn bè mà không tốt sao, chúc cho nhau câu sống lâu trăm tuổi. Còn khối người bạn vẫn sống đó, hoặc thành công, hoặc thất bại, hoặc ngất ngư, bị dính “sinh tử phù”.

Những người bạn thành công trên đường đời, hãy khoan, tôi chưa đi

thăm vội, tôi đi thăm những người bạn ngất ngư trước đã. Hình như tôi cũng có nhiều thì giờ, tôi thuộc về loại đàn ông bây giờ vô tích sự, ăn bám vợ con, tự nhiên thích rong chơi, thăm anh bạn này, anh bạn kia đau ốm, hoặc có chuyện khốn khổ chi đó.

Sau cơn bão, áp thấp nhiệt đới số 4 và số 5, trời lại đẹp. Buổi sáng ở thành phố Sài Gòn, không khí trở nên trong lành, se se lạnh như trời thu Hà Nội. Tôi, nhà báo hết thời, làm báo từ khi còn in báo từ máy in typo bỗng thấy ngửa ngế, nhớ nhung vẫn vợ và thích chạy rong. Tôi có thể ngồi nhà, trên căn gác bút mà gặm nhấm kỷ niệm, dĩ vãng coi như lùi vào quên lãng cho đỡ buồn.

Mà sao càng tôi như cuồng lên, nhớ nhung gì đâu không. Muốn ngồi

quán cà phê lúc trời tảng sáng, muốn ngửi mùi giấy thơm mực in của những tờ báo mới được nhả ra từ máy in, cái không khí âm âm của tòa soạn, tiếng máy đánh chữ lách tách. Hoặc được phóng chạy như một phóng viên đi nhật tin giờ chót, làm phóng sự: “Vẫn còn một cột tin giờ chót để cho anh đẩy trước khi báo lên máy”. Lời anh tổng thư ký tòa soạn như còn văng bên tai tôi.

Đã gần ba chục năm nay mà sao tôi thấy gần gũi như mới nghe sáng nay. Ôi nhớ nhung vô vàn. Tôi yêu nghề, nâng niu nghề nghiệp của mình đến trọn đời. Vậy sao nay tôi lại gác bút đến hai mươi mấy năm trời, như một số anh em khác. Do lý do tế nhị khó nói ra nên ai hiểu sao cũng được. Nhưng những dự định viết cái gì đó trong đầu người cầm

bút vẫn còn đó, mãi mãi như một nỗi bất hạnh dai dẳng... Tôi đã thấy điều đó từ nhiều năm qua.

Sau cơn áp thấp nhiệt đới trời đẹp, tôi lại ngựa ngề, muốn lên đường để nhìn ngó lung tung, muốn đi trở lại những con đường mà trước đây tôi từng in dấu chân thuở viết văn làm báo, thăm lại một số bạn bè xưa.

Thế là tôi rời căn gác bút, ra đường trên chiếc xe đạp cũ rích, cà là tàng đi trên các nẻo đường, từng quen thuộc mà nay hơi xa lạ đấy. Thành phố thanh bình như khi tôi còn hành nghề phóng viên, bên ngoài thành phố khi đó vẫn ì ầm tiếng súng, chiến tranh khắp mọi nơi, thành phố khi ấy chỉ là phần hoa giả tạo.

Hôm nay thành phố vẫn đẹp, vẫn văn minh mà dân quê vẫn hứng chịu mọi bất công, thối nát, đói nghèo. Nạn nhân chính của thiên tai lũ lụt trên đồng bằng sông Cửu Long, miền trung đất cày lên sỏi đá. Thành phố chỉ có một bộ mặt thanh bình, văn minh, nhưng mặt trái của nó thì khác. Xe hơi, xe gắn máy đời mới chạy nườm nượp trên đường. Tôi chóng mặt, nhảy xuống khỏi xe đạp dẫn bộ, nhưng mà sao cứ vẫn chệnh choạng. Tiếng xe hơi thắng kít sau lưng tôi, tôi nhìn, một thanh niên trẻ lái ô tô con thò cổ ra cửa, ngoác mồm cười:

– Địt mẹ thằng già, chán sống rồi hả?

Tôi nghệt mặt ra, anh ta chỉ đáng tuổi con tôi mà phát ngôn được một câu độc chiêu như vậy. Tôi ngỡ ngàng đến

không kịp phản ứng, chiếc xe hơi bóng loáng phóng vút đi bỏ lại một nạm khói xộc thẳng vào mũi tôi, chạy xuyên suốt lên óc. Có lẽ cậu bé thuộc loại con ông cháu cha, hoặc giả là ông bé mà làm lớn, loại này ở đây thì nhiều lắm. Tôi, dân đen, thấp cổ bé miệng chịu đựng xử sự của những người thuộc loại đó nhiều năm và quen rồi.

Tôi nở nụ cười ngu ngơ đứng xem một đoàn du khách nước ngoài “tham quan” Sài Gòn 300 năm, thành phố Hồ Chí Minh. Ở những con đường chính, tôi đã “tham quan” coi như hết rồi. Tôi đã đi qua nhiều, xưa kia là tòa báo tôi đã làm việc. Bây giờ thì tôi đi thăm ai đây?

Tôi dừng lại ở đầu đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng) và đường Nguyễn

Trung Trực. Tại nơi này nhìn qua thư viện Quốc Gia, đại học Văn Khoa hồi xưa, có một kiosque bán cà phê, nhìn sang bên kia đường là tòa báo Đại Dân Tộc, phía góc đường Thủ Khoa Huân, Gia Long là báo Sống. Nói tóm lại có rất nhiều tòa báo trên quảng đường ấy. Ký giả, phóng viên, nhà văn sáng sáng ngồi đầy các quán cà phê lề đường, tất cả đều quen nhau, thân thiết đến độ xộc thẳng vào đời tư của nhau, nên tình nghĩa bạn bè cũng rộng rãi.

Sau năm 1975, ngày “đứt phim”, báo chí thuộc chế độ cũ dẹp tiệm, ký giả nhà văn có người đi mất, người còn sót lại lêu bêu. Tôi ở trong số đó. Buồn quá đi thôi, bỗng dưng tôi phải buông bút (mới chỉ buông chứ chưa gác), vẫn còn nghĩ mình dùng được ngòi bút để

phục vụ độc giả. Sau vài lần “vỡ mặt” mới sáng mắt ra.

Nơi tôi đứng là một lễ đường rộng, cái kiosque sơn màu xám xỉn cũ kỹ nay đã biến mất. Nơi đó tôi từng ngồi, thân thiết chủ quán đến độ có thể ghi sổ nợ từng ly cà phê, điều thuốc thơm trợ hứng cho lúc viết bài hay trang feuilleton đăng trên nhật báo. Chẳng phải riêng mình tôi mà nhiều anh em đồng nghiệp cũng thế. Sau ngày dứt phim tôi còn thấy lai rai vài người. Họ vớt vát cái gì, hay chờ đợi như ngày anh em tụ lại với nhau khi báo được lệnh đóng cửa.

Hình ảnh nhà văn Lê Xuyên, anh em quen đùa gọi là chú Tư Cầu, tên tác phẩm nổi tiếng của anh viết về đồng quê Nam Bộ, dĩ nhiên là có những mối tình quê mùa mà không kém

đam mê, tiêu biểu là nhân vật chú Tư Cầu. Trước ngày miền Nam bại trận, Lê Xuyên là tổng thư ký báo Sài Gòn Mai rồi Đại Dân Tộc, anh có cái nhạy cảm của người làm báo cùng với sự sâu sắc của người viết văn. Anh đã có cả lô tiểu thuyết ấn hành, tôi không nhớ hết. Nhà văn Lê Xuyên hay nhà báo Lê Xuyên cũng được. Nhưng anh em gọi anh là chú Tư Cầu cho thêm phần thân mật. Nhưng hình ảnh của nhà văn Lê Xuyên gây ấn tượng nhất cho tôi là sau ngày chế độ Sài Gòn bại trận, tôi vẫn còn thấy anh ngồi ở quán cà phê đó vào những buổi sáng kế tiếp. Mắt nhìn lên tòa soạn xưa buồn rười rượi, y nguyên như ngồi uống cà phê chờ anh chef typo xuống báo cáo đã đủ khuôn, xin lệnh chạy máy, hay cần lắp một lỗ hổng. Bây giờ không còn gì nữa, khô-

ng vắng lặng mà có cái xôn xao của cờ quạt, biểu ngữ khẩu hiệu và các trẻ thơ nổi vòng tay lớn nhảy múa như cuồng ở góc đường, góc công viên.

Lê Xuyên vẫn cái áo sơ mi bỏ ngoài quần Tây, cái mũ phở giản dị, đôi dép. Tôi chưa bao giờ thấy ở anh một sự “se sua” thời trang nào. Con người anh rất giản dị, cái giản dị của người miệt quê Nam bộ, nên gọi anh là chú Tư Cầu cũng rất đúng, không từ nào chính xác bằng. Tôi đã ngồi đó nói chuyện với Lê Xuyên, tôi không nhớ mình nói gì, anh nói gì. Sau đó các văn nghệ sĩ, nhà văn nhà báo chúng tôi hầu hết bị về đi học tập cải tạo, Lê Xuyên đương nhiên có mặt trong đám “học viên” đó. Anh về sớm, tôi lại gặp anh đạp xe trên những nẻo đường đi bán bánh tiêu bánh bò, rồi anh mở quầy bán thuốc lá lẻ ở đường

Ngô Quyền, Chợ Lớn gần nhà anh. Tôi ngồi sửa xe đạp ở góc đường Nguyễn Kim gần đó, nên thỉnh thoảng tạt qua gặp nhau.

Đã lâu rồi, đến hai ba năm tôi không có dịp ghé qua anh. Sáng nay tại sao tôi không ghé, lần sau cùng gặp anh coi bộ anh yếu lắm. Khi đó anh nói với tôi anh tròn 70 tuổi. Đường về Chợ Lớn đối với tôi bây giờ xa vời vợi, nhưng phải đi chứ. Thăm một người bạn sau nhiều năm giam mình ở ấp Đông Ba cũng là một điều hay.

Kia kia, chú Tư Cầu còn đó, sau cái quầy bán thuốc lá cũ rích, con người anh cũng cũ rích, gầy guộc và đầy chất Nam bộ chân chất. Cái mũ bánh tiêu rúm ró chụp trên đầu, cái sơ mi mỏng lét, mòn cả vai, cái quần Tây màu nâu

ống cao ống thấp, đôi dép không rõ bằng vật liệu gì nữa. Mặt anh gầy rộc, xanh mét. Tôi gọi anh:

– Chú Tư Cầu!

Anh nhìn tôi một giây xong mới hỏi:

– Có phải Trâu Nước không?

– Chính tớ, mà sao ông gầy thế, có khỏe không?

– Ông cũng chẳng hơn gì tôi, tôi suy yếu toàn diện rồi, 72 tuổi, hai mươi năm ngồi bán thuốc lá lẻ ở lề đường, trên góc đường này còn gì. Cám ơn, ông mò đến tôi mới nhớ mình là Lê Xuyên, chú Tư Cầu...

Niềm hãnh diện còn lại của một kiếp người cầm bút. Niềm xót xa của

một nhà văn đã từng có một thời vang bóng. Nay anh ngồi đây trong sự lãng quên, hai mươi năm ngồi ở một góc đường. Trước mặt, bên kia đường có cái đình tên Vĩnh Viễn, bên cạnh đình có một căn nhà có bảng đề “BCH phường đội 8”. Tôi nói với anh tôi mới đi thăm thành phố Sài Gòn về, tức là thuộc khu vực quận 1 quận 3.

Anh nói:

– Tổ 15 năm nay không lên đến thành phố Sài Gòn, chẳng biết bây giờ nó ra sao nữa? To cao lắm, đúng là chốn phồn hoa đô hội, cũng đã lâu lắm tổ không tới đó, giống như gã nhà quê ra tỉnh...

– Chúng ta giống nhau.

Nhìn cái quầy thuốc lá cũ rích, long đinh, tróc sơn thấp tè tè của Lê Xuyên, tôi lại lo lắng cho anh trong trận mưa chiều ngày 9 tháng 11 vừa qua nhiều con đường ngập lụt, hàng hóa chợ Bình Tây bị nước úng hư hỏng thiệt hại bạc tỉ. Lê Xuyên cũng chỉ cười.

Anh cố ép tôi hút một điếu thuốc Con Mèo. Trong câu chuyện của anh, tôi rút ra được có một câu: “Tở suy sụp toàn diện rồi”. Tôi cũng được biết hoàn cảnh gia đình anh, bà vợ bị mắc bệnh hiểm nghèo từ mấy năm nay, một đứa con gái của anh đã chết vì ung thư bỏ lại hai đứa con và cái quầy thuốc lá này cho anh, anh là ông ngoại của chúng. Tôi hỏi về sự học của hai đứa cháu mồ côi, anh có vẻ ngạc nhiên. Qua câu nói của anh, tôi biết anh không đủ sức nuôi hai cháu ăn học. Một quầy bán thuốc

lá lẻ như vậy ở đầu đường kiếm chác được bao nhiêu, nuôi bao nhiêu miệng ăn, đã thế lại phải lo thuốc thang cho người bệnh. Tôi cũng đang mệt nhọc vì còn ba đứa con đi học nên rất đồng cảm với anh. Xoay sang chuyện văn học nghệ thuật, Lê Xuyên than phiền với tôi rằng anh mới đọc một bài báo nói về các tác giả làm văn học Việt Nam từ năm chục năm trở lại đây, những nhà văn nhà thơ ở miền Nam đã từng cầm bút và có danh không được nhắc đến một ai, nghĩa là bị gạt ra ngoài lề. Tôi nói có biết đến quyển từ điển văn học ấy.

Báo Kiến Thức Ngày Nay số 297 trang 186, mục “Ai sao?” có một độc giả tên Lê Minh (Khánh Hòa) hỏi: Vì sao các nhà văn Võ Hồng, Sơn Nam, Nguyễn Văn Xuân, Kiên Giang, Bình

Nguyên Lộc không có tên trong Từ Điển Văn Học do nhà xuất bản Khoa học Xã Hội in năm 1983– 84? Người tòa soạn có tên là Phan Hoàng trả lời: Chúng tôi thiết nghĩ ông nên gửi thẳng câu hỏi này về Ban Biên Tập Từ Điển Văn Học và NXB – KHXH. Tin rằng ông sẽ nhận được hồi âm cho thắc mắc mà dường như tất cả những người yêu thích văn chương đều quan tâm. Chúng tôi chỉ xin lưu ý, bên cạnh những nhà văn trên đây, còn rất nhiều tên tuổi văn học đáng kính khác cũng không hề được nhắc đến, dù chỉ cái tên, trong bộ từ điển tầm cỡ quốc gia này. Chẳng hạn, các bậc tiền bối thời tiền chiến: Hoàng Đạo, Đinh Hùng, Nguyễn Vỹ, Phạm Hầu, Đoàn Phú Tú, Bằng Bá Lân... cho đến những nhà văn nhà thơ góp phần đáng kể vào diện mạo văn

học Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến vừa qua: Lý văn Sâm, Dương Tử Giang, Vũ Anh Khanh, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Văn Cao, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Quang Dũng...

Những nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ tầm cỡ như thế còn chưa được ngồi sau porte bagage đèo xe đạp vào Văn Học Sử nữa là...

Đừng nói là người ta thiếu sót trong việc biên soạn, vì ban biên tập toàn là người có đầu óc, có văn hóa được đào luyện. Sỏi đá xôn xao. Chúng tôi cười xòa, cũng xong cả thôi. Quan tâm làm đếch gì đến chuyện đó.

Bạn bè lâu ngày gặp nhau không cà kê dê ngỗng, thì cũng dây cà ra dây muống. Tôi hỏi anh về việc cư trú, anh

nói anh chưa có hộ khẩu đương nhiên không thể có chứng minh nhân dân, chẳng có giấy tờ mẹ gì cho biết anh là một con người sống trong chế độ.

– Ông có xin nhập hộ khẩu sau khi đi học tập cải tạo về không?

– Có chứ sao không, xin nhiều lần rồi mà người ta không cho, đôi khi còn bị mắng mỏ khi xin giấy tờ, nên đành ì ra, bị phạt thì chịu thôi, chán rồi người ta cũng nản.

Đến lúc ấy tôi mới thấy Lê Xuyên xì ra chuyện sống chết.

– Tớ cũng nghĩ về những trường hợp của những người chết chui.

Tôi ở dưới chế độ này lâu năm nên hiểu rất rõ từ “chui” là gì, từ này

được nhập cảng vào miền Nam sau năm 1975. Chui có nghĩa là lậu, buôn chui, bán chui, phở chui. Những thứ không được công nhận. Chết chui thì thảm lắm, thảm còn hơn phở chui lèo tèo mấy miếng, nước lèo thì nhạt thếch nhạt thác đọng trong bình thủy, bát phở không hành ngò. Nói theo kiểu thời thượng là “phở không người lái”.

Thi sĩ Bùi Giáng chết, cũng ở dạng chết chui, nhưng vì ăn ở có đức nên được chôn cất đàng hoàng. Lại được người đời vớt cho được một câu: “Chúng tôi đã bỏ quên anh.” Dù rằng với cách sống của ông thì ông cóc cần. Khoác thêm cho cái xác lạnh tanh ấy một sơ mi gố hay đội lên đầu thêm vòng nguyệt quế nữa thì nhằm nhò gì.

Thuở còn ăn mắm mút dồi, gạo

châu củi quế, người dân khoái xài đồ chui hơn là đồ quốc doanh. Vì, muốn ăn một bát phở quốc doanh phải xếp hàng cả buổi, nhân viên phụ trách khâu bung phở mặt vác lên như ba cái thớt chồng lên nhau, dẫn tô phở trước người mua phiếu như ra ớn ban phát, bố thí. Phở đồng loạt là phở chín, khách hàng không nên đòi chín nạm gầu hoặc xin thêm nước béo hành trần lôi thôi, chẳng ngon lành gì hơn phở chui.

Người ta thêm nụ cười cầu tài của anh bán phở chui, lấy chuyện đó làm hài lòng nên cũng ăm cái bụng. Chú không treo bảng “khách hàng là thượng đế” như bây giờ.

Nhìn sang bên kia đường tôi thấy một sạp báo. Báo chí đủ các thể loại phục vụ độc giả, sắc màu rực rỡ, hấp

dẫn, in ấn đẹp bằng mười ngày xưa, hơn thuở tôi còn xách bút chạy rong nhiều.

Sự tiến bộ trong ngành báo chí trông thấy ngay trước mắt. Tôi nói với Lê Xuyên:

– Có một dạo tôi tính mở một sạp báo bán cho đỡ buồn, nhưng rồi lại thôi, dù có mượn được vốn.

– Tại sao vậy?

Tôi lắc đầu:

– Sau những ngày thực tập nghề bán báo, tôi bỗng cảm thấy buồn, vì ngày nào cũng đụng đến báo chí tự nhiên mình thấy nhớ nhung gì đâu không, cái dĩ vãng làm báo tội nghiệp của tôi ám ảnh tôi quá nhiều.

Lê Xuyên vốn là tổng thư ký của nhiều nhật báo gật gật đầu:

– Ồ, ông nói có lý đấy, chúng ta không thể hành nghề bán báo được, sẽ buồn lắm không như nghề bán thuốc lá lẻ của tôi.

Có một người khách ghé mua một gói thuốc Lào. Bây giờ tôi mới biết anh còn bán cả thuốc Lào đượm khói dân tộc nữa, nhật nhạnh từng cắc một, quả là con người lương thiện từ đầu đến chân.

Chia tay chú Tư Cầu vì trời đã muộn. Gặp anh tôi không thể không nhớ đến nhan đề một truyện dài của anh là Gió đưa trăng. Sau này tôi biết anh lấy từ câu hò trữ tình trên sông nước Cửu Long. Câu hò như thế này:

Gió đưa trăng, trăng đưa gió, trăng lặn rồi gió biết đưa ai?...

Tôi như nghe thấy tiếng ca trữ tình vút lên thình không, man mác trên sông nước Cửu Long, đồng bằng lúa gạo Nam bộ. Tính chất Nam bộ trải dài trong tác phẩm của anh và ở ngay chính con người anh. Trăng lặn rồi gió biết đưa ai? Có phải một câu than thở không? Tôi lẩn thẩn mãi với câu hỏi ấy trong đầu. Tôi nghĩ đến hát ru Nam bộ mà Lê Xuyên đặt tên cho tác phẩm của mình, có một câu bỏ lửng.

Tôi về đến nhà ở ấp Đông Ba xưa vào buổi trưa, mở truyền hình lên coi. Tôi nhận được tin cơn bão số 6 đang trên đường đổ vào bờ biển Việt Nam. Sao mà khổ thế nhỉ, bao nhiêu là tai ương. Người ta kêu gọi nhân dân chống bão lụt.

Tôi nghĩ hoài về nhà văn Lê Xuyên. Mưa ập xuống ngập đường như sông. Trên con đường Lê Xuyên ngồi bán thuốc lá lẻ nước ngập đến bụng, liệu Lê Xuyên có khiêng nổi xe thuốc đội lên vai lên đầu để tránh ướt không, bảo vệ cái vốn liếng nhỏ bé, duy nhất của gia đình anh trên đôi vai còm cõi.

Tôi lo lắng, thương xót bạn, thậm chí cầu xin sự an lành đến với anh. Năm hết tết đến rồi. Anh từng nói từ lâu rồi anh không có mùa xuân.

7.

CÁC CỤ TA THƯỜNG HẸN
VỚI BẠN BÈ chí cốt thưở
thiếu thời rằng:

– Khi già thế nào tôi cũng đến thăm
bác, dù có phải chống gậy đi thăm, hay
phải đi cáng đi dò....

Chuyện đó xưa như trái đất, và
cũng là truyền thống của dân tộc, có
từ đời thưở nào không biết. Một lời
hẹn như đinh đóng cột. Tuổi già gặp

lại nhau, có khi đi xa ngàn vạn dặm để ôn lại những kỷ niệm xưa thời trai trẻ, khi còn là anh khóa anh đồ. Nói chung là thuở hàn vi. Đường đời mỗi người một ngã, đi tìm sự nghiệp tương lai, nhưng tình bạn vẫn thấm đượm, vẫn thiêng liêng, có thể gọi là keo sơn gắn bó. Không nghĩ đến bạn nữa là lỗi đạo. Bạn mất trước mình, nhớ thương bạn, thốt nên lời thành thơ như Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê:

Bác Dương thôi đã xa rồi.

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

Bạn đau ốm thăm hỏi bạn. Gặp nhau để hàn huyên đôi điều, đánh một ván cờ, đọc cho nhau nghe một bài thơ, uống với nhau ấm trà ngon, cũng có khi uống với nhau chén rượu, nói phét đôi điều cho đỡ chán đời.

Học theo gương người xưa để giữ lấy cái đạo bằng hữu thật đơn giản nhưng cũng thật khó khăn. Tôi 62 tuổi, bạn tôi 63 tuổi, nhà thơ Tú Kếu, một thi sĩ xứ Sơn Tây, nổi danh một thời trước 30-4-75.

Sau năm 1975 anh ở tù liên tù tù 12 năm trời, thời thượng gọi là “học tập cải tạo”. Vợ trẻ con thơ. Khi Tú Kếu trở về, chị Phượng (vợ Tú Kếu) đã là một người đàn bà đứng tuổi. Chị sinh thêm cho anh hai đứa con nữa, một trai và một gái út. Hai con trai lớn của anh đã trưởng thành nhờ công bên ngoài nuôi dạy. Mức án 18 năm tù của anh được giảm xuống còn 12 năm do anh “học tập tốt được sớm trở về đoàn tụ với gia đình”. Người ta nói thế, không biết có thật vậy không. Trại tù mang bí số K3 ở Gia Rai, dưới chân núi Chứa Chan. Tôi

đã từng đó nên rất biết. Tú Kếu ra khỏi tù, tôi mừng cho anh vì gia đình nhà vợ nay đã khá giả. Anh không phải như tôi, tối tăm mặt mũi đi kiếm ăn nuôi vợ con.

Buổi sáng tôi thường gặp Tú Kếu đi bộ từ nhà loanh quanh mấy con đường rồi tới sạp báo của Nguyễn Kinh Châu ngồi uống trà, đọc báo. Trước sạp báo của Nguyễn Kinh Châu là chi nhánh tiệm trà Tiến Đạt của gia đình Tú Kếu đường Bà Huyện Thanh Quan.

Ở sạp báo này anh gặp lại nhiều bạn bè là văn nghệ sĩ thời chế độ cũ, cùng thời với anh, trong đó có tôi. Anh em cũ chúng tôi chính thức gặp lại nhau vào ngày giỗ nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm báo Sống, là chủ nhiệm hầu hết anh em chúng tôi. Bữa giỗ được tổ

chức ở nhà Đăng Giao – Chu Vị Thủy, con gái và con rể của Chu Tử.

Ông Chu Tử tử nạn ngày 30-4-75, xác thủy táng ở cửa biển Cần Giờ, hôm ấy nhằm 19 tháng 3 Âm lịch. Sau này Giao và Thủy lấy ngày giỗ Âm lịch cho tiện. Ba năm trở lại đây, Tú Kếu vắng mặt trong bữa giỗ ấy. Anh bị căn bệnh quái ác là bệnh quên. Bệnh quên của anh càng ngày càng nặng, nhiều khi trở thành cổ quái. Quên cả mình là ai, đừng nói chi đến người khác. Anh không ở nhà đường Điện Biên Phủ trước bệnh viện Bình Dân nữa mà lên Lâm Đồng dưỡng bệnh. Cũng thời gian này tôi nghe nhiều chuyện về căn bệnh quên của Tú Kếu. Người ta đặt tên cho căn bệnh ấy là Alzheimer, tên của vị bác sĩ khám phá ra căn bệnh.

Tôi vẫn mong có dịp lên thăm Tú Kếu. Khốn nỗi hai mươi năm nay tôi không ra khỏi thành phố. Điều đơn giản vì tôi không có mảnh giấy tùy thân nào trong người. Tôi mới có thể Chứng Minh Thư Nhân Dân hôm 15-8-1999.

Hôm 23-8-1999 tôi ra bến xe Miền Đông mua vé xe đò lên đường, sau khi đã điện thoại hỏi dò đường đi nước bước với chị Phượng, vợ anh Kếu. Người thân của gia đình Tú Kếu nói:

– Thôi bác đừng lên, bác hỏi thăm vậy là quý rồi, chúng tôi sợ ông ấy không nhận ra bác đâu, dù bác có là bạn thân, đến người ở trong nhà cũng chẳng nhận ra nữa là....

– Tôi hiểu, nhưng chẳng quan trọng gì, nhìn thấy nhau là quý, dù không đọc cho nhau nghe được một bài thơ.

– Ấy thơ thì ông ấy nhớ đấy.

Tôi mừng húm.

Thế là buổi sáng tôi lên đường thăm Tú Kếu, trong túi xách của tôi có mang theo tập thơ Ánh mắt người Sơn Tây của Quang Dũng, nhà thơ cùng quê hương với Tú Kếu, một nhà thơ mà anh rất ngưỡng mộ, hồi xưa anh từng đọc cho tôi nghe. Anh đọc Ánh mắt người Sơn Tây, Đôi Bờ, Tây Tiến. Ở căn gác thuê đường Bắc Hải, nhìn ra nghĩa địa Đô Thành, nay là công viên Lê Thị Riêng. Đêm mưa rầm tháng bảy Âm Lịch nằm trên căn gác quạnh hiu nhìn ra mờ mịt nhấp nhô, ánh đèn vàng vọt ở nhà xác nghe Tú Kếu ngâm Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du cảm giác vừa thú vị vừa rùng rợn. Khi đó chúng tôi còn trẻ lắm. Tuổi trên

hai mươi. Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sùi... Lạnh heo may...

Dĩ vãng ập vào đầu tôi khi xe leo lên đèo Bảo Lộc, sương mù giăng trắng đục cả đôi núi bên đèo, có căn nhà nào đó mờ nhạt trong sương. Gió lạnh đầy ắp không khí cao nguyên.

Tôi không thể ngủ gà ngủ vịt như một số người đồng hành mà giương mắt nhìn cảnh bên đèo. Tôi thấy như thuở nào đó, xa xôi lắm rồi ngồi lóc cóc xe ngựa đổ đèo tận miền thượng du Bắc Việt như không khí thơ của Quang Dũng thời dân tộc Việt nam kháng chiến chống Pháp:

Chợt mưa phùn gió lạnh

Càng lạnh càng hoa mai

Càng nhớ xa xôi lắm

Những con đường chạy dài

Hoặc hùng tráng như Tây Tiến:

*Ngàn thước lên cao ngàn thước
xuống*

Nhà ai Phạ luông mưa xa khơi

Tại tôi ù khi xe leo lên đỉnh đèo rồi đổ dốc. Chưa thấm tháp vào đầu, nhưng tôi cũng bơi vào hai bên thái dương miếng dầu Con Ó, mũi hít ngửi mùi bạc hà của ống hít mũi.

Xe đổ dốc đèo Bảo Lộc, tôi phải trả thêm năm ngàn đồng nữa cho chú lơ xe dò để được đưa tới Lộc An, trước công ty trà Tiến Đạt. Nơi đó chưa tới Điều Linh. Cũng đã lâu lắm rồi tôi mới đi lên vùng cao. Đối với tôi lúc này trở

nên lạ lẫm, lạ bắt đầu từ Ngã Ba Dầu Dây, chắc đường lên Đà Lạt còn nhiều điều lạ hơn nữa. Tôi thăm hẹn có lần đi chơi xa hơn lên vùng gió núi mưa ngàn.

Bước chân vào nhà Tú Kếu, cũng là cửa hàng Trà Tiến Đạt. Người thứ nhì sau cô bán hàng là chị Phượng rồi Tú Kếu. Gặp chị, tôi hỏi:

– Chị còn nhớ tôi không?

Chị Phượng cười tươi:

– Gớm, anh làm như tôi cũng bệnh quên như anh Tú Kếu ấy, tôi nhớ chứ, nhớ tất cả bạn bè của anh ấy. Anh ấy thì lúc nhớ lúc quên, có lúc nhắc hoài...

Tôi nắm bàn tay mảnh dẻ của Tú Kếu, nhìn sâu vào mắt anh:

– Kếu, mày có nhận ra tao không?

Đôi mắt ấy thoáng chút ngơ ngác, giọng trở nên lễ phép, từ tốn, lịch sự:

– Cám ơn bố không quản đường xá xa xôi đến thăm con.

Đến lượt tôi ngơ ngác:

– Mày nói thật hay đùa đấy, mày không nhận ra tao thật à? Tao là Long, bạn mày, quen biết nhau từ hồi ở trại học sinh Phú Thọ năm 54.

– Trại học sinh Phú Thọ?... Phải rồi, dầu sao con cũng nhớ bố lắm, bố không quản đường xá xa xôi...

Chị Phượng biết chồng lên cơn bệnh quên, bằng cách nào cũng không thể để anh nhớ ra được. Chị pha một

ấm trà hoa lái thơm ngát, hai tách cà phê sữa.

Tôi mời Tú Kếu hút thuốc lá, anh hút ngay, thưởng thức cà phê trà, khen ngon. Chị Phượng kể về bệnh trạng của anh. Chị nói thời gian sau này anh thường than nhức đầu, rồi mỗi ngày một quên dần, lẫn lộn lung tung.

– Đến hai thằng con lớn mà anh ấy cũng không nhận ra, hỏi mãi anh ấy nói là đàn em của anh ấy thôi. Bệnh quên này anh ấy mới phát ra hai ba năm nay thôi, nặng thì từ hồi Tết đến giờ. Mất cả mọi ý niệm, sống như hoang tưởng... Đi ra đường anh ấy quên cả lối về, nên không dám đưa anh ấy về Sài Gòn vì anh ấy đi lạc ngay. Đó anh thấy sức khỏe anh Kếu rất bình thường. Nhưng anh ấy mất hết mọi ý niệm, về chuyện

ăn uống một ngày anh ăn nhiều bữa, ăn rồi quên ngay thấy rằng mình chưa ăn hết. Nhà đông công nhân, họ ăn cơm theo ca làm việc. Nên khi đĩa bát dọn ra, anh Kếu lại thấy rằng mình chưa ăn cơm từ sáng đến giờ... Cứ thế mỗi ngày anh ấy ăn dăm bảy bữa là chuyện thường, ăn sáng cũng tới hai lần, tuy rằng mỗi lần ăn không nhiều...

– Nhưng ở trong nhà anh ấy cũng nhớ người nào đó chứ.

Ông anh con chú bác với chị Phượng trả lời thay:

– Có, thứ nhất là Phượng, thứ hai là cháu gái nhỏ, thứ ba là ông bố của Phượng. Còn ngay bà mẹ vợ, anh ấy cũng quên luôn mà chỉ thấy quen quen...

Tôi an tâm rằng Tú Kếu đã quên tôi rồi, như quên một số bạn bè thân thiết khác, cùng chung lưng đấu cật với nhau trong nghiệp dĩ văn chương. Không thể giận bạn được mà thương bạn bao nhiêu cho đủ.

Tôi lại hỏi Tú Kếu:

– Này cậu có nhớ Nguyễn Huy Nhiên là ai không?

Tú Kếu chỉ ngay ngực mình:

– Chính là ta đây.

– Thế còn Hoàng Bình Sơn, Trần Đức Uyển?

– Cũng là ta, Tú Kếu nữa.

Khi nói chuyện, Tú Kếu nhìn tôi đăm đăm như cố vận dụng trí nhớ, bỗng dừng nói:

– Này tôi thấy bác này quen quen, giống cậu Cảnh ra phết, không biết có phải cậu Cảnh không?

Chị Phượng không để tôi ngơ ngác, giải thích ngay:

– Cậu Cảnh là ông cậu của anh Kếu, ở ngoài Bắc quê Sơn Tây. Anh ấy lẫn lộn đó.

Tôi chợt nhớ ra, tôi tặng Kếu tập thơ Ánh mắt người Sơn Tây của Quang Dũng. Anh thuộc thơ của mình và của người khác. Anh đọc thơ Quang Dũng lâu lâu. Rồi Tú Kếu bỗng đọc một bài thơ khác:

Ta con ông Cống cháu ông Nghè

Nói chuyện trên trời dưới đất nghe

Sức khỏe Hạng Vương cho một đấm

Cờ cao Để Thích chấp đôi xe

Lội phăng xuống biển lôi tàu lại

Chạy thốc lên non bắt cọp về

Bữa nọ vào chơi nơi trướng phủ

Ba ngàn cung nữ chạy ra ve.

Tôi hỏi thử Tú Kếu:

– Này ông đọc thơ của ông hay của ai thế?

– Không biết nữa, tự nhiên thôi.

Quả nhiên Tú Kếu không nhớ thật, thấy giọng thơ huênh hoang của một ông nhà nho hết thời hồi cuối thế kỷ thứ mười chín bước sang đầu thế kỷ hai mươi thì nhập tâm. Cái cao ngạo sẵn có trong máu làm thơ của mình như của nhà nho kia, cũng giống khẩu khí

của Tú Kếu. Anh nhập tâm chứ không đạo thơ. Tác giả của Thơ Đen, Thơ Chì, Thơ Xám và hàng ngàn bài thơ chưa ấn hành, làm vào thời gian sau này. Khi anh còn tỉnh táo, tôi đã có dịp được đọc riêng với anh. Những câu thơ thật khốc liệt mà để thất lạc thì uổng phí quá. Tôi tự nguyện phải tìm kiếm và thu thập lại.

Tú Kếu khoe với tôi:

– Thơ nhiều lắm, cả mấy tập dày thế này.

Hồi trước, khi Tú Kếu mới đi tù về, anh có nhờ tôi đi tìm những tập thơ của anh ở hàng sách cũ, hoặc nhà người quen, cuối cùng anh nói anh có tìm thấy mấy tập thơ dấu ở dưới chuồng gà nhà anh, anh cũng chẳng biết ai giấu

cho anh nữa. Lục trong đồng giấy cũ trong nhà tôi, tôi còn tìm thấy một ít bài thơ Tú Kếu làm sau này. Ngồi với nhau, hứng lên, Tú Kếu bèn làm thơ.

Khoảng năm 1990, khi Tú Kếu đi tù về. Tôi nhớ những buổi sáng, sau một phùa đi bộ, Tú Kếu đến ngã tư Bà Huyện Thanh Quan, dừng chân ngồi uống nước trà ở sạp báo của Nguyễn Kinh Châu, sạp báo nhìn sang tiệm trà Tiến Đạt, góc đường Tú Xương – Bà Huyện Thanh Quan là bệnh viện Saint Paul. Xưa kia căn nhà kín mít chỉ có hàng cửa chấn song sắt trên cao là nhà xác, có lối cửa sau ra đường Tú Xương. Tôi cũng từng đưa tiễn người thân ở nhà xác ấy.

Bây giờ bệnh viện Saint Paul chuyên khoa mắt, không hiểu nhà xác kia còn

sử dụng hay không, nhưng lối cửa sau vẫn đóng im im, vẫn giữ nguyên vẻ thâm u bí mật. Buổi tối gái đứng đường rải rác trên hai con đường ấy.

Tôi nhớ đến không khí trong thơ của thi sĩ Jacques Prévert.

Đường phố Sài Gòn trong hai mươi năm nay đổi tên cũng nhiều mà riêng hai con đường ấy vẫn mang tên hai thi sĩ bậc thầy trong văn học sử Việt Nam.

Một thế kỷ sau ngày Tú Xương mất, ở góc đường mang tên ông lại có một thi sĩ ngồi nhìn trời đất và cuộc đời. Tú Kếu. Đã chán chường tất cả, muốn gác bút mà anh không gác được, âu cũng là nghiệp dĩ.

Những hoạt cảnh, như những thước phim quay chậm cho ta nhìn

thấy rõ nhiều cảnh sống sau khi hòa bình về trên quê hương. Chỉ ở một góc đường thôi trong thành phố đã hiện ra đủ cảnh đủ vẻ. Những buổi sáng gặp nhau ở sạp báo góc đường, chúng tôi ngồi với nhau.

Nói là chúng tôi, không nhiều nhận gì, chỉ vài thằng văn nghệ sĩ hết thời: thằng thì nguyên thi sĩ, thằng nguyên nhà văn, thằng nguyên ca sĩ nghiệp dư, thằng nhà báo, chủ nhân sạp báo cũng hết thời luôn. Nhìn cảnh đời diễn ra trước mặt mỗi thằng có một ý nghĩ riêng.

Chúng tôi không hề có những buổi họp văn nghệ có tổ chức, có thiệp mời để nghe đọc thơ, để hát ca trù, để được phát biểu về vấn đề hay đường lối văn nghệ đao to búa lớn, để nghe

những “chùm” thơ của nhà thơ này, những “mảng” văn của nhà văn kia. Không có, hoàn toàn không, chúng tôi đến với nhau vì nhớ nhau, cũng chẳng hẹn trước, ai đến thì đến, ai đi thì đi. Cũng ít khi bày ra cuộc ăn nhậu nào. Nhà thơ Khoa Hữu có bệnh đau bao tử kinh niên, lúc nào trong túi cũng có lọ thuốc, Tú Kếu thiếu máu trầm trọng, áp huyết quá thấp, tôi áp huyết cao, có lần suýt chết vì bị tai biến mạch máu não, nhà văn Lý Hoàng Phong người dệu dả dệu dạo vì bị bệnh gì đó không biết, buồn thiu buồn thiu vì sắp mất nhà. Duy Trác làm nghề bán “căng tin” trường học con nhà giàu sắp sửa đi nước ngoài theo diện H.O.

Kịch tác gia Trần Lê Nguyễn bị tai biến mạch máu não, bán thân bất toại nói năng ngọng lú ngọng lo, thỉnh

thoảng đi xích lô đến, nói năng chẳng ai hiểu gì cả, chỉ tưởng tượng ra anh đang nói chuyện văn nghệ, bộ môn hội họa. Thế là Trần Lê Nguyễn lấy làm mẫn nguyện lại lên xe ra về.

Thỉnh thoảng thi sĩ Bùi Giáng đi qua, ghé vô chơi, đọc thơ lung tung beng rồi lại ra đi, ông sang câu lạc bộ Văn Nghệ ở con đường gần đó uống rượu say la đà. Vì ở đây chẳng thằng nào uống rượu hết. Nói đúng ra còn ham sống, sợ chết nên... kiêng.

Ngày Duy Trác ra đi nước ngoài, đến góc đường Tú Xương – Bà Huyện Thanh Quan từ già anh em. Tú Kếu có làm bốn câu thơ “tiễn bạn xuất cảnh”:

Này hãy nâng ly cạn chén mời

Chúng mình sắp sửa lại chia phôi

Mi sang bên ấy vui đời mới

Ta ở bên này dạ rồi bởi

Những bài thơ của Tú Kếu đến với tôi, hoặc thuộc nó cũng tình cờ thôi. Như bốn câu thơ “viếng Trạng Đốp”, thi sĩ cùng thời làm thơ với Tú Kếu, chết ngày 15-8-1992:

Tuổi thọ ông về Tiên Phật

Tôi còn lẻo đẻo trần gian

Mẹ bố cuộc đời vật chất

Búa đời muốn đập cho tan

Những bài thơ của Tú Kếu, thời gian anh ra khỏi tù, anh làm thơ trên bất cứ mảnh giấy nào, không phải những bài thơ anh in trong những tập thơ trang trọng.

Sự nghiệp làm thơ của Tú Kếu thế này, đã có lần tôi thấy ở một mảnh giấy học trò. Bài Đòi Thơ. Cũng có thể coi là lý lịch của Tú Kếu, sự chẳng đặng đừng của kẻ mang nghiệp dĩ:

Năm nay ta đã tuổi năm lăm

Ba chục năm dư sống kiếp tầm

Thơ phú chen chân mười sáu tuổi

Trời cao mắt nhỏ đường xa xăm

*Những đêm thức trắng hồn rong
ruổi*

Bay lượn tìm quanh nhật ý thơ

Gục thiếp trên bàn óc đã mỏi

Thấy toàn tờ nhện giăng trong mơ

Quả nhiên điểm mộng báo ta hay

*Cái kiếp yêu thơ kiếp đọa đầy
Mưa xám nắng xanh đường bút vẽ
Biển vàng hoa trắng ở trong tay
Đã nhiều lúc bút cùn toan gác
Như mối tình thiêng gác từ đây
Tình riêng cắt được thơ sao cắt*

.....

Bài thơ còn khá dài nhưng tôi không nhớ hết, nên đành cắt ra một đoạn.

Thập niên 1980 –1990, Sài gòn vì kiếm sống, những kẻ tài hèn đành phải ra nghề kiếm ăn, trong đó có hai nghề chính dễ làm nhất là nghề ve chai (thu mua răng vàng bạc vụn) và nghề kẹo kéo.

Hai nghề này coi như thứ nghề hạ cấp chốn “chợ trời”. Từng đàn từng lũ thanh niên nam nữ ra nghề, tuôn vào khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố. Chính kẻ viết tập hồi ký này cũng đã ở một trong hai bộ môn “nghệ thuật thương mại” đó.

Đám kẹo kéo thì “trang bị” khoa học kỹ thuật hơn. Người bán kẹo kéo phần đông là nữ, ăn mặc đầy vẻ mô đen chợ trời, loại quần áo của tàn dư Mỹ Ngụy bấy bán ở chợ trời. Đầy xe đạp trên có một thoi kẹo kéo, một cái máy cát sét, hát ngẫu xì khắp phố phường, phần nhiều là điệu Lambada hay điệu gì đó rất tếu nhộn. Quà rẻ, trẻ con bu đến mua ăn. Chỉ năm hào thôi có thể mút được một que kẹo ngọt lừ, thơm tho, giòn rụm vì có nhân bằng mấy viên đậu phộng rang. Nhà thơ Tú Kếu

đã thấy cảnh đó, anh ghi lại bằng thơ,
bài Hai nàng kẹo kéo:

Khá khen hai gái má hồng

*Tuổi xuân mơn mớn đã chồng hay
chưa?*

Tuổi xanh nghị lực có thừa

*Đẩy xe kẹo kéo, nhạc khu phố
phường*

Người rằng thương, ta rằng thương

*Gót chân liệu chấm công trường bao
lâu?*

Mẹ cha nay đã bạc đầu?...

Có chẳng vất vả thân trâu kiếp lừa?

Hay là nặng nhọc sớm trưa

*Bảo nhau khuất bóng, bây giờ mô
côi?*

Này hai cô bé kia ơi!

*Thoáng nghe tiếng nhạc, tìm người
nhớ đau*

Đời này vàng lẫn với thau

Tim vàng hãy giữ bền lâu với đời

Nàng đi kéo kẹo cho đời

Tở tâm ta kéo dăng lời thủy chung

Suốt những năm 1992 tới 1995. Nghĩa là thời gian Tú Kếu còn tỉnh táo, anh làm khá nhiều thơ, những hoạt cảnh anh thấy sau khi ra khỏi tù, trên những ngã đường anh từng đi qua. Từ nàng bán kẹo kéo, cô gái đứng đường, đến người ăn mày tật nguyền. Ông lão đứng ngẩn ngơ bên đường, phải chăng là tâm sự của mình:

Ông lão bên đường đứng ngẩn ngơ

Chờ xe qua hết để sang bờ

Nhưng xe nườm nượp sao qua hết

Mãi tới chiều buông vẫn đứng chờ

Mệt quá đi, suy nghĩ mãi cũng chẳng ích chi, nhìn cảnh đời đổi thay càng thêm chán nản. Tú Kếu không thèm suy nghĩ nữa, nhưng đầu thì đã nhức rồi:

Lăn quăn suy tư nhức cái đầu

Cái đầu nghĩ mãi lại càng đau

Quanh co thế sự hôn tới tả

Ấm ở dân sinh dạ nát nhàu

Chỉ ít phút dành cho hồi tưởng những kỷ niệm với Tú Kếu, để hiểu anh

và thương anh hơn. Thời gian dưỡng bệnh của Tú Kếu không biết đến bao giờ, nhưng hiện nay may mắn là anh còn đầy đủ tình nghĩa gia đình, trong yêu thương, thủy chung.

Khối người đã thiếu thốn cả những điều ấy. Tất cả chúng ta đã già, đầu bạc rồi, kể cả chị Phượng. Tôi nhìn thấy những chân tóc bạc dưới mái tóc nhuộm của chị. Mới ngày nào chồng bị bắt, chị còn trẻ, ôm hai con nhỏ đại ngồi bán thuốc lá lẻ ở góc đường Bà Huyện Thanh Quan, phía sau ngôi giáo đường đường Tú Xương, hỏi ngày về của anh, chị không biết, như mọi thiếu phụ có chồng đi ở tù khác, có khác nhau chăng là ở tình chung thủy.

Bây giờ chị ngồi bên anh, chị được đền đáp lại bằng một sự nghiệp thơ của

anh. Điều đó tôi không tin là điều mơ hồ với riêng chị và cả với những đứa con của anh chị. Trời xế chiều, tôi từ giã gia đình Tú Kếu về Sài Gòn.

Tú Kếu tỏ ra tỉnh táo, tiễn tôi ra tận cửa, chúc tôi thượng lộ bình an. Nhưng thâm tâm tôi thì chắc chắn một điều rằng anh vẫn không nhận ra bạn anh. Như đã không nhận ra nhiều bạn bè khác. Vì chúng nó đã chết hết cả rồi.

Anh nói thế.

Tôi ngồi trên xe đò trở về thành phố, sương mù buổi chiều dâng cao ở đỉnh đèo, ờ, sao tôi thấy ngậm ngùi.

Tú Kếu vẫn còn sống đó, nhưng ngất ngư...

S.

SUỐI CHIỀU NGÀY 12-9-1999 mới chính thức là ngày cuối cùng tôi chia tay với Uyên Thao, người bạn đồng nghiệp viết văn làm báo và là bạn tù với tôi. Tám giờ sáng mai, anh và gia đình lên đường sang Hoa Kỳ định cư. Những lo lắng, những lao đao, những dịch vụ gì đó vô cùng lồi thoi đã khép lại sau lưng gia đình anh. Nhưng anh vẫn nói với tôi, như bao nhiêu người đã nói: “Khi nào máy

bay cất cánh mới thật sự an lòng.”

Đúng vậy, buổi chia tay này vẫn có thể coi là “tạm thời” cho đúng thủ tục mà thôi. Điều chắc chắn là bây giờ tôi và Uyên Thao ngồi với nhau ở đầu chung cư Nguyễn Thiện Thuật, hút với nhau những điếu thuốc Bastos nội hóa. Nói chuyện và những nhẩn nhủ tào lao giữa kẻ ở người đi. Chúng tôi còn quá ít thời giờ để ăn với nhau một bữa cơm chia tay ở quán cơm Bà Cả Đọi, như tôi đã hẹn với Uyên Thao. Từ nay đến sáng mai còn mười tiếng đồng hồ nữa chứ mấy.

Tôi hứa với Uyên Thao:

– Tao tin rằng mấy chục năm nay tao không sống vô ích và cũng sẽ không vô ích vào những ngày còn lại. Tao và mày chẳng dám hứa sẽ còn gặp nhau

ngày nào đó, vì tội mình già cả rồi, biết sao mà hẹn. Hãy ghi nhận lại hình ảnh cuối cùng của nhau chiều hôm nay, uống từng lời nói của nhau.

Uyên Thao nói:

– Tao còn một điều ân hận là không lo được cho Đoàn Tường, hẳn ta yếu lắm rồi, ngày hôm trước hẳn nói như trần trời với bạn bè như người sắp chết. Tháng cuối cùng ở Việt Nam, tao cố gắng làm việc, vừa dịch vừa gõ máy thuê hy vọng kiếm ra được ba triệu đồng, tao dùng hơn một triệu trả nợ, một triệu kia để lại cho Đoàn Tường chữa bệnh, mà cuối cùng người ta trả cho tao có hơn một triệu. Tao trả nợ không đủ... Mà ở lại đến thăm hẳn cho tao. Hẳn hiện đang ở trên làng Báo Chí.

Đoàn Tường tức là nhà văn Lý Hoàng Phong, anh ruột của thi sĩ Quách Thoại, một nhà thơ nổi tiếng thuở nhóm Sáng Tạo ở miền nam Việt Nam. Lý Hoàng Phong, tức Đoàn Tường nay đã 75 tuổi, trước kia từng là chủ nhiệm tuần báo Văn Nghệ, biên tập viên bình luận Đài Phát Thanh Sài Gòn, chủ nhiệm nguyệt san Quê Hương, tuần báo Thế Kỷ 20, Hiện Đại. Tác giả tập truyện ngắn Người giết người, truyện dài Sau cơn Mưa. Anh có danh, nổi tiếng ở khoảng thời gian trước năm 1975. Sau năm 1975 anh im hơi lặng tiếng như nhiều anh em văn nghệ chuyên nghiệp miền Nam khác. Có chuyện đau lòng xảy ra cho gia đình anh, cho đến ngày anh phải mang vợ con về Làng Báo Chí bên kia cầu Sài Gòn, mà trước đây gọi là cầu Xa Lộ. Nơi trú ẩn cuối cùng của

những người có dính dáng đến nghiệp báo chí, văn nghệ nếu căn nhà nào đó của mình ở làng còn. Đoàn Tường vẫn còn chút may mắn. Tôi hứa với Uyên Thao:

– Tao sẽ đến thăm Đoàn Tường, giữa tao và anh ấy cũng có chỗ thân tình và hiểu hoàn cảnh của nhau.

Buổi sáng hôm sau, ngày Uyên Thao và gia đình lên đường ở phi trường Tân Sơn Nhất, tôi cũng lên đường bằng chiếc xe Vélo Solex ra xa lộ vượt cầu Sài Gòn sang làng Báo Chí thăm Đoàn Tường.

Làng Báo Chí, quê hương thứ hai của những người hành nghề báo chúng tôi thuở trước, nay thay đổi nhiều. Nhiều nhà cửa, vi-la mọc lên,

kiểu cộ tùm lum. Chủ nhân đích thực của những căn nhà trong làng bây giờ chẳng còn bao nhiêu, đếm trên đầu ngón tay, những chủ nhân mới tôi hoàn toàn không biết.

Xưa kia tôi cũng có một căn nhà trong làng, rồi vật đổi sao dời... Tôi đành quên, như người khác đã quên nhiều anh chị em làm báo. Nhưng làng đó đến nay vẫn mang tên là làng Báo Chí. Hỏi đến, ai ở vùng đó cũng biết. Tôi đã vào làng và phải hỏi thăm đường, điều đó chứng thực cho lời nói của tôi.

Căn nhà của Đoàn Tường ở dãy 1, bên cạnh mấy căn nhà cao tầng, kiểu cộ rất mô đen. Căn nhà đó nguyên trạng như căn nhà Nghiệp Đoàn Báo Chí trao cho anh em ký giả hội viên hồi 40 năm về trước. Mái tôn, gạch lổc xi

mãng, một khoảng sân nhỏ trước mặt nhà, khoảng tường đều dạo ngăn cách.

Tôi đứng trước cổng nhà Đoàn Tường tức Lý Hoàng Phong gọi cửa một lúc lâu. Chó bị nhốt trong nhà sủa rộ lên, một lát, đứng ngoài cổng tôi thấy một người lom khom đi ra... Đúng là anh Lý Hoàng Phong.

Cánh cửa ra vào được mở, Lý Hoàng Phong gầy rộc, trắng xanh, giọng anh mệt mỏi:

– Ai đó?

Tôi xưng tên, tự tay mở cổng vào sân. Anh đưa tôi vào nhà, anh thật sự mệt mỏi, nói nhát gừng:

– Tôi mệt, mệt lắm, thằng con tôi mới đi chợ mua đồ ăn cho tôi. Bác sĩ

nói tôi cứ ăn cơm gạo lúc muối mè, đừng ăn chuối nữa. Tôi ăn chuối thay cơm bí cả đường tiểu tiện đại tiện.

Quái lạ thật, tôi nghe anh nói như thế là lần đầu. Tại sao vậy? Tôi không biết nữa, và cũng không hỏi tới. Tôi biết anh mệt gần như người kiệt sức. Anh cho biết anh ăn riêng. Tôi hỏi anh nấu lấy ăn à? Anh trả lời không, thằng con trai thất nghiệp của anh đi mua cơm gạo lúc người ta nấu sẵn bán.

Tôi đoán chắc một điều là anh hoàn toàn suy dinh dưỡng, có nhiều lần anh nhịn ăn đến kiệt sức. Anh trở nên xa lạ với thịt cá và đồ ăn bổ dưỡng khác. Thực tế anh lấy đâu ra tiền để tự bồi bổ cho mình. Lòng tôi quặn thắt trước tình trạng ấy. Anh như một người bị bỏ quên, và tự an phận trong sự bỏ quên ấy.

Tôi nhìn quanh căn phòng khách, không có một thứ gì đáng giá. Không có ti vi, radio. Chỉ có một tủ sách với những ngăn trống huếch và một tủ thờ bố mẹ anh.

Anh kể với tôi, giọng vẫn mệt mỏi rằng căn nhà ở làng này sở dĩ còn là do bố mẹ anh về ở đến lúc chết, mấy năm gần đây. Nếu không thì anh cũng chẳng biết về đâu...

Tôi hiểu hoàn cảnh thật của Đoàn Tường – Lý Hoàng Phong từ sau ngày 30-4-75. Gia đình anh có nhà ở gần cổng xe lửa Trương Minh Giảng (nay là đường Lê văn Sĩ). Mảnh đất ấy của bố mẹ vợ anh. Anh lấy vợ, về ở nhà vợ, cùng vợ xây dựng nên một căn nhà khang trang. Chủ quyền căn nhà vẫn là tên bố mẹ vợ anh. Bố mẹ vợ mất, căn

nhà ấy như của con cái, rồi ngày 30-4-75 người chiến thắng vào thành phố, trong đó có người anh ruột thịt của vợ anh từ miền Bắc vào, đoàn tụ gia đình sau nhiều năm xa cách, tìm cách giúp đỡ lẫn nhau trong xã hội mới có lại cuộc đời, nếu không nói là thuở “quân hồi vô phòng”.

Người anh, lúc đó là cán bộ, trong khi chờ đợi nhà nước cấp nhà, vào chung hộ khẩu với nhà Đoàn Tường. Chuyện đương nhiên thôi, và ông ta như một lá chắn che cho gia đình Đoàn Tường. Gia đình Đoàn Tường được hưởng ít nhiều ân huệ của người chiến thắng. Anh Tường không phải đi tập trung học tập cải tạo như những anh em văn nghệ sĩ, ngụy quân, ngụy quyền. Con trai lớn của anh trúng tuyển nghĩa vụ quân sự đi chiến đấu làm nghĩa vụ quốc

tế ở bên Cẩm Pu Chia, do bọn Khờ Me đỏ đang làm chuyện diệt chủng man rợ chính dân tộc chúng, là dân tộc anh em với dân tộc ta, môi hở răng lạnh.

Gia đình Đoàn Tường tình nghĩa anh em như thể tay chân, vậy cũng được đi. Trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng, anh em nào đỡ được cũng mừng cho anh em ấy. Tôi nhớ có lần cách đây hơn hai mươi năm, thuở tôi còn lang thang chợ trời. Tôi và Trần Lê Nguyễn có ngồi uống cà phê với Đoàn Tường, trước một ngân hàng ở mé Chợ Cũ, nơi Đoàn Tường được tiếp tục “công tác”. Ai cũng mừng cho anh gặp may mắn. Mặt tiền căn nhà của anh trở thành quán cà phê do vợ và con gái anh đứng bán. Khoảng năm 1990, khi Tú Kếu đi tù về, chính tôi đưa Tú Kếu đến thăm anh tại tiệm cà phê trên. Đời sống anh

khi ấy cũng bình thường trong kinh tế thị trường. Mặt ngoài thì như thế nhưng bên trong có vẻ gì khúc mắc. Tôi biết tin đứa con trai lớn của anh đi nghĩa vụ quân sự không về nữa, không phải cháu đã bỏ mình vì nghĩa cả, mà cháu thể rằng không bao giờ trở về căn nhà ấy. Chúng tôi không tiện hỏi sâu, cặn kẽ hơn. Cho đến những buổi sáng, cách nay chừng mười năm. Tôi thấy Lý Hoàng Phong gần như có mặt thường xuyên mỗi sáng ở sạp báo của Nguyễn Kinh Châu. Chúng tôi vừa ngồi uống trà vừa đọc báo giải khuây. Vì hầu hết anh em chúng tôi mất sức lao động cả rồi, nên phải nhờ vả vợ con, đôi khi bạn bè ở nơi xa giúp đỡ.

Thường gọi là cứu đói, cứu thôi chứ không xóa được. Ở tại nơi đó cũng là chỗ thông tin cho nhau, kẻ còn người

mất, kẻ sống ngất ngư như con tàu lướt sóng, kẻ ở người đi hoặc biết với nhau về hoàn cảnh gia đình của nhau. Không biết vì cảnh giác cao hay tất cả anh em chán chuyện thời thế, nên tuyệt nhiên không ai bảo ai đều lánh xa những tin thời sự có tính cách chính trị nên chẳng bao giờ có chuyện bị đánh giá là “phản động”. Có sự theo dõi nào không tôi không biết, cũng chẳng cần biết thì đúng hơn, nhưng nếu có thì chỉ là chuyện vô ích mà thôi. Tại địa điểm này, tôi được biết gia đình Tường có chuyện chia chác gia tài giữa vợ anh và người anh ruột. Ông anh ruột là cán bộ nhà nước đã được nhà nước cấp nhà ra ở riêng, nhưng chính căn nhà của cha mẹ để lại, ông ta thấy cũng phải được chia phần theo luật thừa kế. Thế là căn nhà mà gia đình Đoàn Tường đang ở,

đang sinh sống phải bán đi để chia gia tài. Chính vì vậy đứa con trai lớn của Đoàn Tường từ Cầm Pu Chia về bất mãn mới nổi khùng lên rồi bỏ nhà ra đi biệt biệt với một lời thề không bao giờ quay trở lại. Đứa con gái bị đẹp quán cà phê to tiếng với mẹ rồi bị tâm thần.

Đoàn Tường trở thành kẻ đứng ngoài, sáng sáng ngồi ở sạp báo Nguyễn Kinh Châu buồn hiu hắt. Ít khi anh nói gì, anh tiêu cực hay chán nản chẳng ai biết, nhưng nổi đau chắc là có đấy. Có người gặng hỏi, anh chỉ trả lời vắn tắt, tôi chẳng có gì, mặc họ với nhau. Một thời gian sau vắng bóng Đoàn Tường ở sạp báo của Nguyễn Kinh Châu. Anh em nói chuyện chia chác nhà, ra tòa kiện tụng cũng đã xong, anh Tường cùng đứa con gái điên lên làng báo chí ở. Tôi biết về Đoàn Tường – Lý Hoàng

Phong có thể thôi. Hôm nay ngồi trước mặt anh, tôi chỉ thấy anh suy nhược quá rồi. Căn nhà của anh lặng lẽ, dù rằng anh có vợ và có con cùng chung một mái nhà, nhưng hình như ai cũng sống riêng với mình. Bên cạnh phòng khách có hai phòng nhỏ, cửa đóng kín mít, một lát cánh cửa phòng bên ngoài mở, một cô con gái từ đó đi ra. Anh Tường nói là con gái anh, cô ta lặng lẽ xuống nhà rồi đi lên ngay, lại trở về căn phòng của mình đóng kín cửa.

Một lát sau nữa, cánh cửa phòng thứ nhì mở, một người đàn bà đi ra. Đó là chị Đoàn Tường, chị chào hỏi khách hoạt bát, rồi chị lấy xe đạp ra đi. Anh Đoàn Tường hỏi “bà đi chợ đấy à”, chị không nói. Một lúc sau chị lại trở về, chiếc giỏ xe trống rỗng. Chị vào trong phòng, khóa cửa cẩn thận. Theo

như Uyên Thao nói với tôi thì chị cũng man man mất rồi. Tôi nhìn căn nhà trống tuênh toang, căn nhà như không có sinh khí... Đoàn Tường hỏi tôi Uyên Thao đâu, tôi chỉ tay lên trời. Anh có vẻ ngạc nhiên. Tôi nói rõ hơn:

– Hắn đang bay trên trời, hắn đi Mỹ.

– À... à... tôi có nghe nói.

Câu chuyện chúng tôi nói với nhau chỉ ầm ớ như thế cho đến lúc trời sắp về trưa, tôi lên đường trở về thành phố. Lần sau tôi lên làng báo chí, cũng với mục đích thăm Đoàn Tường, mang quà cứu trợ của anh em ở nơi xa gửi về cho anh. Cũng đáng chậm chạp ấy, hôm nay thì cậu con trai có nhà, gọi là cậu bé nhưng cũng phải trên hai mươi tuổi,

bảnh trai ra phết, như Đoàn Tường ngày xưa, thuở tôi mới gặp anh. Anh giới thiệu cháu bây giờ thất nghiệp, ở nhà với anh. Tôi ra về khuyên cháu chịu khó săn sóc bố. Cháu vâng dạ thật lễ phép, hỏi thăm về gia đình tôi, công việc làm ăn của tôi, tôi nói chú “làm thính”, chú cháu mình đều làm thính. Tôi thấy Lý Hoàng Phong thoáng mỉm cười. Hình như nụ cười của anh thật hiếm hoi.

Tôi thấy ngón ngang trên bàn những cuốn sách. Tôi lật xem, tất cả đều là sách dạy nấu ăn, những món sơn hào hải vị. Anh hoặc cháu đang đọc những cuốn sách ấy, đang tự chế biến những món ăn ngon của ba miền đất nước, những món ăn hàm thụ.

Quà cáp của anh em đây, anh có thể thực hiện được một vài món ăn cho hấp khẩu vị, anh không cần phải thưởng thức món ngon bằng cách hàm thụ nữa. Tôi chắc chắn những món ăn đó phải ngon lành vì có chất ngọt của tình nghĩa bạn bè.

Anh viết một mảnh giấy cảm ơn anh em, rằng quà cáp mặn nồng đó đã đến tay anh. Tôi ra về cũng thấy lòng thơ thới hân hoan.



Sài Gòn 1999: Nguyễn Thụy Long –
Nguyễn Mạnh Đan – Uyên Thao

9.

CÓ NGƯỜI HỎI, VIẾT LÁCH
CỦA CẬU bây giờ ra sao rồi?

Tôi trả lời viết lách bây giờ là chuyện khó, nhất là đối với các nhà văn nhà báo thuộc chế độ cũ, hòa nhập được là chuyện rất khó, vì không được “đào tạo trưởng thành trong chế độ cách mạng”, nói theo danh từ thời thượng. Vô hình chung họ bị gạt ra ngoài lề. Mặc dầu vẫn nghe lời tuyên truyền xoen xoét “rằng thì là” của ngỗ văn nghệ mở rộng

như cửa chùa, ai muốn vào thì vào, ai ra thì ra. Ra thì dễ chứ vào thì khó đấy, bao nhiêu cửa ải phải vượt qua, có thể có đến “thập bát La Hán” trấn cửa. Lọt qua được cũng phờ râu tôm, cuối cùng mềm như bột, người ta muốn bóp nặn theo hình dạng nào cũng được.

Viết và lách, danh từ này không biết có từ đời thuở nào, nhưng cũng đúng ra phết. Có thể có từ thuở nước Đại Việt có trường thi cho các cụ đồ muốn thi cử đậu đạt để được ra làm quan. Làm một bài văn thi cử, phải nghiêm túc, lời lẽ trác tuyệt là lẽ đương nhiên mà còn phải biết kỵ húy, thí sinh phải nhớ tên nhớ tuổi cả dòng họ nội ngoại nhà vua, cả một triều vua đến bao nhiêu đời. Bị phạm húy là sổ toẹt, cho dù văn sách của anh hay đến mấy, anh vẫn bị “dê rô” điểm, ôm lều chõng

về quê đuổi gà chăn lợn cho vợ, muốn thi cử nữa thì ăn năn hối cải rồi tiếp tục dùi mài kinh sử. Một lời ngông cuồng thôi cũng đáng phạt đòn, nhẹ thì cú tú đẹp tú kếp đến mãn đời, ông dở ông, thẳng dở thẳng.

Bất mãn thì làm thơ, làm câu đối chửi đời cho đỡ vã, như nhà thơ Tú Xương ở thành Nam. Hoặc như Ba Giai, Tú Xuất đẻ ra chuyện tiểu lâm giễu đời chơi ở đất Hà thành:

Trời sinh ông Tú Cát

Đất nứt con bọ hung

Thuở đó tưởng đã xa xôi rồi, một thế kỷ đã trôi qua. Nay sắp bước sang thế kỷ thứ 21, năm 2000. Thế giới kêu gọi tự do dữ lắm, nhưng đó là chuyện của thế giới. Tự do hay gì gì không phải

là con “vi rút” muốn xâm nhập đâu cũng được. Có người ở hành tinh xanh chúng ta đã nói như thế. Nói theo kiểu dân giả thì cứ “phép vua thua lệ làng” cho tiện. Tôi chịu thôi chẳng nói nữa là hơn.

Có một vị đầu nậu chuyên nghề in sách ở thành phố Hồ Chí Minh, anh ta giàu bạc tỉ, thấy tôi nghèo khổ lại mất sức lao động, không tài cán bon chen với đời. Bèn tỏ lòng thương hại, đề nghị với tôi:

– Chú có tay nghề, chú viết đi, cháu in cho, trả tiền nhuận bút chú đảng hoàng. Mình là người viết chuyên nghiệp thì phải biết lách, đừng bỏ phí chất xám mà chú có...

Cha mẹ nội ngoại nhà tôi ơi! Tôi

phải làm sao đây, lách kiểu nào cho lọt? Vì đầu nậu đề nghị tôi viết tiểu thuyết diễm tình, ướm át, chẳng đụng chạm gì sắt cả, tránh luôn cả những chuyện gì đụng chạm đến chính trị, phản động. Tôi chịu thua, không làm được chuyện đó. Vì tôi mà viết tiểu thuyết diễm tình thì chỉ thối hoảng lên thôi. Vì đầu nậu lại đề nghị tôi để tên khác, chẳng ai biết mà lại tiện việc sổ sách. Tôi lại thua nữa.

Vì đầu nậu là người tốt vẫn còn thương hoàn cảnh tôi, bèn đề nghị cho tôi một việc khác, có trả lương. Tôi sáng vác ô đi tối xách ô về, y như một công nhân viên chân chỉ hạt bột ở ngay cơ sở của ngài.

Tôi cao 1m62, xấp bản thảo ngài đầu nậu giao cho tôi đọc cao một thước tám, tròn tròn hai thước. Ngài

nói tiền không đấy, văn chương đắt giá, chú là người có tay nghề mới giao cho chú đọc. Ngài lệnh cho tôi đọc trong vòng một tháng, được quyền sửa lỗi chính tả, sửa chữa nội dung chút đỉnh, ngài xin giấy phép xuất bản ngay từ bây giờ, tôi đọc và sửa chữa xong là có giấy phép liền. Kho sách hết lại có, không sợ hết việc, những nhà văn tự do của ta làm việc kinh lắm, luôn luôn vượt chỉ tiêu.

Tôi thất kinh khi dí đôi mắt cận thị vào chồng bản thảo ấy. Từng bộ tiểu thuyết kiếm hiệp rõ ràng là của Tàu mà nay nó biến thành truyện võ hiệp của đất Lạc Việt, các hiệp khách Lạc Việt đánh chưởng với các đại võ sư danh trấn giang hồ của Mông Cổ thời nhà Nguyên ở bên Tàu. Mới sáng nay còn nhận lệnh của Đinh Tiên Hoàng đế

ở kinh đô thành Đại La, chiều đã phi hành cái rọc đến sa mạc Gobi ở Mông Cổ đánh chuông mù trời với đại sư Tây Tạng, đại sư Tây Tạng tết đuôi sam giống quan quân nhà Mãn Thanh. Ngược lên mạn Bắc cực đấu kiếm với võ sĩ Samurai của Minh Trị Thiên Hoàng Nhật Bản. Cuối cùng bằng một chiêu thức bí truyền của dân tộc, hiệp sĩ Lạc Việt trắng trợn giòn giã. Công chúa xứ Tây Vực cảm kích bèn cưới làm phò mã. Kinh thế đấy, sử liệu không biết nhà văn lấy ở đâu ra mà lung tung beng, tôi điên cái đầu.

Lại một truyện khác nữa, bộ này coi có vẻ đường được, dù là mang một tên khác nhưng tôi cũng nhận ra bộ Mười hai sứ của Vũ Ngọc Đĩnh, một ông bạn già của tôi. Tội nghiệp anh!

Tôi chỉ biết thất kinh và làm đơn xin nghỉ việc, vì tôi bất tài mà những tác phẩm vĩ đại như vậy còn quá nhiều. Vị đầu nậu tức cảnh hông, chửi vào mặt tôi:

– Muốn thương chú mà thương không nổi, chú thật vô tích sự. Rõ ràng tác giả viết đề cao tinh thần dân tộc như vậy còn đòi gì nữa, mà có phải chú viết đầu mà rộn lên vậy. Chú không làm thì tôi thuê người khác, thiếu gì... Chú làm thiệt hại tôi bạc triệu, giấy phép có rồi mà không có đầu sách ra, bao nhiêu là châu bìa ôm, bao thơ. Biết thế tôi đi làm sách giáo khoa hay kỹ thuật cho xong, làm văn nghệ khổ thế đấy.

Tôi nhận lỗi và xin lỗi vị đầu nậu, không quên hứa hẹn:

– Chừng nào anh lại thu mua phế liệu ve chai như hồi ở vương quốc ve chai Tân Phú, tôi sẽ mang bọc ni lông nhất được bán cho anh.

Tôi bị mắng một trận vì dám xúc phạm đến một người làm nên vóc dáng văn nghệ dù tôi chỉ vô tình nhắc tới sự thật về tiền thân vị đầu nậu này nguyên là ông chủ thu mua phế liệu ở Tân Phú.

Tôi thưở còn sức lao động đi nhặt bao ni lông từng bán hàng cho anh, vài ba ký ni-lông hàng hắc quấy mỗi ngày có là bao. Một ngày kia tôi nghe xúi dại cầm lại bút, nhưng tôi thất bại ê chề. Trong trận văn rừng bút, tôi gặp lại ông chủ vừa ve chai, nay là một ngài đầu nậu văn nghệ kiêm nghề xuất bản theo cách thuê mượn tên nhà xuất bản, gọi

là chuyện làm ăn. Tôi được chiêu hiền đãi sĩ, kiểu như thế.

Nhưng chuyện thuê mướn cái kiểu này không phải chỉ có mình tôi gặp. Nhà văn Uyên Thao cũng đã tâm sự với tôi, anh từng được những tay đầu nậu văn nghệ đề nghị thuê mướn để biến một bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung với giá hai chục triệu đồng, rất không may là anh lại từ chối món hời đó.

Lý Phật Sơn từng đi viết thuê... ăn khoai luộc gọi là “chiêu hiền đãi sĩ”.

Rất ít văn nghệ sĩ cũ ở miền Nam có chỗ ngồi coi tạm được. Chuyện này phải gọi là kinh doanh nghề viết hơn là làm văn nghệ hay sáng tác, dù anh có được đưa đi tập huấn ở trại sáng tác,

có đi thực tế. Chuyện sáng tác tối tác là chuyện khác, chẳng nên nói đến cho xong. Chuyện cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm thiếu gì.

Bây giờ tôi nói sang một chuyện khác, chuyện cải lương, cũng đáng đến văn nghệ vậy.

Gần đây cơ quan tuyên truyền văn hóa thông tin của nhà nước kêu gọi nên phục hồi nền cải lương mà quần chúng mộ điệu dần quên lãng. Nguy cơ cho nền văn nghệ có một thuở vàng son ấy bị chết dấm chết dú, rạp cải lương thì tiêu điều, xuống cấp trầm trọng, dù có hát chùa cũng chẳng ai xem. Các nghệ sĩ nói chung, đào hát kép hát hàng đầu lui dần vào bóng tối. Lớp tài năng trẻ chưa xuất hiện. Hãy đẩy mạnh phong trào lên. Nếu cần thì mở cửa rạp cho

quần chúng coi chùa, phục hồi thuở vàng son của sân khấu cải lương. Món ăn tinh thần mà người Nam bộ nào cũng khoái, cũng say mê. Nhưng sao đến nay vẫn chẳng rôm rả tí nào. Chẳng ai làm nổi nền văn nghệ cải lương phục hồi nói chi đến chuyện đi lên.

Người viết tập hồi ký này vào miền Nam rất sớm, chính xác là sống tại Sài Gòn vào thuở thịnh thời của cải lương. Quần chúng say mê cải lương đến độ đi đến đâu cũng nghe lời ca tiếng hát, khắp hang cùng ngõ hẻm. Người người vẫn có những mơ ước trở thành đào cải lương tài sắc, hoặc “kép độc” cải lương.

Thuở đó có những đào kép sáng chói trên sân khấu cải lương, những soạn giả vang danh, chỉ cần tên tuổi của anh ghi ngoài “băng đờ rôn” là rạp

hát không đủ chỗ chứa khách mộ điệu, dù rằng một ngày có tới mấy xuất diễn. Điều đó đương nhiên nảy sinh ra nạn vé chợ đen, nhưng khán giả chấp nhận. Tiền cát sê của nghệ sĩ, đào kép, soạn giả, đạo diễn cao không ngờ, phải tính bằng kim cương hột xoàn. Kép Út Trà Ôn chơi bì da bằng kim cương, những ông vua, những bà hoàng cải lương. Nhớ thuở nào đào Bạch Tuyết được coi là “cải lương chi bảo”, rồi Thanh Nga, Thành Được, Hữu Phước, Hùng Cường và bao nhiêu tên tuổi khác. Những tên tuổi cải lương coi như báu vật, được tôn vinh. Một thuở vàng son không thể nào quên. Tuổi nhỏ, tôi ở trong con hẻm sở rác Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là đường Trần Đình Xu), chung xóm với một thằng bạn có tên là Hùng Cường. Hùng Cường là thằng Bắc Kỳ

“dồn” như tôi. Nó có khiếu ca hát, giât giải nhất thi hát ở đài phát thanh Pháp Á. Đầu tiên nó thành công trong ca tân nhạc, sau nó xoay sang ca cải lương và rồi nó trở thành một nghệ sĩ lấy lòng tên tuổi. Sau năm 1975, tôi gặp nó ở Cà Mau. Nó mưu đồ vượt biên, bỏ quê hương. Tôi hỏi nó sao vậy? Nó trả lời không sống được bằng nghề nó hằng đeo đuổi, cải lương chết mất. Tôi lại hỏi tại sao? Nó nói cứ nhìn khán giả vào rạp cải lương thì biết, vắng hoe à. Đâu còn những tay chuyên nghiệp đi bán vé chợ đen nữa. Tổng tích dở quá, ai còn thèm xem nữa. Máy vở diễn như Đời cô Lựu cũ mèm cũng không vực dậy nổi sân khấu cải lương đang tụt dốc. Bây giờ toàn tổng tuyên truyền thì cần chi đến nghệ sĩ tài danh.

Nhiều năm rồi suy nghĩ lại về những lý do ấy, tôi thấy có lý. Sự việc đây, làm sống lại sân khấu cải lương quả là khó khăn.

Nguyên nhân chẳng cần tìm đâu xa, không thể đổ “tại, bị” gì được hết. Nguyên nhân là tự nó thôi.

Khách mộ điệu miền Nam phải bỏ cải lương, quên dần những thần tượng của họ cũng đau lòng lắm.

Ở ven thành phố bây giờ có một viện dưỡng lão cho các nghệ sĩ. Sống được là nhờ tình thương của nhiều người, không thuần là khán giả mộ điệu cải lương, sân khấu.

Ở đó có nhiều tên tuổi từ hồi nào đến giờ. Họ là những cụ già neo đơn, ngồi hồi tưởng lại thuở vàng son dưới

ánh đèn sân khấu. Thấy sân khấu cả trong giấc mơ già. Gảy lên những tiếng đàn ghi ta phím lõm. Giọng ca mùi rệu thuở nào nay đã run giọng, ít hơi, xuống nổi câu xề muốn đứt hơi luôn.

Các cụ như những di tích để trong viện bảo tàng, cho đời sau con cháu còn “tham quan”. Ở thế kỷ đó, tại mảnh đất Nam bộ Việt Nam đã từng sinh ra một nền văn nghệ sân khấu cải lương. Có những tên tuổi đào kép v.v... và v.v... Nền cải lương ấy đã chết, lý do có Trời biết.

o O o

Đầu niên học nào cũng vậy, tôi xanh xao cả người, chạy lo cho ba đứa con đi ăn học. Ba cháu đều học trường

công, tức là trường của nhà nước lập ra cho dân. Nhưng cũng mệt lắm, tốn kém lắm. Có năm tôi phải mang giấy nhà đi cầm để có tiền đóng góp cho con đi học. Mảnh giấy cầm nhà đó tôi vẫn giữ làm kỷ niệm.

Từ đầu hè, chờ cho các con được đủ điểm lên lớp hay lưu ban cũng phải “chõm” vào một mối nào đó lo tiền học cho con. Hoặc gia đình ăn măm mứt dòi để dành dụm cho con nhập học. Thôi thì đủ thứ đóng góp cho nhà trường, trong ngày hội cờ rong trống mở ấy, truyền hình quay phim, báo chí đăng, nhất định đó là một ngày trọng đại. Kìa trống trường điểm, đích thân thầy hiệu trưởng đánh trống khai mạc cho niên học mới, diễn văn nêu cao thành tích đạt được trong niên học cũ, năm nay thì phải đạt chỉ tiêu mà trên đã đề ra.

Quán tính thôi, các vị phụ huynh cứ tự động lo, chẳng có thông cáo nào báo trước hết. May nhờ đại chịu, y như là đánh số đề, may thì trúng không may thì trật. Tôi nói gì mà làm xàm vậy? Tôi xin được giải thích mà tự tin rằng không phải là nguy hiểm, rút kinh nghiệm đã nhiều lần, biết bao nhiêu lần trật vuột, mới hiền khô mới dễ ăn dễ bảo như ngày hôm nay, những mong “ăn mày được tí chữ thánh hiền” cho con cái.

Tôi muốn nói đến chương trình học của học sinh và các loại sách giáo khoa các cấp mà bây giờ in ấn, xuất bản tràn lan, kể cả in lậu. Tôi không hiểu tại sao, lý do gì mà người ta lại giấu chương trình học mỗi năm và các cuốn sách dành cho bấy trẻ như giấu bí mật quốc phòng. Mãi đến lúc nhập học

rồi, các cháu mới biết tên các cuốn sách phải mua cho đúng. Ai mua trước may ra thì trúng mà không may ra thì trật, như tôi đã nói.

Hàng năm việc phát hành sách giáo khoa là việc của Bộ Giáo Dục và Sở Giáo Dục. Hai cơ quan này thường xuyên đấu đá nhau vì quyền lợi phát hành sách quá lớn lao. Bao nhiêu triệu học sinh và cần bấy nhiêu triệu cuốn sách trên toàn quốc. Sách gần như thay đổi qua từng niên học, nên sách của con chị đã học qua không thể để lại cho thằng em. Đất nước tiến bộ mà, không phải thuở lỗi thời ôm mãi cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư từ thế hệ này sang thế hệ khác. Rồi đồng phục, giày dép, mũ mấn, quần áo thể thao, mỗi trường một khác. Toàn là những màn trình diễn cho có vẻ văn minh tiến bộ.

Khổ nhất bao giờ cũng là phụ huynh học sinh. Đóng góp đủ thứ tiền, thu nhập của cha mẹ lại không cao. Như hoàn cảnh tôi, mỗi niên học đều phải cầm thế giấy chủ quyền nhà với lãi suất cao để đóng góp cho các con ăn học, không có một sự giảm thiểu nào. Nhiều trẻ phải bỏ học, cha mẹ không lo nổi, mặc dầu nhà nước ra rả kêu gọi xóa nạn mù chữ. Nhưng đó là chuyện ai nấy làm.

Hàng năm nhà nước vẫn có những con số triệu triệu các học sinh tới trường. Không lẽ tôi là người trong cuộc mà lại nói sai, nói láo. Xuân thu nhị kỳ họp phụ huynh học sinh. Đầu niên học họp một phò kêu gọi phụ huynh đóng hội phí. Cuối niên học họp một phò nữa tổng kết. Tổng kết cái gì? Chẳng gì cả!

Những ý kiến đóng góp của phụ huynh học sinh đầu niên học có ghi biên bản, nếu nói một cách tiêu cực thì chẳng giải quyết gì. Đâu vẫn hoàn đấy, kêu gọi và đóng góp, điệp khúc ấy trở nên nhàm chán. Nhiều phụ huynh học sinh chán chẳng còn phát biểu gì nữa, thụ động và chẳng muốn tham gia vào bất cứ một lời kêu gọi nào. Vô tình tôi cũng trở thành một thứ phụ huynh học sinh như vậy.

Tôi mất sức lao động lại chuyên nghề làm thỉnh, nên thu nhập không là bao. Bạn bè nhiều người thương mà giúp đỡ. Có ông bạn đầu niên học giúp cho cháu bộ sách giáo khoa, nhưng đến ngày nhập học mới được biết, năm nay cháu không dùng sách của Sở mà dùng sách của Bộ. Lại một phũ phàng chạy tiền mua sách cho con. Cùng một chương

trình, nhưng sách này và sách kia chỉ sai khác một dấu chấm, phẩy cũng không được...

Đầu năm các cháu ghi chép vào sổ báo bài dài dằng dặc những món tiền đóng góp để các cháu trở thành học sinh: Bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế, giúp học sinh nghèo vùng sâu vùng xa... Bố ai biết được nó như thế nào. Học sinh đi đá đi ỉa cũng phải đóng tiền vệ sinh.

Trong trường học không có phòng y tế, cũng chẳng có lấy một lọ dầu cù là bổ thí, nhưng vẫn phải đóng tiền bảo hiểm tai nạn. Bảo hiểm y tế, đóng không nhiều lắm nhưng nếu có được bồi thường chỉ có một số bệnh trạng nào đó do hãng bảo hiểm qui định...

Chuyện lấy được tiền bảo hiểm cũng
trầy da tróc vẩy.

Đầu niên học này, tôi nhận được
giấy mời đi họp hội phụ huynh học sinh.
Tôi chán nản quá, tính chỉ đến nộp sổ
liên lạc của con rồi về. Vì tất cả những
gì nhà trường cần đến đều đã ghi vào
sổ báo bài. Thấy cô giáo mời mãi, nể
quá tôi đành vào họp. Chẳng có gì khác
như gần mười năm nay tôi từng đi họp.
Phần phụ huynh phát biểu, hình như
chẳng ai muốn nói gì, cuối cùng có một
vị đứng lên.

Ông ta hết lòng ca tụng nền giáo
dục tiên tiến, ca tụng sự kêu gọi đóng
góp rất hợp lý của nhà trường, ca tụng
thầy cô và nhiều điều muốn ca tụng
khác, như kêu gọi phụ huynh nên đóng
góp cho bảo hiểm y tế....

Toàn thể phụ huynh, tôi là 39 người
ngơ ngác nhìn nhau. Thật gần mười
năm trời nay tôi mới thấy một vị phụ
huynh học sinh năng nổ như vậy. Một
vị phụ huynh ngồi cạnh, nói với tôi:

– Lại có một con chim mồi.

Ông ta hót hay lắm, hay đến đi ra
ngoài luồng luôn, chẳng ai buồn nói gì,
nhưng món bảo hiểm y tế vẫn ế khứa...
Cô giáo thì than trời vì từng bị phụ
huynh tới hạch sách về chuyện đóng
góp cho nhà trường. Cô chỉ làm theo
lệnh... trên. Lương của cô giáo chỉ được
hai trăm ngàn đồng một tháng mà thôi,
cô dạy học vì yêu nghề.

Tôi có ba đứa con theo học mà từ
nhiều năm nay tôi chưa từng biết vị hội
trưởng và chi hội trưởng. Mãi đến cuối

niên học, các vị ấy mới xuất hiện, tặng sách vở cho các cháu nghèo. Cũng nằm trong tiền hội phí của phụ huynh học sinh đóng góp. Tiền liên hoan chia tay thầy trò bạn bè cũng do học sinh nã tiền bố mẹ đóng góp.

Ở đây tôi chỉ nói sơ qua về nền giáo dục, tôi không thể nói nhiều được vì có nói gì cũng không lại.

Tôi mang những chuyện này tâm sự với ông cụ Mạnh. Ông bạn già Mạnh là một vị đức cao vọng trọng. Ông pha một bình trà ngồi uống với tôi, lắng nghe tôi nói. Cụ chậm rãi nói:

– Như thế hệ chúng ta, cho con cái học mong cho ấm thân chúng nó, may mắn thì chúng đỗ đạt ra làm quan. Nhưng nay thì khác, làm quan rồi mới

đi học. Anh không thấy bao nhiêu là lớp bổ túc văn hóa cho các quan chức đó sao. Giữ những chức vụ quan trọng về kinh tế mới học về kinh tế tại chức.

Ông cụ đứng nhìn vườn cây cảnh và hòn giả sơn mà cụ khoe mới đắp. Cụ khuyên tôi nên giữ gìn sức khỏe vì biết tôi có bệnh cao áp huyết. Đời này thiếu gì kẻ múa rối mà tưởng mình vũ ballet.



Hình như đất nước tôi năm nào cũng có bão lụt thiên tai, dân cư khổ trăm bề. Những ngày tháng cuối năm, từ tháng 7 âm lịch trở đi, bão táp thiên tai hơi nhiều, liên tiếp hết cơn bão này đến cơn bão khác. Đầu tiên thì gọi là áp thấp nhiệt đới. Những cơn mưa dầm

dề tối trời thối đất rồi mới tới những cơn bão, tùy nó đến đâu và đổ bộ vào đâu.

Sài Gòn mấy ngày nay mưa dầm dề, tôi không thể ra đường hoặc đi đâu được. Tôi đành ngồi nhà.

Ngồi nhà thì buồn quá, tôi phải giải trí gì cho đỡ buồn. Tôi lục tìm trong đồng băng video, bắt gặp vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ. Đúng rồi, một vở kịch hay, tôi cũng đã xem, bây giờ xem lại nữa cũng chẳng sao. Vở kịch hay, nếu khen ngợi thì tôi chỉ còn biết nói là hết ý.

Câu chuyện dựa theo một chuyện cổ Việt Nam, lại biến thành kịch. Tài năng và bút pháp của kịch tác gia xuất thần, một con người đầy kinh nghiệm

sống đã làm nên một kịch bản tuyệt vời. Tôi nhớ nội dung của câu chuyện cổ chỉ là chuyện lằm lẩn của Thiên Tào và Bắc Đẩu bắt lằm hồn của ông Trương Ba, sai thì phải sửa sai, bèn cho ông Trương Ba sống lại, mượn xác của một người mới chết, anh hàng thịt. Tâm hồn, đúng của ông Trương Ba, nhưng thể xác lại là anh hàng thịt, một tay đồ tể chuyên nghiệp. Cái rắc rối là ở đó.

Tác giả đã dẫn dắt người xem từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Giàn diễn viên nhà nghề, tài năng đã đưa vở kịch lên đỉnh cao. Nói được tất cả những gì tác giả muốn nói, những lằm lẩn, những mẫu đời sống thật mà thời nào cũng có, cũng giống nhau đã được thể hiện mạch lạc chặt chẽ, khiến người xem cười ra nước mắt.

Tác giả của vở kịch bây giờ không còn nữa, anh đã chết cùng vợ con trong một tai nạn thảm khốc.

Tôi đã được xem một đoạn phim phóng sự về bà mẹ già của Lưu Quang Vũ nước mắt ngấn, nước mắt dài cắm nhang lên bàn thờ của con, dâu và cháu nội, một người già neo đơn, số phận phải như vậy. Cuối vở kịch, hồn Trương Ba, trong thể xác anh hàng thịt phải gào lên: “Sống như thế này mà là sống à”. Cuối cùng Trương Ba xin được chết, trả lại cái xác cho anh hàng thịt. Có đầu thai nữa hay không cũng cóc cần.

Trong nhiều năm nay, tôi ít khi xem được một vở kịch hay như vậy, tôi cũng không hiểu tại sao vở kịch đó lại ra đời được, như một số sách, truyện,

phim khác mà nhiều người mẫn mọ, nhắc đến như nói chuyện bí mật.

Việt Nam còn nhiều tác phẩm hay lắm. Rất nhiều tài năng còn ở đâu đó, vì vốn sống của Việt Nam khá nhiều và khá phong phú trong một chiều dài lịch sử đất nước bị thương có thừa. Văn nghệ nó sẽ phản ánh tất cả.

Hãy chờ xem.

o O o

Phải chăng tôi là một anh già hay gây gổ và lảm điều? Thật ra tôi không hẳn như vậy. Có gì đó tôi mới ra lời, nếu không tôi làm thinh cho yên. Tôi muốn yên vì tôi lười, đơn giản thế thôi. Vậy mà có những chuyện chẳng đáng

đừng, muốn yên mà không yên được.

Mới ngày hôm qua đây thôi, tôi lái chiếc xe Vélo Solex của tôi trên đường đông, có một chị trông cũng bảnh lắm lái xe Dream. Lúc qua mặt tôi, chị nhổ một bãi nước bọt, bãi nước bọt có lẽ của người bị ho gà nên có đờm. Bãi nước bọt bay thẳng vào mặt tôi dính nhằng nhằng. Tôi lộn tiết, nhả hết ga đuổi theo, cũng may gặp đèn đỏ ở đầu đường, tất cả xe cộ phải dừng lại. Tôi đuổi kịp chị ta. Tôi nói một câu rất là có văn hóa:

– Này chị coi, bạn sau đi xe trên đường không nên nhổ nước bọt bừa bãi như thế, vừa mất vệ sinh vừa không lịch sự.

Chị ta nhìn thẳng tôi, lâu bầu câu gì đó trong miệng, tôi tưởng sẽ nhận được một lời xin lỗi, nhưng không, chị khắc thêm một câu khác vào mặt tôi:

– Biết là mất vệ sinh sao không chùi đi, lại còn lo bắt lỗi, muốn bắt đền hả, rõ là lắm điều.

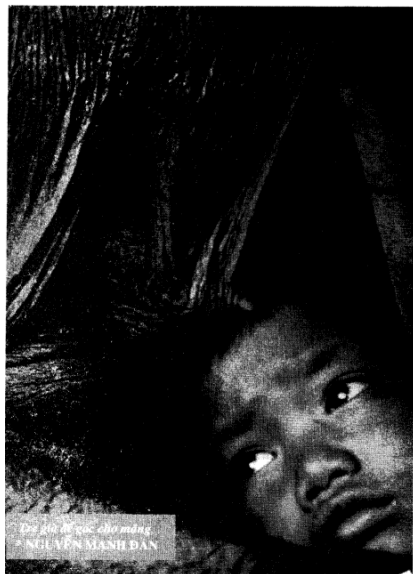
Tôi sững sờ, chưa kịp có phản ứng gì thì đèn xanh bật, xe cộ nối đuôi nhau chạy mất. Tôi dạt vào trong lề, đứng chùi bãi nước bọt trên mặt. Tôi đã không kịp nổi nóng, như đã mất nhiều dịp nổi nóng, mọi chuyện xảy ra nhanh quá.

Hồi đầu giải phóng tôi từng bị anh cán bộ cưỡi xe đạp chẹt tôi, ngã văng cả kính trắng còn mắng cho một trận vì không chịu nghe tiếng “ếp ếp” của

anh, sau này dắt xe qua đường suýt nữa bị một ông trẻ mà làm lớn lái ô tô con xô đến cán phải, còn bị chửi là thằng già chán sống. Đại khái là những việc như thế, tôi chẳng biết phải làm sao. Tôi muốn lắm điều mà không thể lắm điều được, tốt hơn hết là làm thinh.

Tôi dùng thiên hồi ký ở đây, nhưng tôi chưa gác bút.

Gác Bút 12.1999



Tre già để gốc cho măng
Nguyễn Mạnh Đan

Tủ sách

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

Chủ trương: Uyên Thao

với sự cộng tác của

Hà Thượng Nhân * Minh Võ * Hoàng
Ngọc Liên * Hà Thế Ruyệt * Hoàng Hải
Thủy * Tạ Quang Khôi * Hồng Dương
* Thái Thủy * Thanh Thương Hoàng *
Trần Phong Vũ * Trịnh Đình Thắng *
Trùng Dương * Lã Huy Quý * Lê Phú
Nhuận * Lê Thiệp * Vũ Ánh * Nguyễn
Tuyển * Nguyễn Hữu Điển * Nguyễn
Thiên Ân * Trương Cam Vĩnh * Đặng
Đình Khiết * Chu Tấn * Phạm Quốc
Bảo * Phan Điền * Phạm Trần * Vũ

Uyên Giang * Việt Dương * Dư Thị
Diễm Buồn * Ngô Vương Toại * Võ
Văn Phú * Vương Đức Lệ * Xuân Bích
* Phó Hồng Hà * Đào Vũ Anh Hùng.

* Địa chỉ liên lạc:

P.O. Box 230113

Centreville VA 20120

* E-mail: uyenthaol@juno.com

Độc giả ở xa muốn mua sách, xin gửi
thư về:

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG

P.O Box 230113

Centreville – VA 20120

U.S.A

- * Sách giao tận nhà thêm lệ phí Bưu Điện 3USD, áp dụng cho khắp nơi trong và ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ.
- * Lệ phí Bưu Điện vẫn là 3USD khi mua 2 tác phẩm cùng một lúc.
- * Ngân phiếu, lệnh phiếu mua sách xin ghi trả cho:

TỦ SÁCH TIẾNG QUÊ HƯƠNG.

Tủ sách

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

giới thiệu cùng bạn đọc:

* Phát hành tháng 9/2000:

Hai tác phẩm mới nhất của một nhà văn nổi trôi theo mọi thăng trầm của đất nước và vẫn kéo dài kiếp sống đọa đày của người dân bị tước đoạt mọi quyền sống ngay chính trên quê hương mình:

THÂN PHẬN MA TRỜI

* Truyện NGUYỄN THỤY LONG

Gồm những sáng tác hình thành từ thực tế bi thảm của nhiều thế hệ người Việt nối tiếp suốt nửa thế kỷ qua, những bức chân dung đậm nét ghi lại màu sắc đau thương chưa từng có trong lịch sử dân tộc Việt Nam cho tới ngày nay. – Giá 18 USD

GIỮA ĐÊM TRƯỜNG

* Hồi ký NGUYỄN THỤY LONG

Ghi lại trung thực nhiều mảnh đời của các văn nghệ sĩ từng một thời vang bóng nhưng suốt 25 năm qua đã bị gạt ra bên lề xã hội để trở thành những kẻ sống vật vờ, những kẻ phải tự ăn mình mà sống. – Giá 14 USD

* Lần lượt phát hành trong năm 2001:

THƠ TÚ KẾU

* Thơ

Những bài thơ của một thi sĩ tài danh hình thành từ nỗi nghẹn uất của một tâm hồn thiết tha yêu cuộc đời, yêu con người nhưng đã trở thành nạn nhân của đọa đày áp chế và hiện đang sống như một khúc cây mục vì chứng bệnh Alzheimer trong một xó rừng Cao Nguyên Việt Nam sau hơn mười năm tù đày.

MƯA NẮNG QUÊ NHÀ

* Tạp ký UYÊN THAO

Những cảm nghĩ và hình ảnh từ ký ức về quê hương của một người sống giữa quê hương mà vẫn không ngừng ước mơ được nhìn thấy quê hương.

SÀI GÒN CÁT BỤI

* Hồi ký HÀNG NGỌC HÂN

Phía sau những sự nghiệp lẫy lừng tô vẽ bằng những bàn tay dầm máu, những lời lẽ kính cẩn tôn xưng thì người dân Việt Nam đã sống ra sao suốt 25 năm qua? Từng giây, từng giờ

của mỗi ngày đã ghi dấu những thảm trạng nào, những mưu mánh bất lương, độc ác nào và với những ước mong ti tiện ra sao của một tập thể con người vẫn được gọi là công dân nhưng phải kéo lê kiếp sống của loài hoang thú? Những cảnh đời ghi lại trong Sài Gòn Cát Bụi dưới cái nhìn của một phụ nữ, một người vợ, một người mẹ từng trải mọi vùi dập suốt 25 năm qua sẽ cung ứng không ít chất liệu cho những câu trả lời.

Tủ sách

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

P.O Box 230113 Centreville

VA 20120

U.S.A

E-mail: uyenthaol@juno.com

